

# **BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**



Biến cơ hội thành giá trị

**Tháng 07 năm 2024**

## Mục Lục

<b>Tóm tắt.....</b>	<b>tr.3</b>
<b>Kinh tế Vĩ mô 06 tháng .....</b>	<b>tr.4</b>
<b>Tổng quan TTCK 06 tháng.....</b>	<b>tr.17</b>
<b>Triển vọng TTCK tháng 07.....</b>	<b>tr.34</b>
<b>Lịch sự kiện tháng 07.....</b>	<b>tr.38</b>
<b>Danh sách mã khuyến nghị năm 2024.....</b>	<b>tr.39</b>
<b>Tuyên bố miễn trừ.....</b>	<b>tr.56</b>



# TÓM TẮT

- **VN-Index tăng 10,21% so với cuối năm 2023.** VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh mạnh ở vùng giá 1.300 điểm, và kết thúc tháng 6/2024 tại 1.245,32 điểm, giảm 1,30% MoM và giảm 3,02% so với quý I/2024. Trong tháng 6, VNMID (-2,75% MoM) và VNSML (-2,19% MoM) giảm điểm sau khi đã tăng giá tốt trong tháng 5 trong khi nhóm vốn hóa lớn VN30 tăng nhẹ 0,18% sau khi tăng 2,86% trong tháng 5. Nhóm cổ phiếu Viễn thông, Công nghệ thông tin diễn biến tích cực nhất trong tháng 6 và cũng là nhóm thu hút dòng tiền nhiều nhất thị trường.
- **Thanh khoản tăng 5,20% MoM trong tháng 6 và là tháng tăng thứ 2 liên tiếp,** vượt mức trung bình. Tính chung 6 tháng đầu năm, giá trị giao dịch bình quân 3 sàn đạt 24.599 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh 79,2% so với cùng kỳ năm 2023 trong đó tăng mạnh nhất là tại sàn HOSE (+83% YoY). Nhà đầu tư cá nhân tiếp tục là động lực chính khi mua ròng trong khi khối ngoại bán ròng. Số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024 đạt 752.464 tài khoản (+81,7% YoY).
- **Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng kỷ lục.** Tổng giá trị bán ròng 06 tháng đầu năm 2024 của khối ngoại là 52.621 tỷ đồng, gấp 2,3 lần giá trị bán ròng trong cả năm 2023, đặc biệt tăng mạnh trong tháng 5 và 6. Việt Nam là quốc gia chứng kiến các quỹ ETF bán ròng mạnh nhất và xếp thứ 2 sau Thái Lan về giá trị cổ phiếu bị bán ròng tại Đông Nam Á.
- **Kinh tế tăng trưởng 6,93% trong Quý II và 6 tháng tăng trưởng 6,42%.** Hoạt động sản xuất đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo phục hồi mạnh nhờ số lượng đơn đặt hàng tăng trở lại, dòng vốn FDI và xuất khẩu duy trì tích cực, lĩnh vực dịch vụ du lịch tăng trưởng cao. Tuy nhiên lạm phát tăng và áp lực tỷ giá vẫn ở mức cao. Chúng tôi đánh giá Việt Nam có thể đạt hoặc vượt mức tăng trưởng mục tiêu 6,5% trong năm 2024.
- **Xu hướng VN-Index trong tháng 7 được dự báo tiếp tục tích lũy trong kênh giá hẹp từ 1.200 điểm / 1.230 điểm đến 1.280 điểm / 1.300 điểm,** vẫn chưa có khả năng hình thành xu hướng tăng giá mạnh.
- **Danh mục cổ phiếu khuyến nghị tháng 7 loại mã VSC và bổ sung mã MBB qua đó giữ nguyên số lượng 15 mã.** Cổ phiếu tích cực nhất danh mục tháng 6 là FPT (+12,3%), BWE (+6,3%), cổ phiếu kém tích cực nhất danh mục là PVD (-9%), SZC (-8,8%). Tính từ đầu năm, danh mục năm có 11 mã có mức tăng cao hơn VN-Index, 4 mã có hiệu suất thấp hơn.

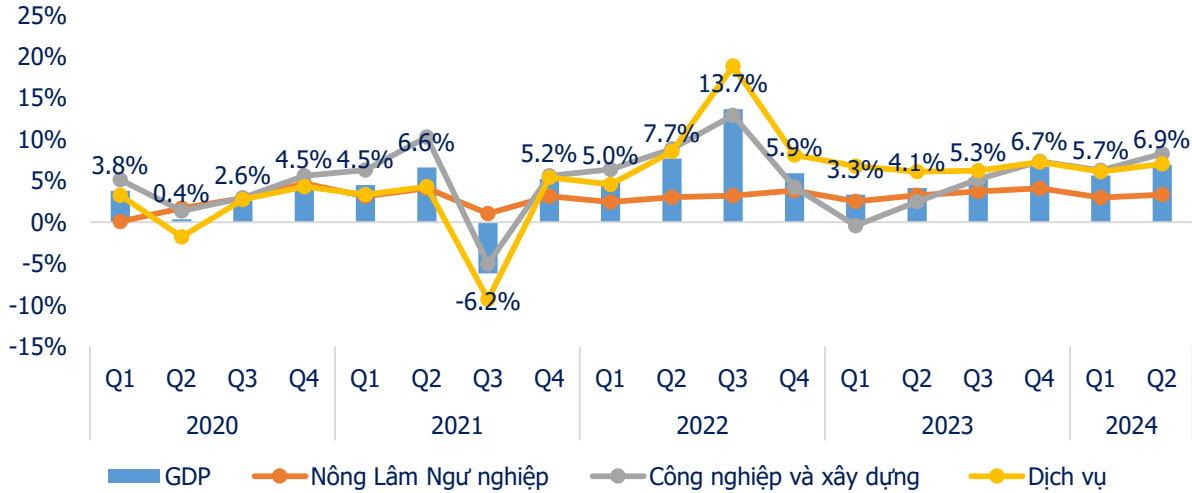
The image features a blue-toned view of Earth from space, showing the continents of Asia and Australia. A white rectangular frame is positioned on the right side of the image. Overlaid on the globe is a network of white lines connecting various points, with some points highlighted as bright blue stars. The text 'KINH TẾ VĨ MÔ' and '06 THÁNG' is centered in the image in a bold, white, sans-serif font.

**KINH TẾ VĨ MÔ**  
**06 THÁNG**



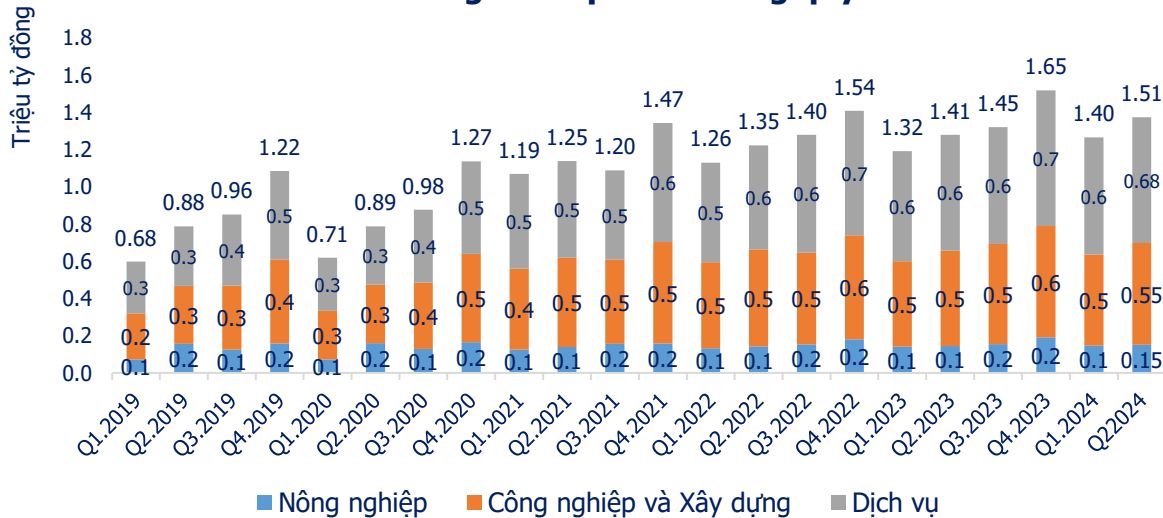
# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

### Tăng trưởng GDP (YoY)

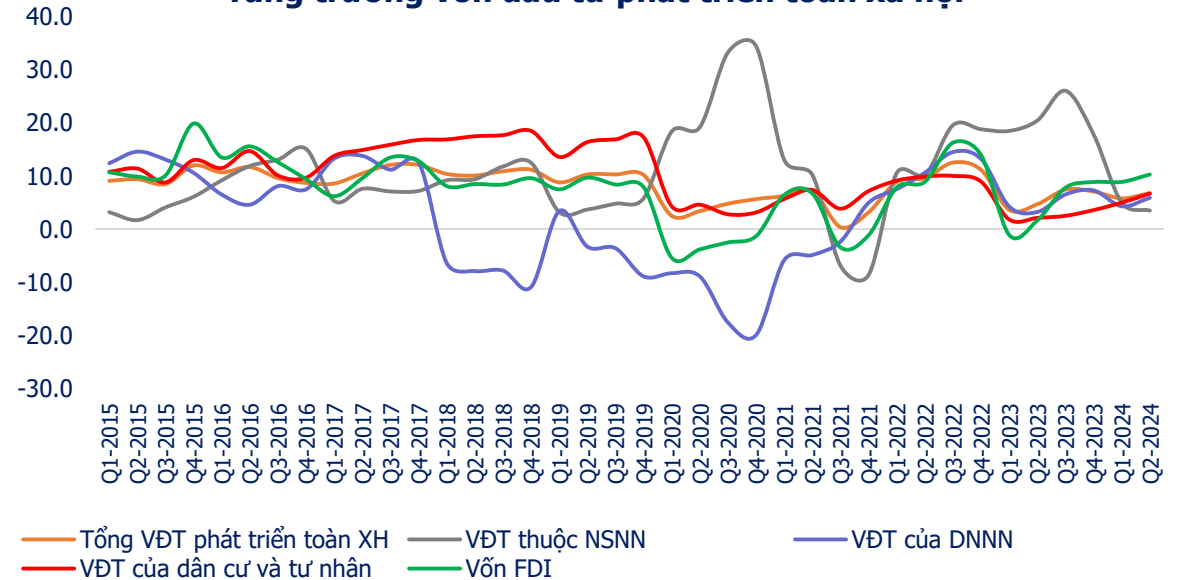


GDP Q2.2024 của Việt Nam tăng mạnh 6,93% YoY, đạt 1,5 triệu tỷ đồng, được dẫn dắt nhờ mảng sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng trưởng tích cực trên nền so sánh cùng kỳ thấp. 6 tháng đầu năm, GDP tăng 6,42% YoY, trong đó mảng công nghiệp và xây dựng tăng 7,51% YoY. Điểm cần lưu ý là khu vực tư nhân còn yếu, chưa phục hồi về mức trước đại dịch, thể hiện qua chi đầu tư khu vực tư nhân và doanh thu bán lẻ. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội được hỗ trợ từ Ngân sách và dòng vốn FDI, vốn đầu tư khu vực tư nhân cải thiện chậm và tốc độ tăng trưởng thấp hơn nhiều so với thời kỳ trước đại dịch.

### GDP từng lĩnh vực theo từng quý



### Tăng trưởng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội



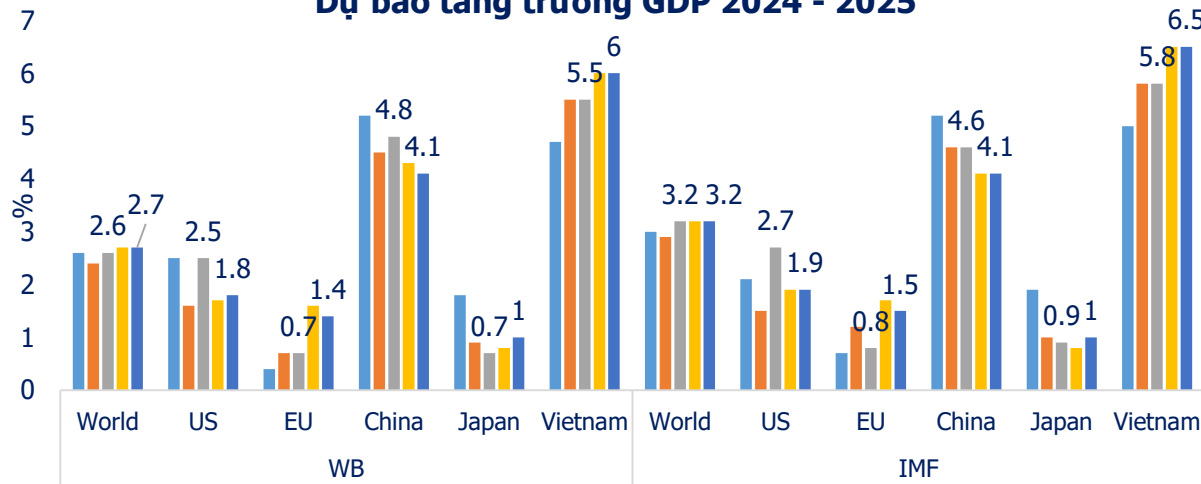


# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

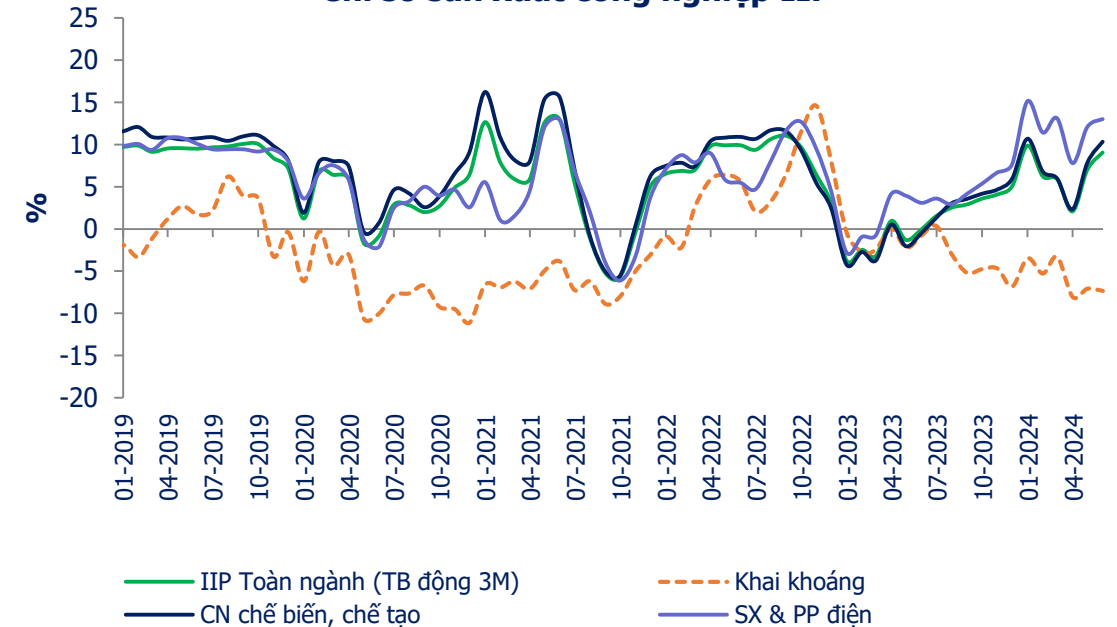
WB và IMF trong báo cáo cập nhật đã nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu lên 2,6% trong năm 2024 nhờ kinh tế Trung Quốc tăng trưởng cao hơn dự báo, tăng trưởng khả quan của Mỹ và sự phục hồi dần của EU dẫn đến nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ cao hơn tại các quốc gia. Năm 2025, kinh tế Mỹ sẽ chậm lại sau giai đoạn lãi suất cao và sự phục hồi của kinh tế Trung Quốc sẽ là yếu tố tác động tới triển vọng kinh tế Thế giới trong trung hạn.

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,5% trong năm 2024, tăng trưởng 2H2024 của Việt Nam cần đạt 6,57%. Chúng tôi đánh giá Việt Nam có thể đạt hoặc vượt mức tăng trưởng mục tiêu 6,5% trong năm 2024 khi xuất nhập khẩu cải thiện và dòng vốn FDI khả quan sẽ tác động tích cực đến thu nhập của khu vực tư nhân và doanh thu bán lẻ, dù tốc độ dự báo còn chậm.

### Dự báo tăng trưởng GDP 2024 - 2025



### Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP



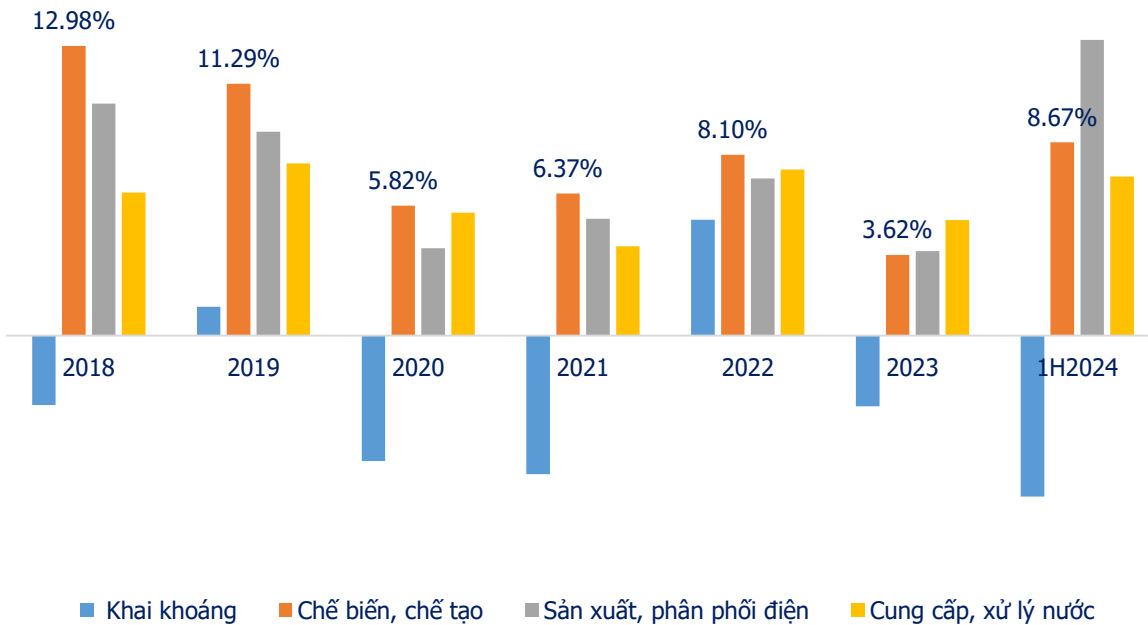
Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp



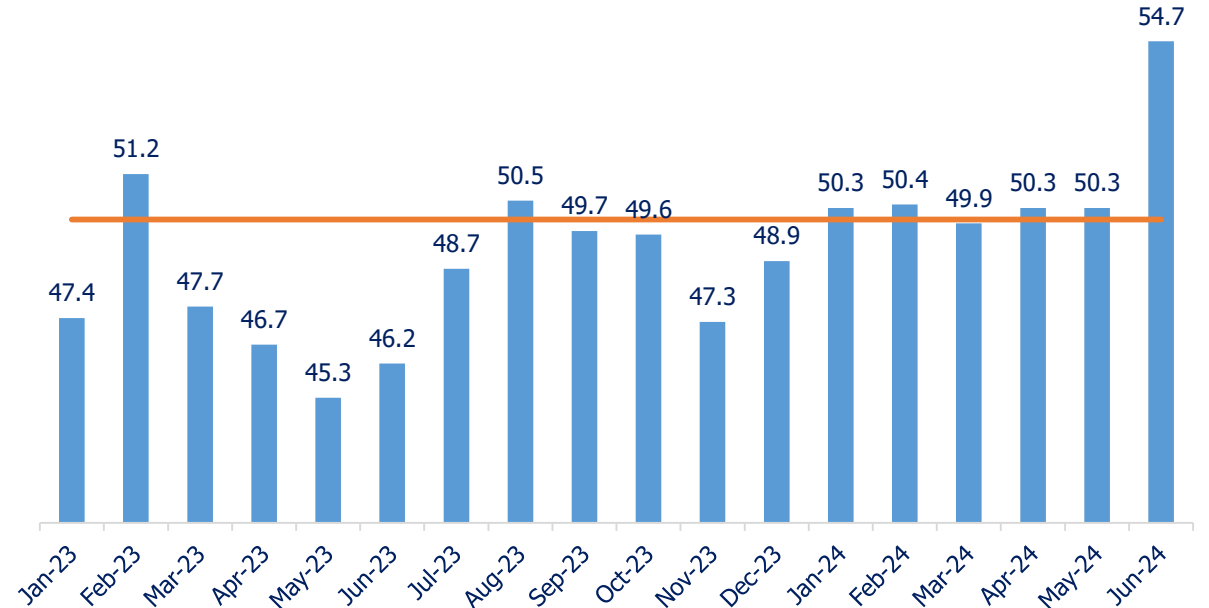
# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

**Sản xuất phục hồi.** Chỉ số IIP tháng 6 tăng 0,98% MoM và 10,92% YoY, lũy kế 6 tháng tăng 7,72% YoY so với mức -1,2% cùng kỳ năm 2023 cho thấy sự phục hồi của các lĩnh vực, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo (+8,67%) trong 6 tháng đầu năm và đóng góp 2,14% trong mức tăng GDP 6 tháng. Số lượng các đơn hàng mới tăng gần mức kỷ lục được ghi nhận kể từ tháng 3/2011, đặc biệt đơn hàng xuất khẩu tăng cao nhất từ 2022 qua đó giúp PMI tháng 6 tăng mạnh lên 54,7 điểm. Nhu cầu bên ngoài phục hồi cũng giúp số lượng nhân viên tuyển dụng của doanh nghiệp tăng trong tháng 6 sau 2 tháng giảm và cải thiện niềm tin về triển vọng khi có khoảng 1/2 số doanh nghiệp được S&P Global khảo sát dự báo sẽ tăng trưởng.

### Tăng trưởng các ngành công nghiệp (YoY)



### Chỉ số PMI (điểm)



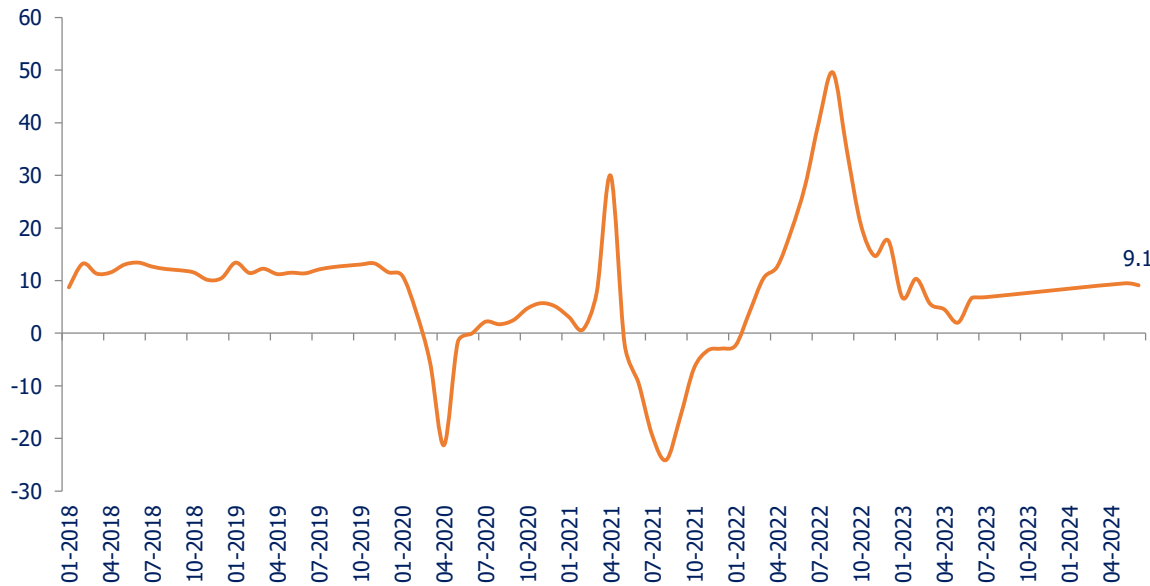


# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

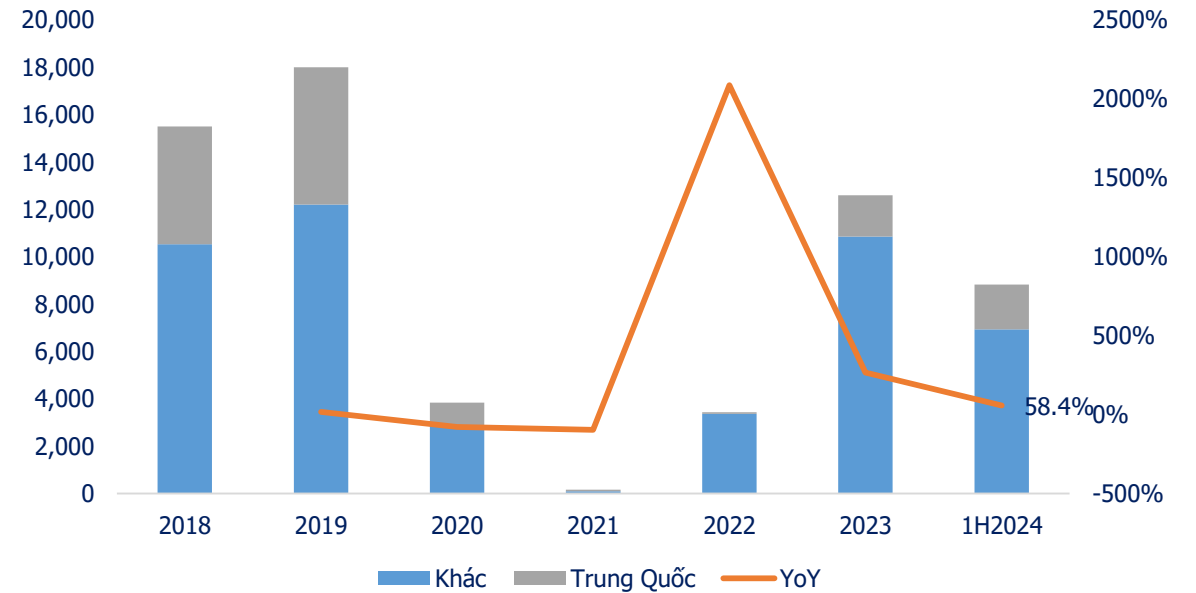
**Câu nội địa cải thiện thấp.** Tổng mức BLHH và DVTD theo giá hiện hành tăng 8,8% YoY trong Quý II và tăng 8,6% YoY trong 6 tháng đầu năm 2024, thấp hơn khá nhiều so với mức tăng 11,3% cùng kỳ năm 2023 trong đó lĩnh vực có sự tăng trưởng cao là du lịch lữ hành (+37,1% YoY). Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 8,83 triệu lượt, tăng 58,4% YoY trong đó một số thị trường lớn ghi nhận tăng cao như Trung Quốc (+3,4 lần), Hàn Quốc (+42,4%), Đài Loan (+95,5%)....

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng mức BLHH và DVTD loại trừ yếu tố giá tăng 5,7% (cùng kỳ 2023 tăng 8,8%).

### Tổng mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tiêu dung (% YoY)



### Lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

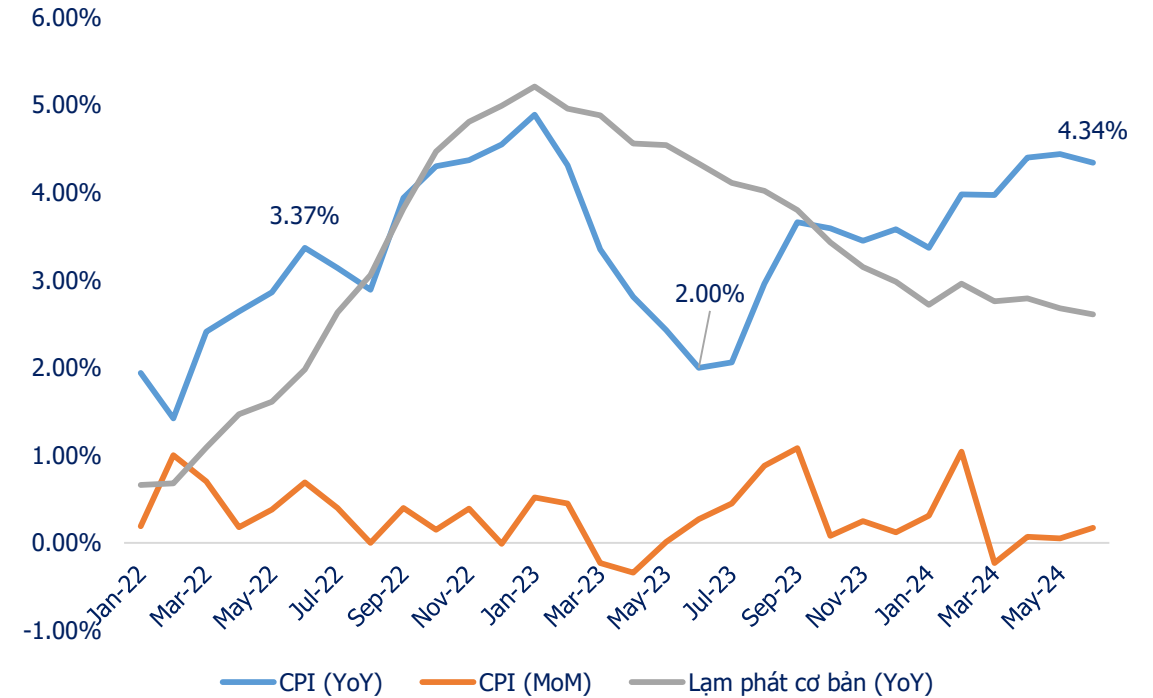
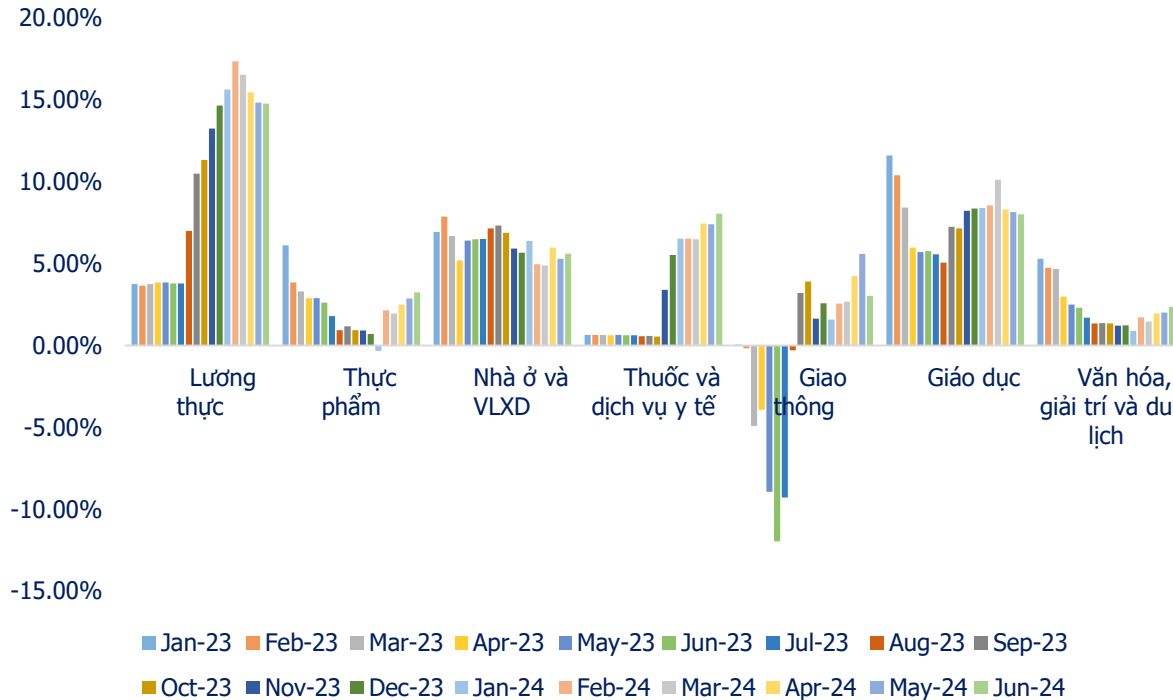


# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

**CPI tháng 6 tăng 0,17% MoM và tăng 4,34% YoY, mức cao nhất trong cùng thời kỳ kể từ năm 2018.** Trong 6 tháng đầu năm CPI chịu tác động chủ yếu từ sự tăng giá của nhóm lương thực do giá gạo trong nước tăng theo giá xuất khẩu (+20%), bên cạnh đó là tác động từ điều chỉnh giá các dịch vụ như Y tế (+7,07% YoY), Giáo dục (+8,58%) và nhóm giao thông tăng do điều chỉnh giá xăng (+3,7%), dầu (+3,6%). Ngoài ra tình hình nắng nóng trong một số tháng đầu năm khiến cho nhu cầu điện, nước gia tăng cũng khiến cho nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,51% YoY tác động làm tăng CPI thêm 1,04%.

Bình quân 6 tháng năm 2024, CPI tăng 4,08% YoY, lạm phát cơ bản tăng 2,75%. Với diễn biến tỷ giá tăng và cải cách tiền lương từ 1/7/2024, việc kiểm soát lạm phát trong giới hạn 4,0%- 4,5% theo mục tiêu của Quốc hội sẽ gặp khá nhiều thách thức trong 6 tháng cuối năm 2024.

**Giá một số nhóm hàng hóa trong CPI (% YoY)**

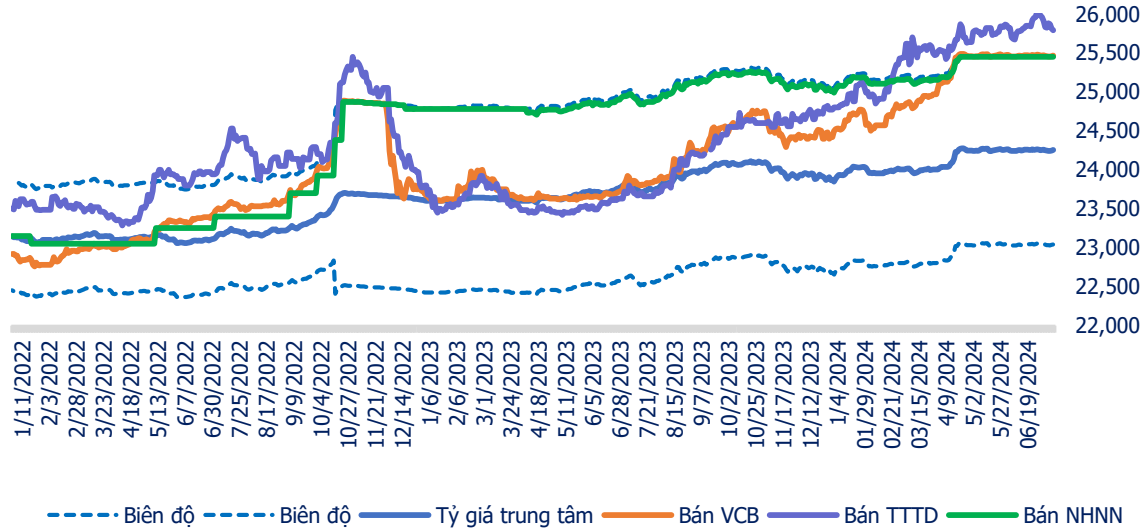


Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

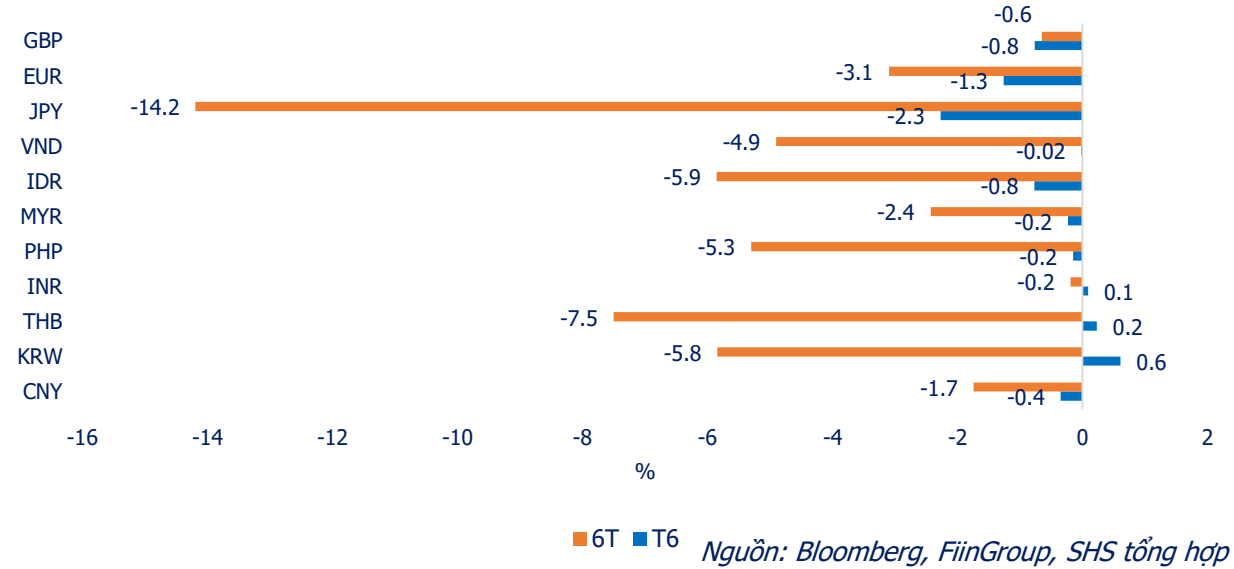


# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

### Diễn biến tỷ giá VND/USD



### Biến động giá một số đồng tiền so với USD trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2024



Đồng VND không có nhiều biến động, chỉ mất giá 0,02% so với đồng USD trong tháng 6 trong bối cảnh chỉ số DXY có xu hướng đi ngang và dòng tiền vào qua FDI và thặng dư xuất nhập khẩu hỗ trợ đồng VND. Xu hướng một số đồng tiền của Đông Nam Á cũng mạnh lên so với đồng USD trong tháng 6, sau diễn biến mất giá khá mạnh trong 5 tháng đầu năm. Tính chung trong nửa đầu năm, đồng VND mất giá 4,9% so với USD, thấp hơn nhiều đồng tiền trong khu vực.

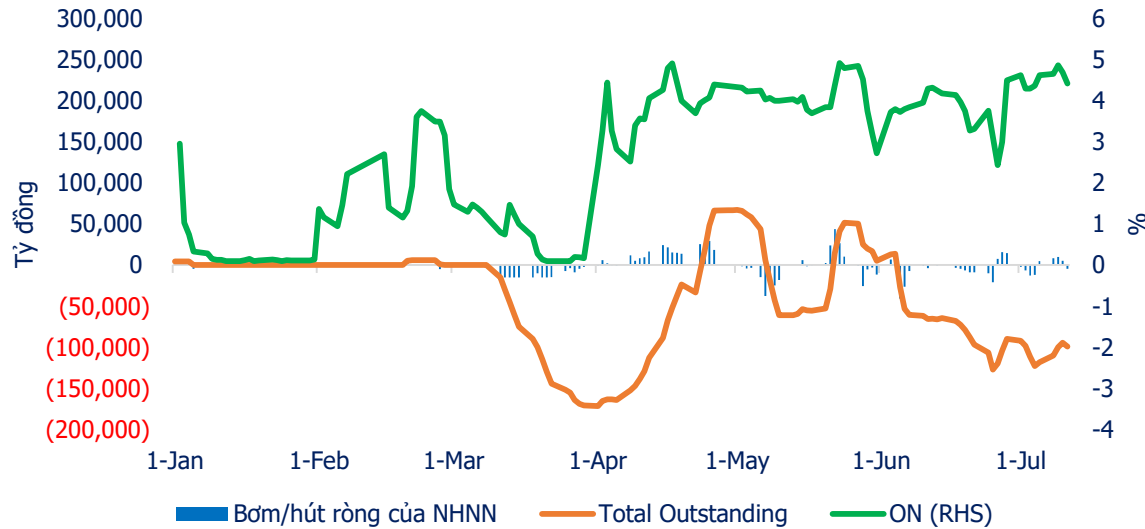
Trong tháng 6 NHNN tiếp tục bán ra ngoại tệ, ước tính khoảng hơn 2 tỷ USD với giá cố định 25.450 VND, giá bán ra tại ngân hàng VCB vẫn đang kịch trần biên độ. Tính chung trong 6 tháng đầu năm, NHNN đã bán ra ước tính khoảng 6,5 tỷ USD và khoảng 0,65 tỷ USD vàng miếng, tương đương hút về khoảng 182.000 tỷ đồng. NHNN cũng đẩy mạnh hút tiền đồng qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giảm cung tiền, giảm chênh lệch lãi suất giữa đồng VND và USD, từ đó giảm áp lực tỷ giá.

Chủ tịch FED tại buổi điều trần tại Hạ viện đã ra tuyên bố có thể điều chỉnh lãi suất trước thời điểm lạm phát xuống 2% nhằm tạo dư địa tốt hơn cho tăng trưởng. Theo thống kê của CME FedWatch Tool, 86% nhà đầu tư kỳ vọng FED sẽ giảm lãi suất lần đầu tiên tại kỳ họp tháng 9 với 2 lần giảm lãi suất trong năm 2024. Tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực cho đến hết quý 3.2024, đặc biệt khi nhu cầu nhập khẩu hàng hóa thường tăng nhằm phục vụ mùa kinh doanh cuối năm, dù có thể kỳ vọng áp lực giảm dần. NHNN dự báo sẽ tiếp tục sử dụng các công cụ OMO, phát hành tín phiếu một cách linh hoạt, ưu tiên mục tiêu ổn định tỷ giá.

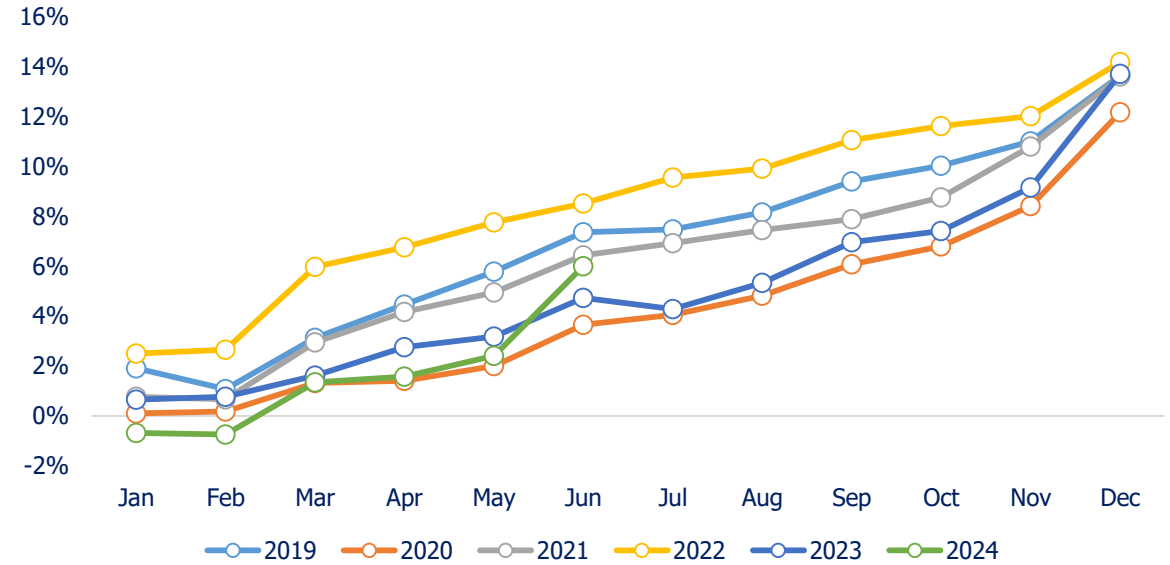


# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

### Lãi suất liên Ngân hàng kỳ hạn qua đêm và diễn biến bơm rút ròng qua OMO của NHNN



### Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2024



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tăng trưởng tín dụng đến cuối tháng 6 đạt 6%, tương đương 814.000 tỷ đồng đã được bơm ra nền kinh tế cho tín hiệu tích cực về sức hấp thụ của nền kinh tế trong đó riêng tháng 6 là 349.000 tỷ đồng. So với số liệu do TCTK công bố tại ngày 24/6 (+4,45%), chỉ trong tuần cuối tháng 6, lượng tín dụng được bơm ra nền kinh tế lên tới 210.000 tỷ đồng. Điểm cần lưu ý là tốc độ tăng trưởng huy động vốn hiện tại (+1,5% YTD) đang chậm so với tăng trưởng tín dụng, chênh lệch giữa huy động toàn hệ thống tại doanh nghiệp và dân cư so với dư nợ tín dụng ước tính đang âm khoảng 800.000 tỷ đồng và con số này được bù đắp bằng dòng tiền trên thị trường 2 cũng như Ngân hàng phát hành giấy tờ có giá.

Trong bối cảnh NHNN bán USD và hút tiền về qua nghiệp vụ thị trường mở, thanh khoản tiền VND vẫn được duy trì tương đối ổn định với lãi suất liên ngân hàng biến động trong khoảng 4% đến 5%, một phần nhờ lượng tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước. Lãi suất huy động của nhóm NHTMNN vẫn duy trì trong tháng 6 trong khi nhóm NHTMCP tăng khoảng 10-20 điểm cơ bản. Tăng trưởng tín dụng có cải thiện dự báo sẽ tiếp tục tạo áp lực lên lãi suất huy động. Hiện lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 12 tháng đối với NHTMCPNN là 4,7%, NHTMCP lớn là 4,9% và 5,1% đối với NHTMCP khác.



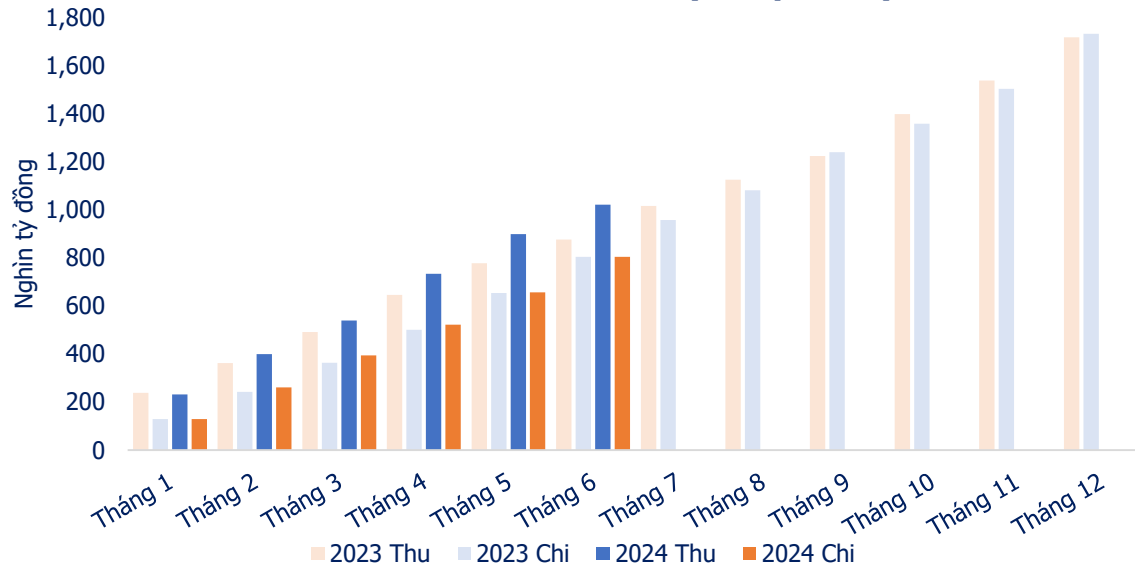
# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

Biến cơ hội thành giá trị

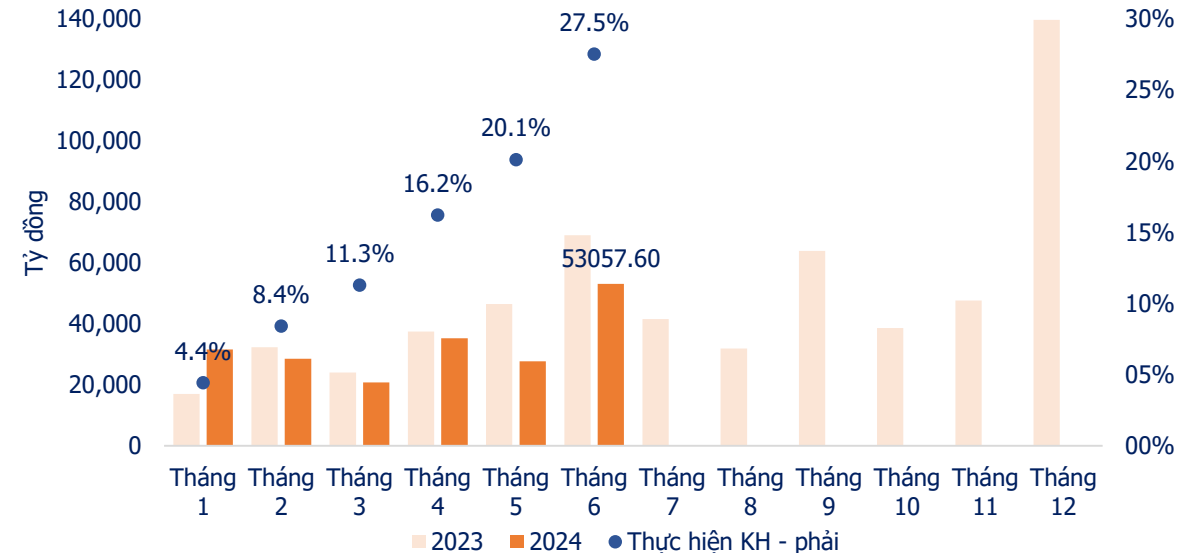
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, thu NSNN đạt 1.020,6 nghìn tỷ đồng, bằng 60% dự toán, tăng 15,7% YoY. Trong đó, thu từ nội địa và hoạt động xuất nhập khẩu lần lượt tăng 18,1% và 6,9% so với cùng kỳ. Chi ngân sách 6 tháng ước đạt 803,6 nghìn tỷ đồng, bằng 37,9% dự toán, xấp xỉ mức thực hiện năm 2023. Nguồn thu ngân sách sẽ còn cải thiện nhờ kinh tế phục hồi nhanh chóng, giúp giảm thâm hụt ngân sách. Tuy nhiên, nhu cầu chi tiêu lớn cho phát triển kinh tế-xã hội vẫn tạo áp lực cân đối ngân sách cho Chính phủ.

Giải ngân đầu tư công đạt 53 nghìn tỷ đồng trong tháng 6 và đạt 197 nghìn tỷ đồng từ đầu năm, ước tính hoàn thành 27,5% kế hoạch năm (cùng kỳ năm 2023 đạt 28,63% kế hoạch). Tiến độ giải ngân chậm liên quan đến cơ chế chính sách, giải phóng mặt bằng, nguyên vật liệu xây dựng... đến nay vẫn chưa được giải quyết, đồng thời giai đoạn nửa đầu năm thường không phải trọng điểm giải ngân vốn. Ngoài ra, việc giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm bị ảnh hưởng bởi các nguyên nhân như một lượng tương đối lớn vốn ngân sách trung ương (11.916 tỷ đồng, chiếm 5,02% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương) mới được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung nên khó có thể giải ngân kịp thời nguồn vốn trên trong 6 tháng đầu năm.

### Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023 (Số liệu YTD)



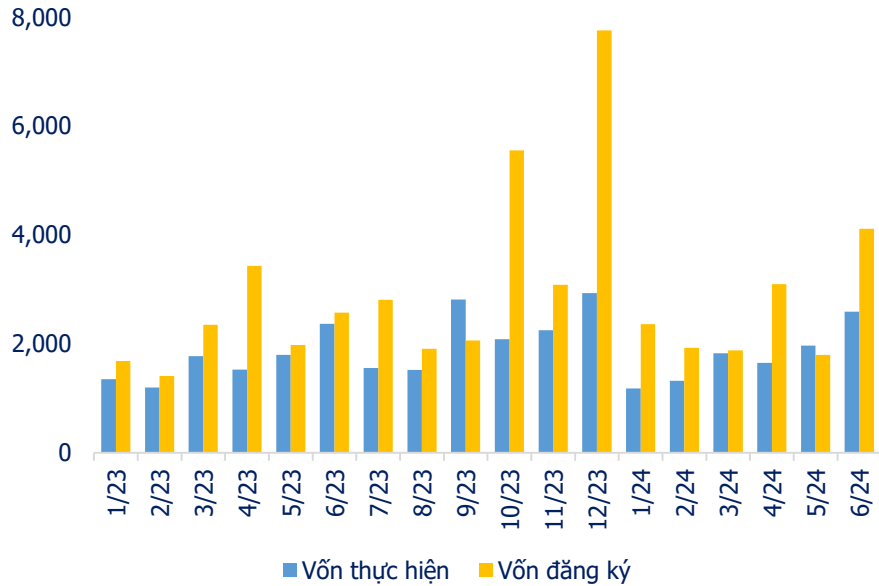
### Tình hình giải ngân vốn đầu tư công (2023-2024)



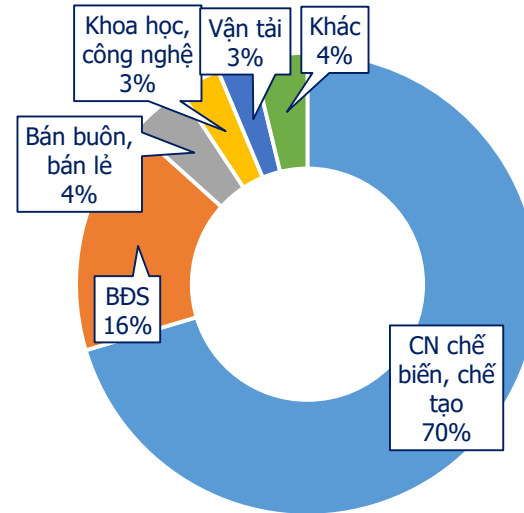
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

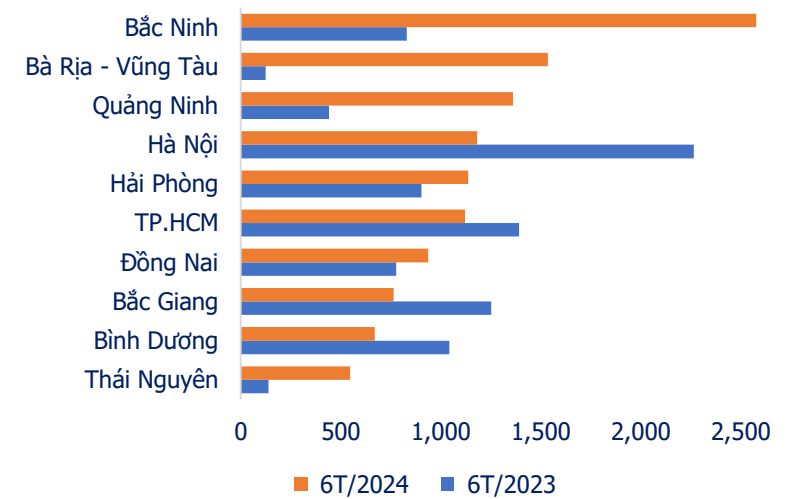
Tình hình vốn đầu tư FDI (triệu USD)



Top 5 lĩnh vực được đầu tư nhiều nhất



Top 10 tỉnh thành thu hút FDI (triệu USD)



Nguồn: Fiingroup, SHS tổng hợp

Vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tích cực. Tháng 6 năm 2024, Việt Nam ghi nhận 4,1 tỷ USD vốn đăng ký. Lũy kế 6 tháng đạt gần 15,2 tỷ USD, tăng 13,1% YoY. Vốn thực hiện tháng 6 đạt 2,6 tỷ USD và 10,84 tỷ USD kể từ đầu năm, tăng 8,2% YoY.

Về lĩnh vực đầu tư, trong 6 tháng đầu năm, các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư lớn nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (70%), tiếp theo là kinh doanh bất động sản, tăng lần lượt 26,3% và 61,5% so với cùng kỳ. Về địa bàn đầu tư, Bắc Ninh đứng đầu cả nước với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,58 tỷ USD, chiếm gần 17% tổng vốn đầu tư cả nước với 139 dự án FDI. Bà Rịa - Vũng Tàu và Quảng Ninh chiếm vị trí số 2 và 3 nhờ có nhiều lợi thế trong thu hút FDI về cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân lực ổn định, nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và năng động trong công tác xúc tiến đầu tư.

Trong bối cảnh việc áp dụng chính sách thuế tối thiểu toàn cầu làm giảm sức hấp dẫn trong việc thu hút đầu tư FDI, Bộ KH-ĐT mới đây đã xây dựng dự thảo thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác nhằm hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển.



Biến cơ hội thành giá trị

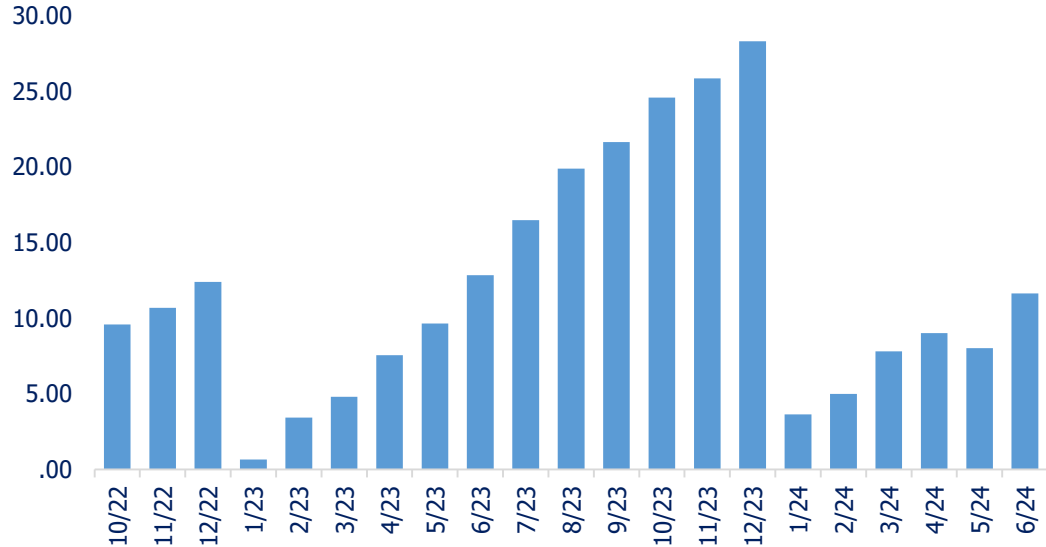
# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% YoY trong đó, xuất khẩu đạt 190,1 tỷ USD (+14,5% YoY) và nhập khẩu đạt 178,5 tỷ USD (+17% YoY). Điểm đáng lưu ý là cả kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều đạt cao so với cùng kỳ trong giai đoạn 2020 - 2024. Kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh hơn xuất khẩu trong nửa đầu năm 2024 một phần do yếu tố tỷ giá tăng, mặt khác cũng phản ánh tín hiệu hoạt động sản xuất trong nước có sự phục hồi so với năm trước (6 tháng đầu năm 2023 giảm 18%).

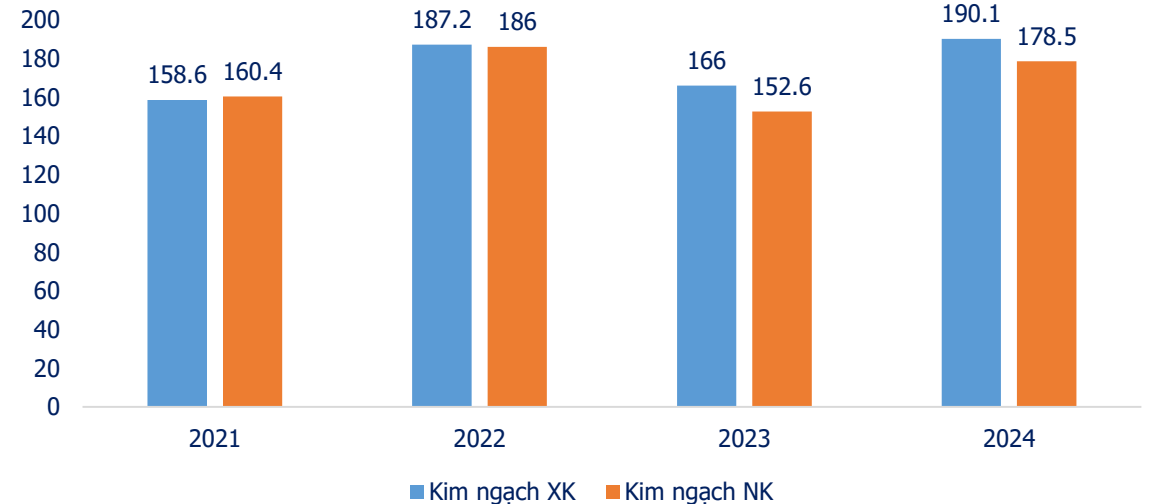
Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng 6/2024 ước tính xuất siêu 2,94 tỷ USD. Tính chung 6 tháng năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 11,63 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 13,44 tỷ USD).

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 54,3 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 67 tỷ USD.

### Cán cân thương mại xuất nhập khẩu (Ytd, tỷ USD)



### Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm giai đoạn 2021-2024



Nguồn: GSO, Fiingroup, SHS tổng hợp



# TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP 06 THÁNG

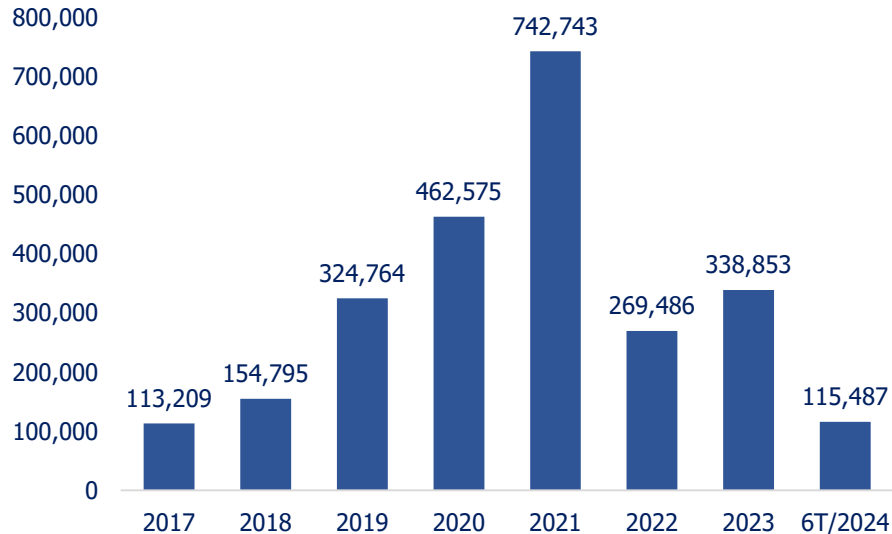
Biến cơ hội thành giá trị

Trong tháng 6/2024, tổng giá trị TPDN phát hành là 42.147 tỷ đồng, có 30 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 40.147 tỷ đồng (gấp 4,9 lần cùng kỳ) và 3 đợt phát hành ra công chúng trị giá 2.000 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 không có đợt phát hành). Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 115.487 tỷ đồng với 102 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 104.109 tỷ đồng (+179,4%) và 10 đợt phát hành ra công chúng trị giá 11.378 tỷ đồng (+100% YoY).

Trong tháng 6, các doanh nghiệp đã mua lại 13.336 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 68% so với cùng kỳ năm 2023. Trong nửa cuối năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 139.765 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 58.782 tỷ đồng, tương đương 42%.

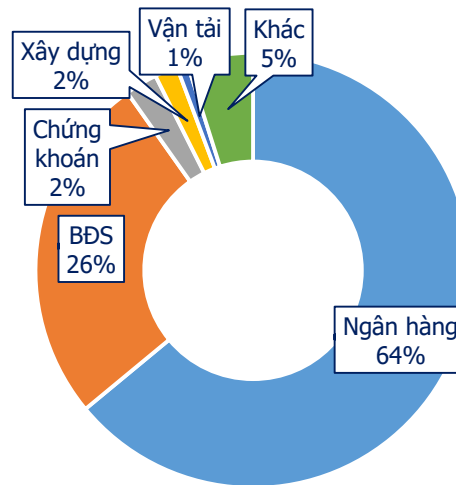
Một số yếu tố tích cực tới thị trường TPDN như các quy định mới về phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã ổn định; môi trường lãi suất thấp và nhu cầu vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp tăng khi kinh tế phục hồi. Khối lượng và giá trị phát hành có khả năng tăng, nhưng chưa đạt mức cao như giai đoạn trước 2022. Bất động sản vẫn là ngành nghề phát hành chiếm tỷ trọng lớn nhưng giảm so với những năm trước. Ngân hàng và các tổ chức tài chính có thể tăng phát hành để tăng vốn cấp 2. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng, hạ tầng kỳ vọng tăng cường phát hành để cung cấp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)

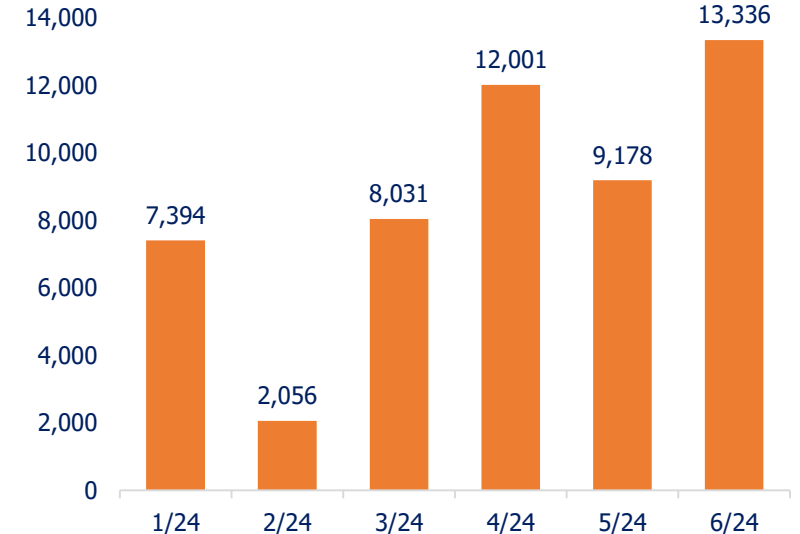


Nguồn: VBMA

### Cơ cấu phát hành theo nhóm ngành - 6T/2024



### Giá trị mua lại TPDN từ đầu năm (tỷ đồng)






Biến cơ hội thành giá trị

# KINH TẾ VĨ MÔ 06 THÁNG

Chi tiêu	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	Nov-23	Dec-23	Jan-24	Feb-24	Mar-24	Apr-24	May-24	Jun-24
<b>Chỉ số kinh tế</b>												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	3.70%	2.60%	5.10%	4.10%	5.00%	5.80%	18.30%	-6.80%	4.10%	6.30%	8.90%	10.90%
PMI (điểm)	48.7	50.5	49.7	49.6	47.3	48.9	50.3	50.4	49.9	50.3	50.3	54.7
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	10.40%	10.00%	9.70%	9.40%	9.60%	9.60%	8.10%	8.10%	8.20%	8.50%	8.70%	8.60%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	0.80%	1.30%	2.20%	2.40%	2.90%	3.50%	40.20%	38.60%	7.10%	7.40%	7.80%	8.20%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	4.50%	8.20%	7.70%	14.70%	14.80%	32.10%	9.60%	9.80%	13.40%	4.50%	2%	13.10%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	-10.60%	-10.00%	-8.20%	-7.10%	-5.90%	-4.40%	42%	19.20%	17%	15%	15.20%	14.50%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	-17.10%	-16.20%	-13.80%	-12.30%	-10.70%	-8.90%	33.30%	18%	13.90%	15.40%	18.20%	17%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	2.15	3.82	2.29	3.00	1.28	2.28	3.62	1.10	2.93	0.68	-1.00	2.94
<b>Ổn định vĩ mô</b>												
Lạm phát (% YoY)	2.06%	2.96%	3.66%	3.59%	3.45%	3.25%	3.37%	3.98%	3.97%	4.40%	4.44%	4.34%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	4.65%	4.57%	4.49%	4.38%	4.27%	4.16%	2.72%	3.67%	2.81%	2.81%	2.78%	2.75%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	4.28%	5.33%	6.96%	7.39%	8.38%	13.70%	-0.68%	-0.75%	1.34%	1.60%	2.41%	6%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	2.91%	4.04%	5.62%	5.96%	7.92%	10.03%	0%	-0.53%	0.09%	0.13%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	0.08%	0.07%	0.15%	0.75%	0.10%	2.96%	1.37%	1.48%	2.43%	4.40%	2.55%	4.50%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.65%	2.71%	2.90%	3.10%	2.58%	2.40%	2.55%	2.45%	2.69%	2.93%	2.97%	2.95%
CDS 5 năm	110.34	128.00	145.49	145.76	126.77	125.74	129.15	124.18	126.99	122.63	117.87	120.8
USD/VND (% MoM)	0.45%	1.70%	0.90%	1.10%	-1.20%	0.03%	0.64%	0.91%	0.58%	2.19%	0.47%	0.02%





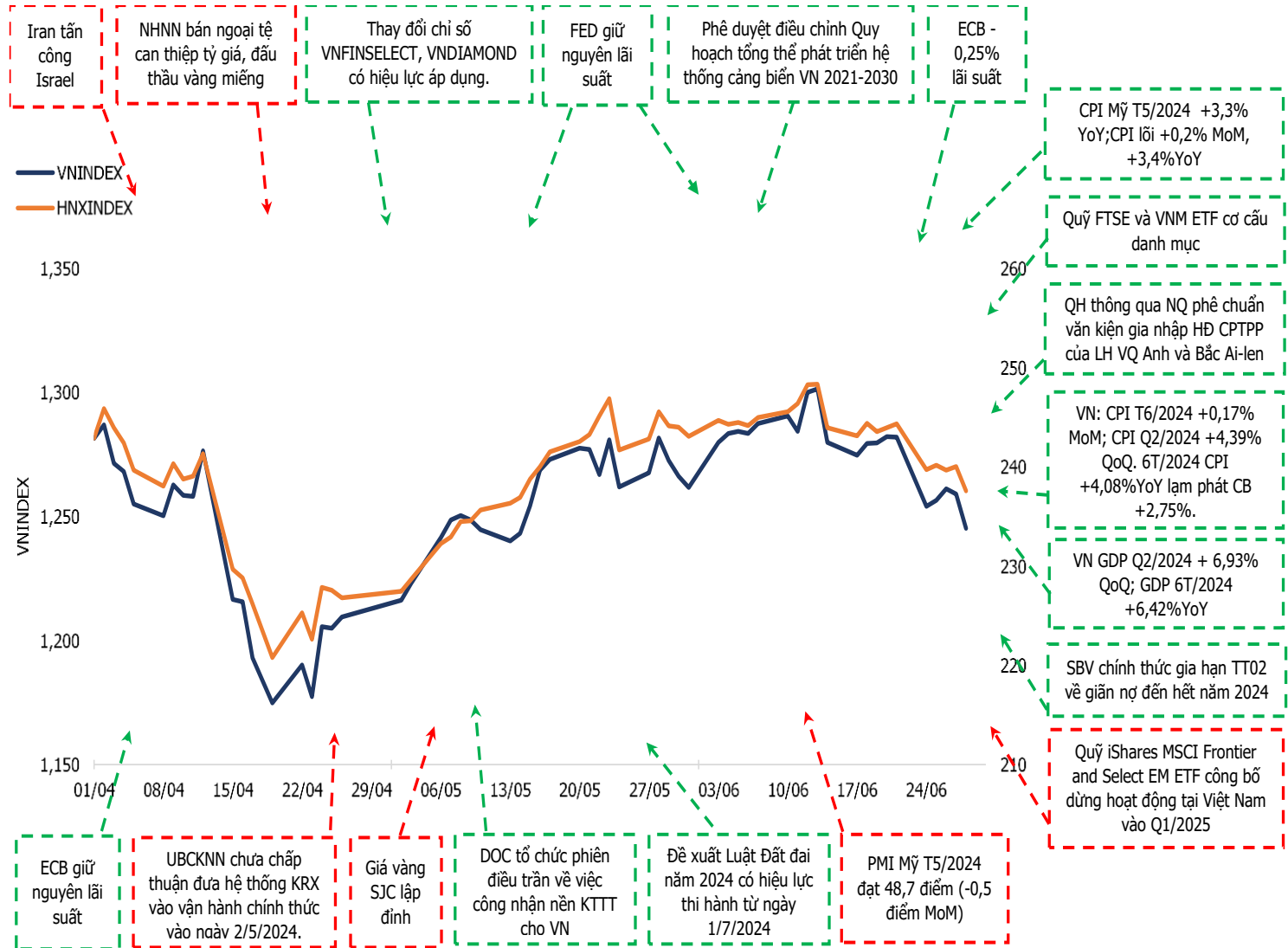
**TỔNG QUAN  
TTCK  
06 THÁNG**

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

**VN-INDEX kết thúc quý II/2024 ở mức 1.245,32 điểm, -3,02% QoQ, tăng 10,21% so với cuối năm 2023.**

Sau khi tăng điểm tốt 13,64% trong quý I/2024 với 03 tháng liên tiếp tăng mạnh, VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh mạnh ở vùng giá 1.300 điểm, hình thành kênh tích lũy biên độ hẹp dần với các vùng đáy cao dần trong các tháng của quý II/2024. Kết thúc tháng 6/2024, VN-INDEX ở mức 1.245,32 điểm, giảm 1,30% MoM và giảm 3,02% so với quý I/2024. Áp lực điều chỉnh tương đối hợp lý sau khi VN-INDEX đã tăng mạnh 13,64% từ 1.128 điểm - 1.140 điểm lên vùng 1.285 điểm cuối quý I/2024. VN-INDEX đang ở trong vùng giá cao nhất năm 2023 và duy trì kênh giá tăng trưởng dài hạn từ năm 2000 đến nay và kênh giá tăng trưởng trung hạn từ tháng 11/2023 đến nay.

Kết thúc 06 tháng đầu năm 2024 VNINDEX tăng 10,21% so với cuối năm 2023. Đây là mức tăng giá tốt, hợp lý nếu xét các yếu tố tích cực như (1) nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng tốt, tốc độ tăng trưởng GDP 06 tháng đầu năm là 6,42%. (2) lãi suất đang ổn định trên nền thấp. Bên cạnh các yếu tố bất định, kém tích cực như (1) Áp lực bán ròng kéo dài, gia tăng của khối ngoại. (2) Căng thẳng địa chính trị trên thế giới leo thang mở rộng. (3) Áp lực tỷ giá, lạm phát duy trì ở mức cao.





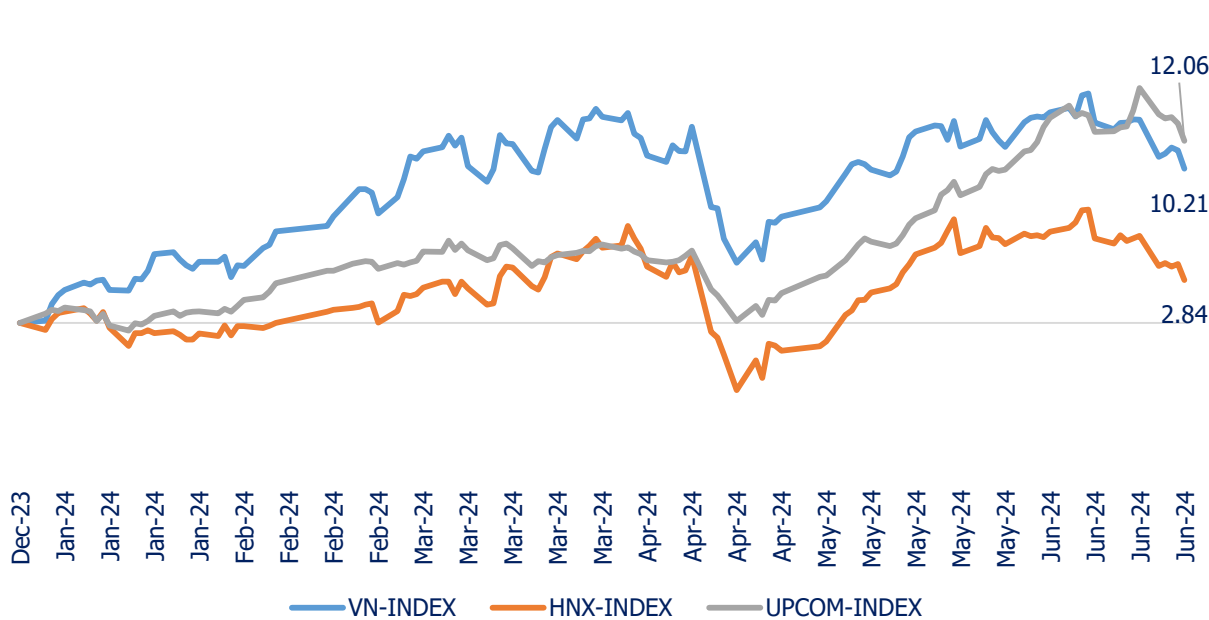
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

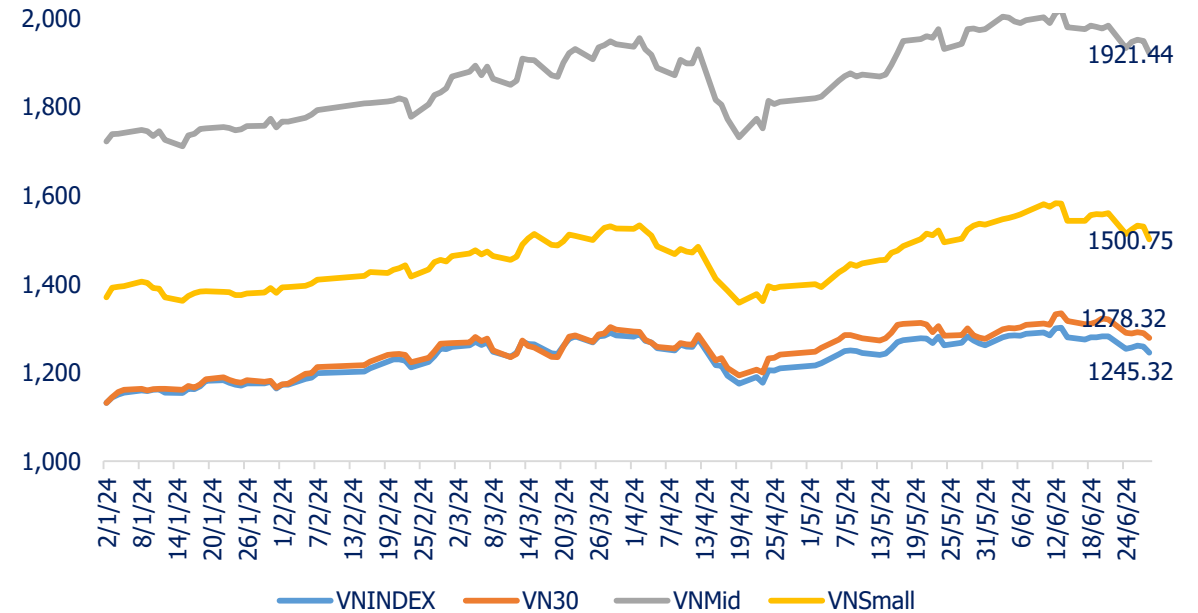
Với áp lực điều chỉnh cuối tháng 6/2024 ở vùng kháng cự mạnh 1.300 điểm, thì hầu hết các nhóm cổ phiếu đều giảm điểm trong tháng 6. Các nhóm mã chịu áp lực bán, điều chỉnh khá mạnh trong tháng 6 là VNMID (-2,75% MoM), VNSML (-2,19% MoM). Đây là áp lực điều chỉnh tương đối bình thường khi 02 nhóm mã này đã tăng giá tốt nhất trong tháng 5 như VNMID (+9,09%), VNSML (+10,07%). Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 chỉ tăng nhẹ 0,18% trong tháng 6 sau khi tăng 2,86% trong tháng 5.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, VN-30 vẫn là nhóm có diễn biến tích cực nhất với mức tăng 13%, dẫn dắt đợt tăng điểm trong Quý I và cũng phục hồi tốt sau đợt điều chỉnh vào tháng 4. Tiếp theo là nhóm VNMID (+11,1%), nhóm VNSML hiệu quả thấp hơn chỉ số chung khi tăng 9,4%.

### Tăng trưởng chỉ số chứng khoán (% YTD)



### Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2024



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



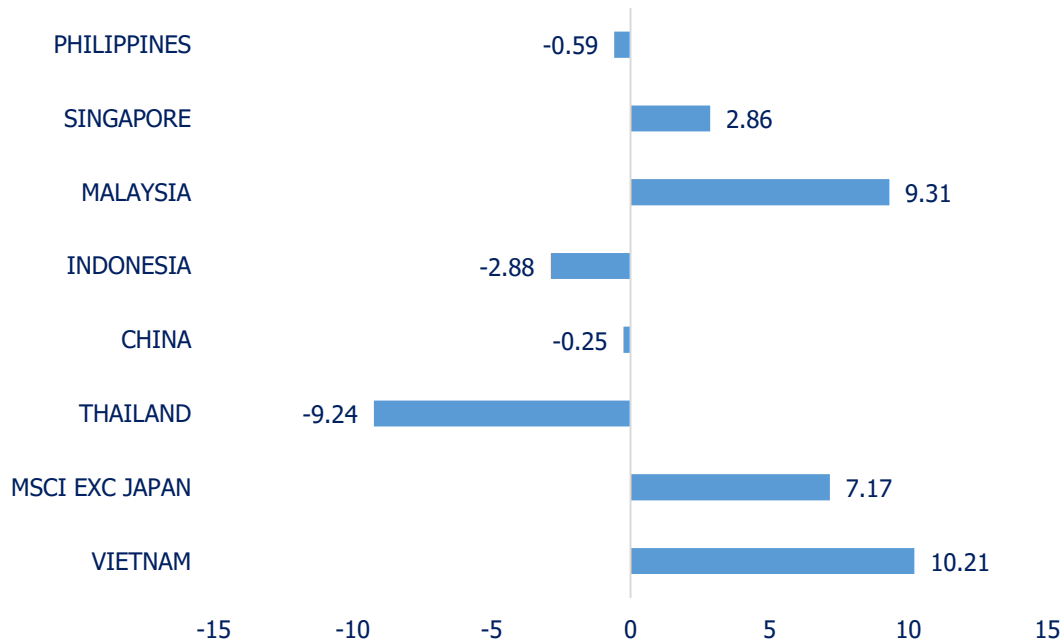
# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Biến cơ hội thành giá trị

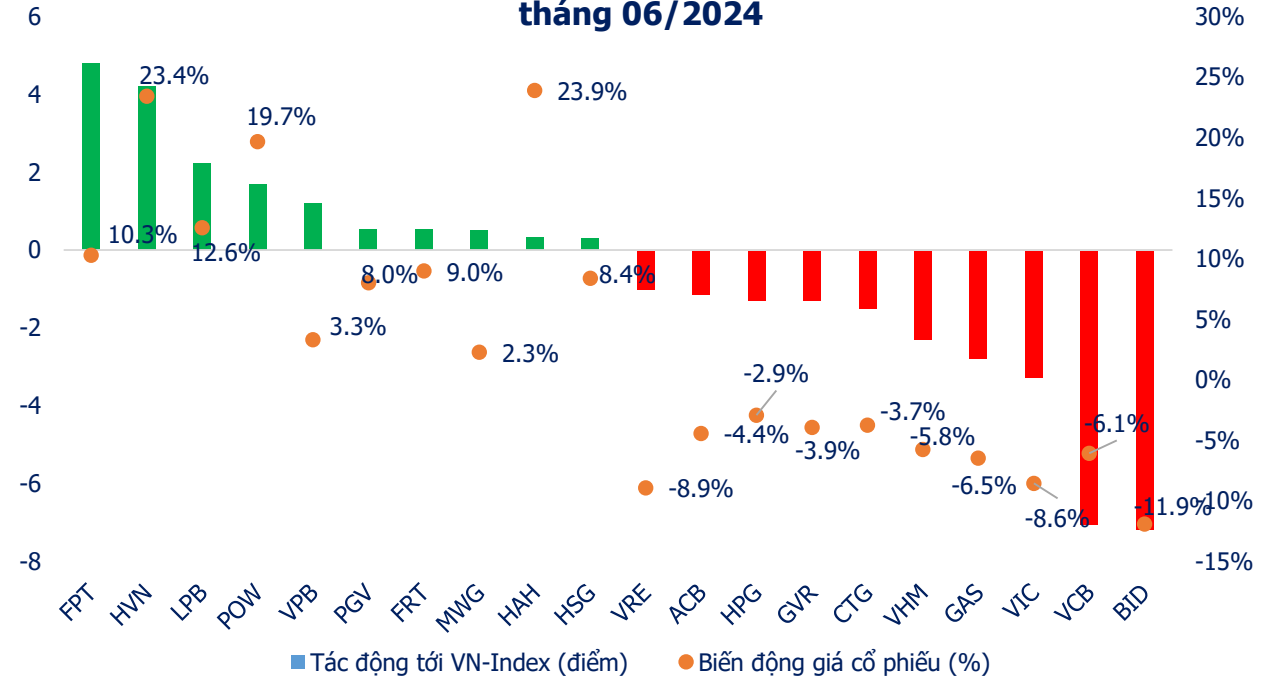
Trong tháng 6/2024, nhóm cổ phiếu có ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số VN-INDEX là các ngân hàng lớn với BID (-11,9% MoM), VCB (-6,1% MoM), CTG (-3,7% MoM), tiếp đến là VIC (-8,6% MoM), GAS (-6,5% MoM), VHM (-5,8% MoM)..., nhiều cổ phiếu điều chỉnh trước áp lực bán ròng của khối ngoại. Ở chiều ngược lại góp phần ảnh hưởng tích cực lên chỉ số là FPT (+10,3% MoM) khi nhóm công nghệ - viễn thông vẫn là tâm điểm tăng giá của thị trường trong tháng 6, tiếp theo là HVN (+23,4% MoM), LPB (+ 12,6% MoM) và POW (+19,7% MoM) cổ phiếu có diễn biến nổi bật nhất trong VN30 trước những thông tin tích cực về kết quả kinh doanh, cũng như tiến độ của dự án Nhơn Trạch 3 & 4.

So sánh với các chỉ số khác trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á, VN-INDEX đạt mức tăng trưởng tích cực nhất trong 6 tháng đầu năm. Trong khi đó Thái Lan là thị trường tiêu cực nhất khu vực khi giảm 9,24%, tiếp theo là Indonesia (-2,9%).

### Tăng trưởng chỉ số chứng khoán 06 tháng 2024 (%)



### Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index trong tháng 06/2024





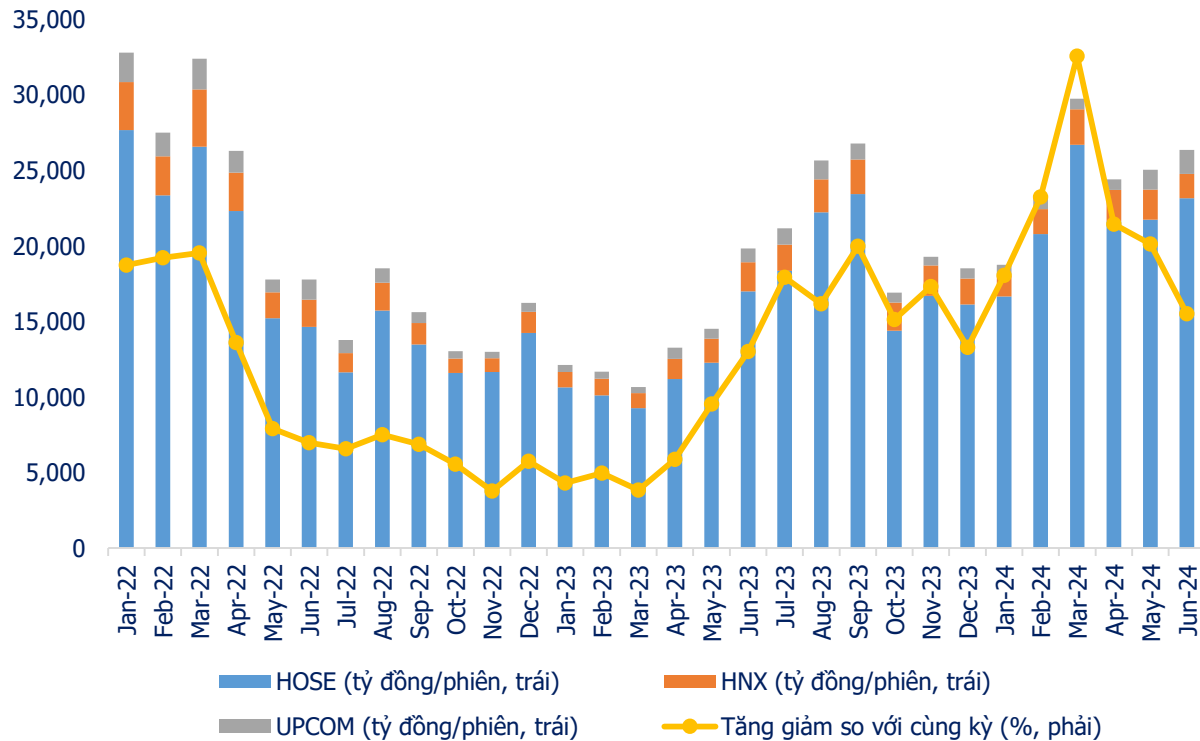
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

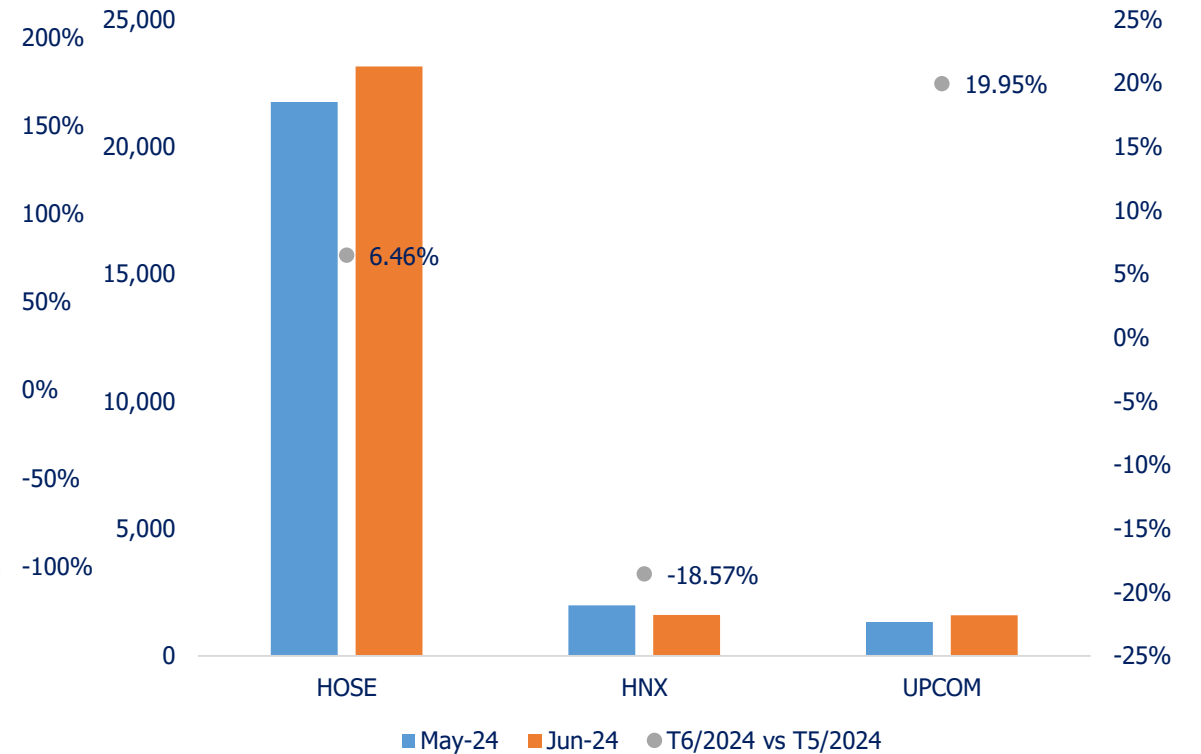
**Thanh khoản tăng vượt mức trung bình trong tháng 6/2024.** Giá trị giao dịch trung bình phiên tháng 6 tăng 5,20% MoM và là tháng tăng thứ 2 liên tiếp, vượt mức trung bình, đặc biệt tại Upcom (+19,95% MoM) sau khi tăng 93,43% trong tháng 5/2024, trong khi tại HOSE tăng +6,46% MoM duy trì trên mức trung bình hơn 03 năm, tại HNX giảm -18,57% MoM.

Tính chung 6 tháng đầu năm, giá trị giao dịch bình quân 3 sàn đạt 24.599 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh 79,2% so với cùng kỳ năm 2023 trong đó tăng mạnh nhất là tại sàn HOSE (+83% YoY), tiếp theo là Upcom (+64,7% YoY) và HNX (+38% YoY).

### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



### GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)



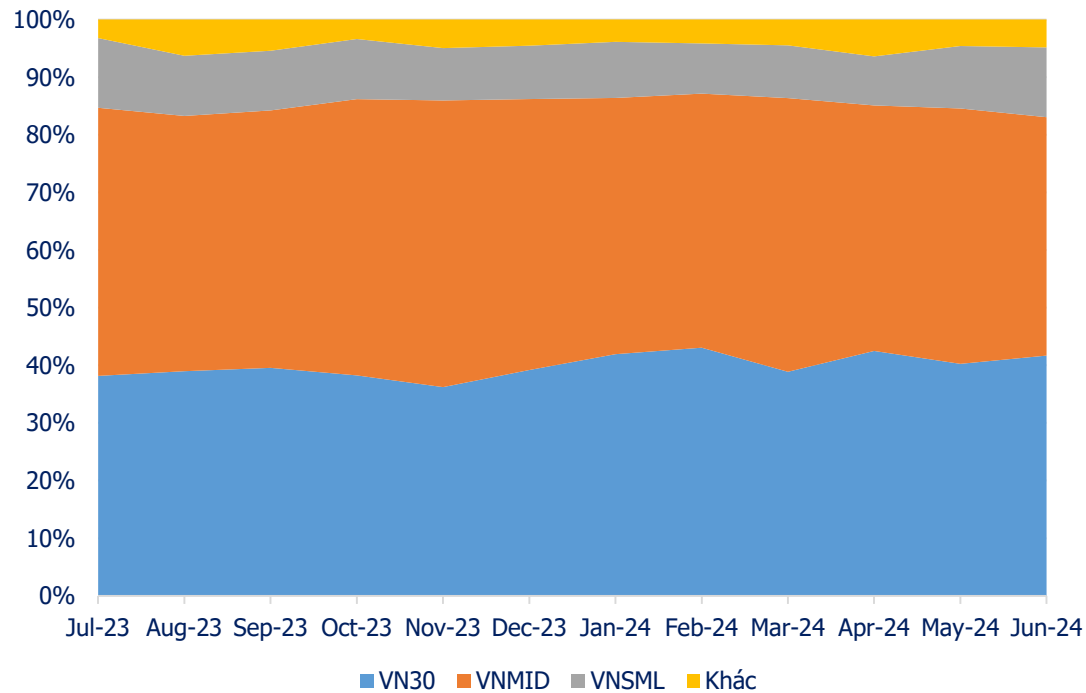


# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

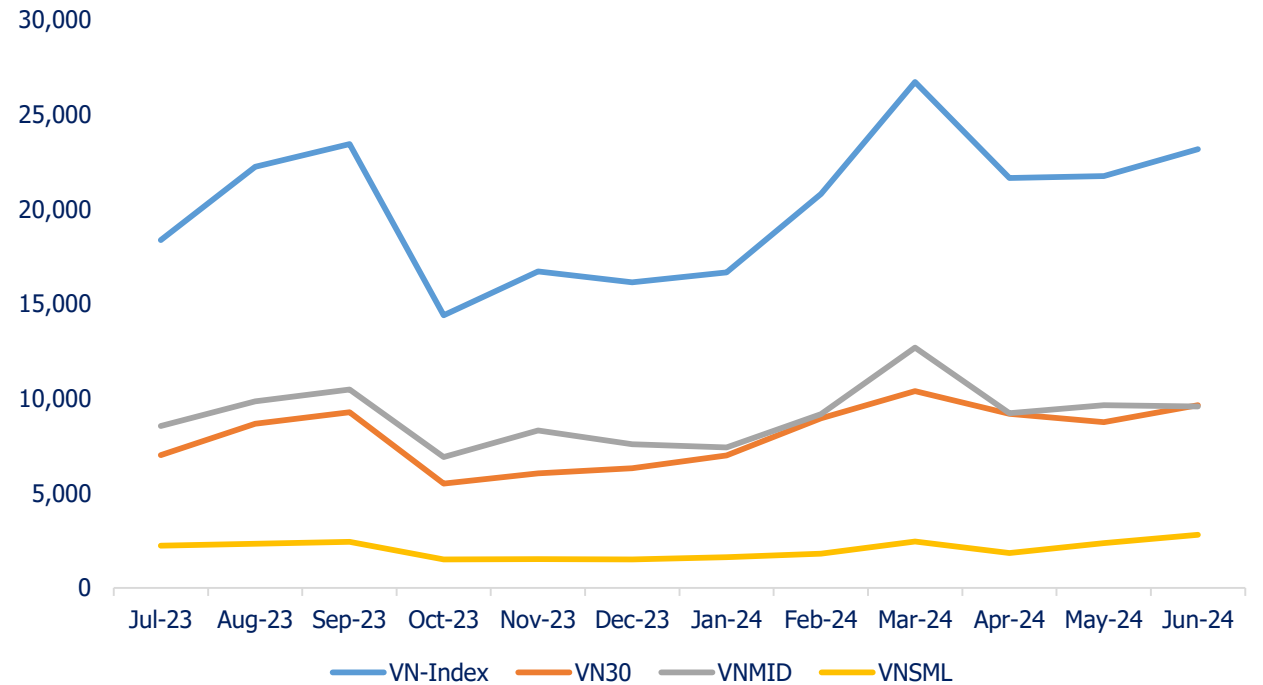
Biến cơ hội thành giá trị

Dòng tiền trong tháng 6 tăng tại nhóm VN30 (+10,24% MoM) với giá trị giao dịch bình quân đạt 9.651 tỷ đồng/phiên, chiếm tỷ trọng 41,68%. Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ VNSML (+18,98% MoM) với giá trị giao dịch bình quân 2.804,60 tỷ đồng/phiên. Trong khi nhóm vốn hóa trung bình VNMID (-0,61%) giảm với giá trị 9.577,74 tỷ đồng/phiên, tỷ trọng giao dịch qua đó cũng giảm mạnh về mức 41,36% trong tháng 6, so với tỷ lệ 44,31% trong tháng 05. Sau thời gian dài, giá trị giao dịch bình quân của VN30 mới vượt lên trên nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VNMID một phần có thể do áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại, mặt khác thể hiện mức độ quan tâm trở lại của nhà đầu tư đối với các cổ phiếu vốn hóa lớn.

### Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



### Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)



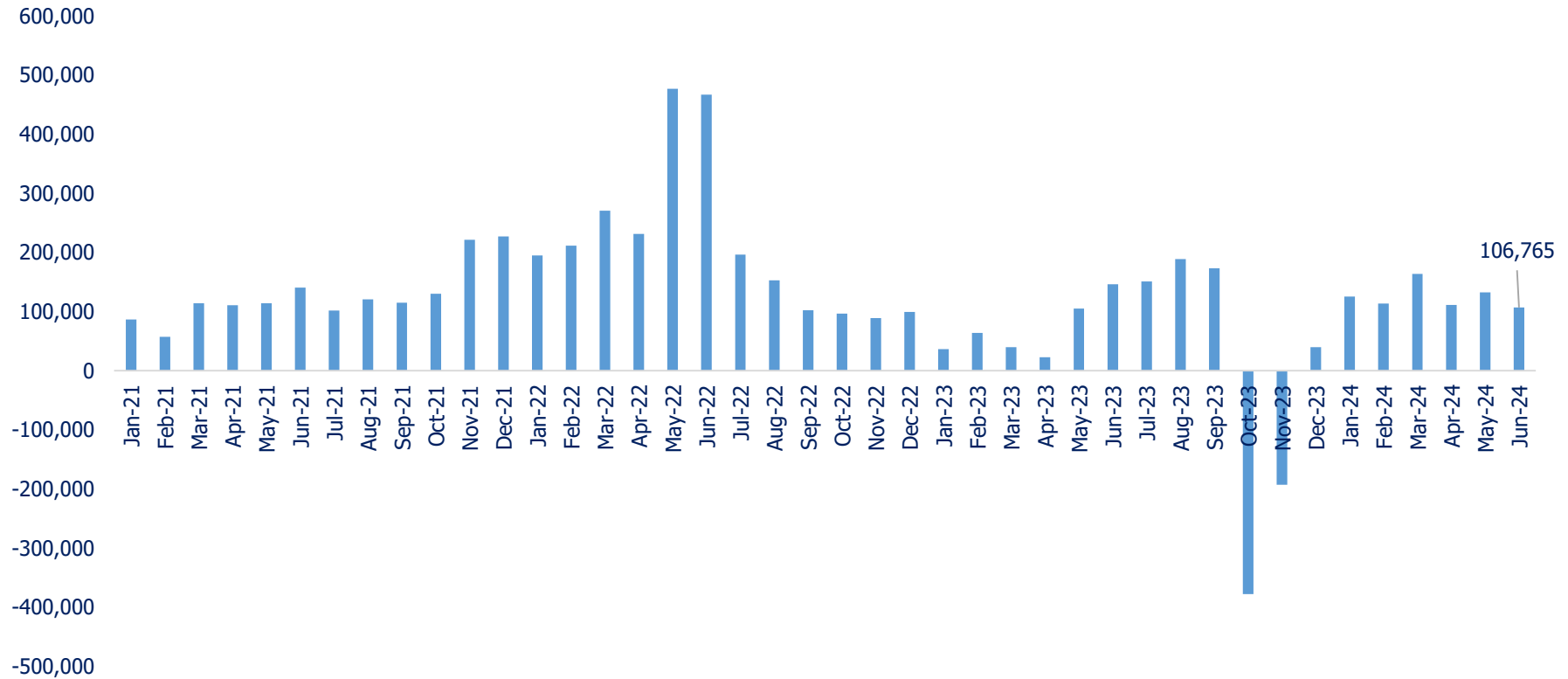
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Trong tháng 6, số lượng tài khoản chứng khoán tăng thêm đạt 106.785 tài khoản (-19,2% MoM, -26,9% YoY). Lũy kế trong 6 tháng đầu năm 2024, tổng số lượng tài khoản tăng thêm đạt 752.464 tài khoản (+81,7% YoY) đưa tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư lên trên 8 triệu tài khoản, tăng 10,3% so với cuối năm 2023.

**Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng (cá nhân và tổ chức, trong nước và ngoài nước)**

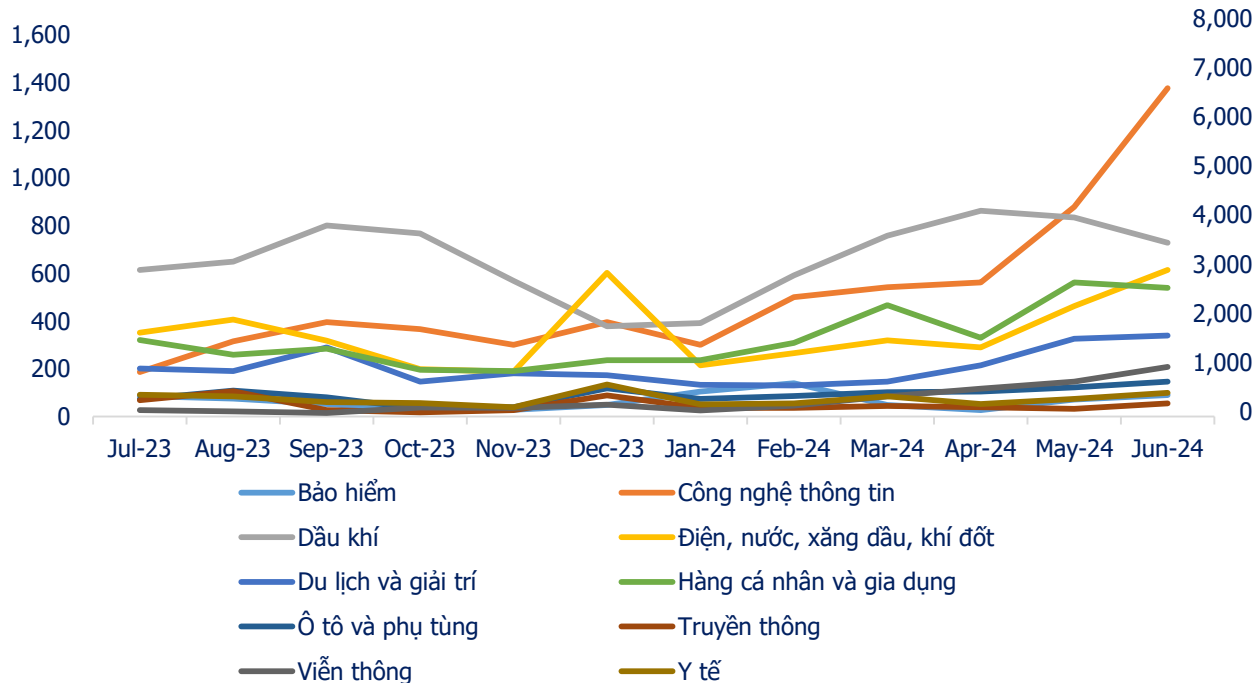


# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

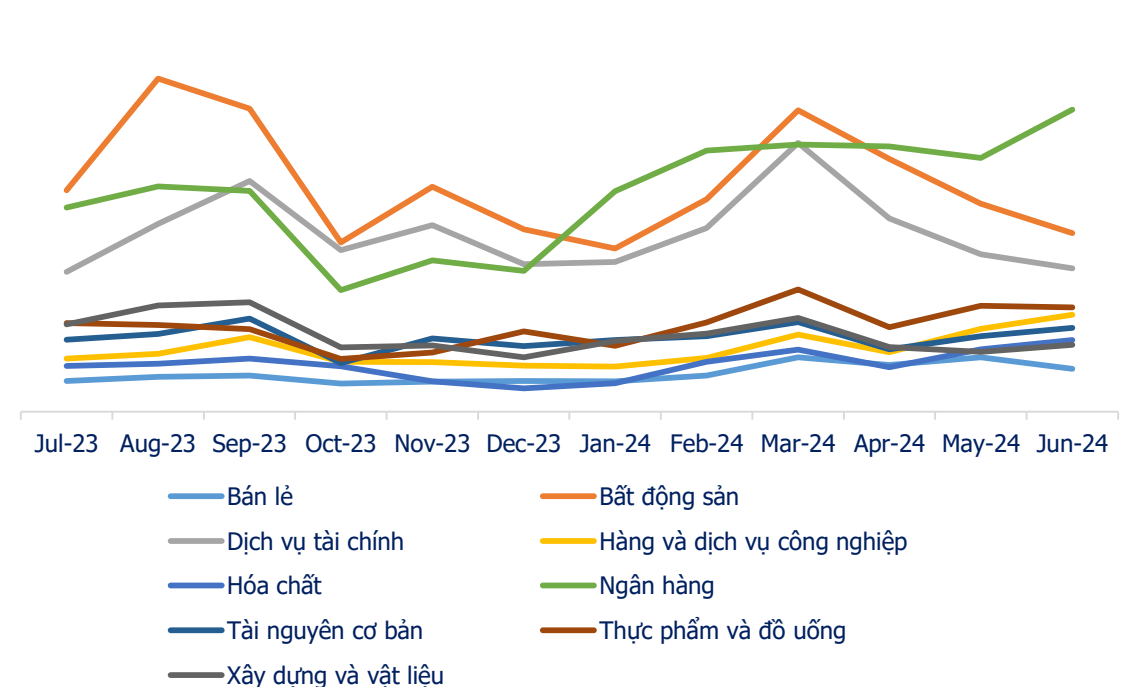
Diễn biến tăng giá vượt trội kéo theo dòng tiền tăng mạnh trong tháng 6 vào các nhóm Viễn thông (+42,0% MoM), Công nghệ thông tin (+56,7% MoM), Truyền thông (+72,7% MoM). Tiếp đến là Điện, nước, xăng dầu, khí đốt tăng 32,8% MoM, nổi bật với cổ phiếu POW, BWE... Trong số 03 nhóm ngành chiếm tỷ trọng giao dịch lớn nhất thị trường, chỉ có nhóm Ngân hàng (+19,0% MoM) thanh khoản gia tăng tốt trở lại trong khi Dịch vụ tài chính (-8,9% MoM), Bất động sản (-14,1% MoM) có tháng thứ 3 liên tiếp suy thanh khoản giảm, bên cạnh Bán lẻ (-21,0% MoM), Dầu khí (-12,7% MoM).

Xét về giá trị giao dịch trung bình, ngành ngân hàng (6.140,49 tỷ đồng, 19,0% MoM) đứng đầu thị trường, tiếp theo nhóm bất động sản (3.629,98 tỷ đồng, -14,1% MoM) và dịch vụ tài chính (2.915,96 tỷ đồng, -8,9% MoM).

**GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)**



**GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)**



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

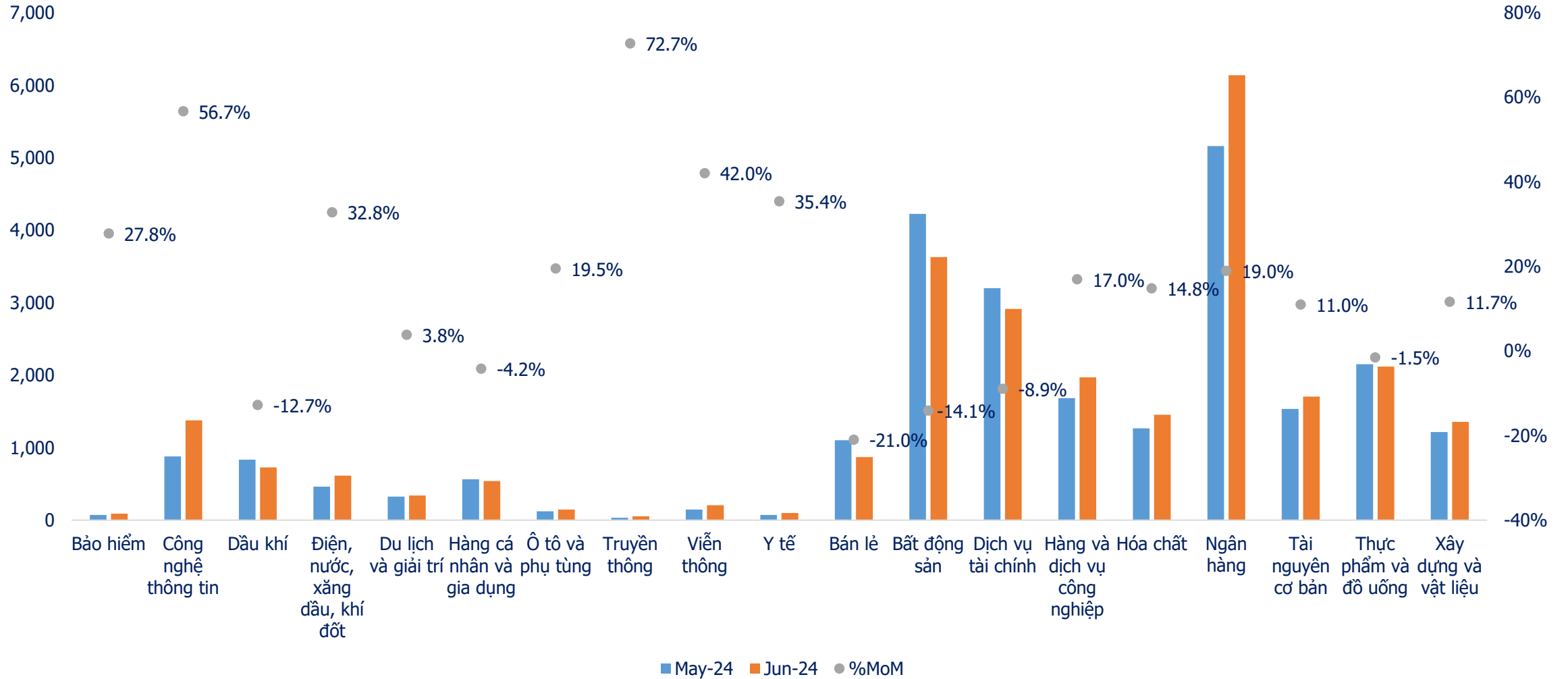




Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

### Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

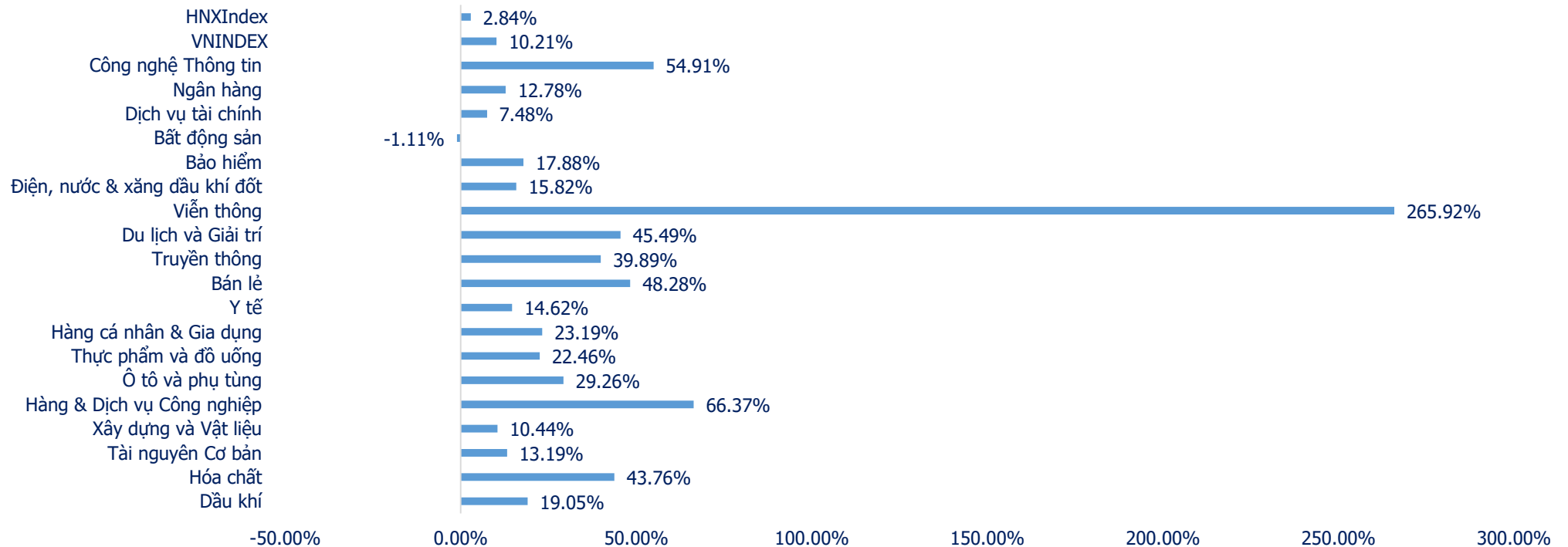


# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Trong tháng 06/2024, nhóm cổ phiếu Viễn thông (+22,0% MoM), Công nghệ thông tin (+11,2% MoM) tiếp tục là nhóm cổ phiếu tăng giá vượt trội sau khi tăng mạnh trong tháng 05, qua đó cũng là 2 ngành có mức tăng giá tốt nhất trong 6 tháng đầu năm. Nhóm Hàng và Dịch vụ Công nghiệp với mức tăng mạnh trong tháng 6 (+20,2% MoM) là ngành tăng trưởng tốt thứ 2 trong 6 tháng.

Nhóm Bất động sản (-2,7% MoM) là nhóm có diễn biến kém tích cực nhất so với chỉ số VN-INDEX (-2,3% MoM) và cũng là ngành duy nhất giảm điểm trong 6 tháng đầu năm 2024.

Diễn biến các nhóm ngành trong 06 tháng 2024





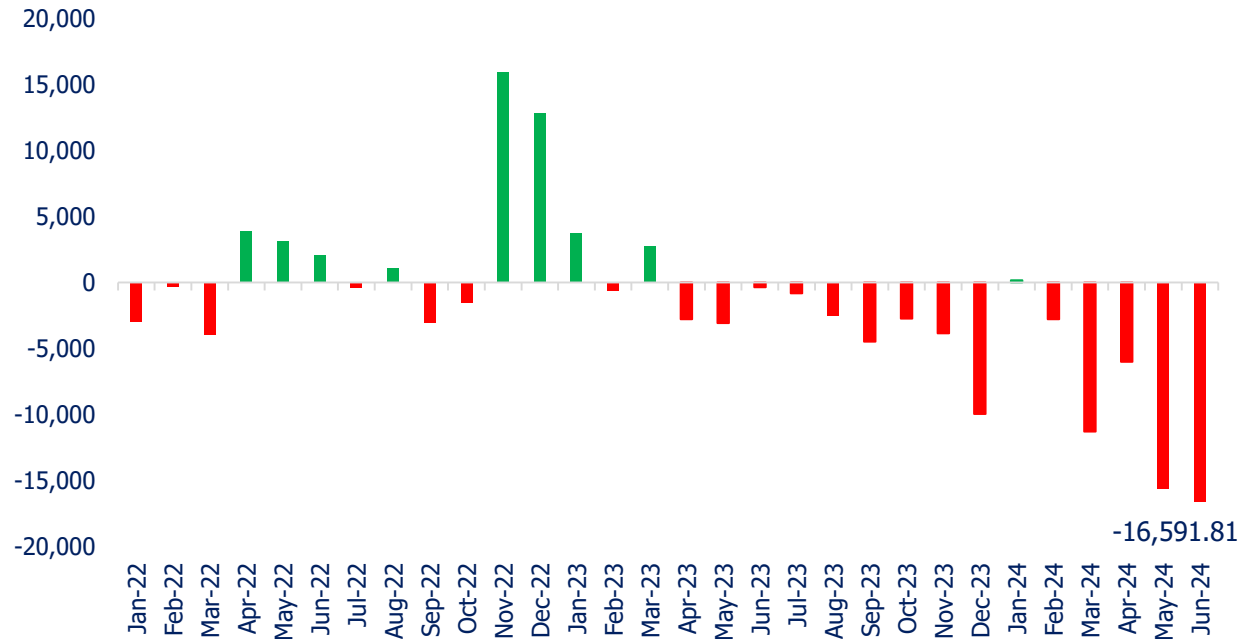
# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Biến cơ hội thành giá trị

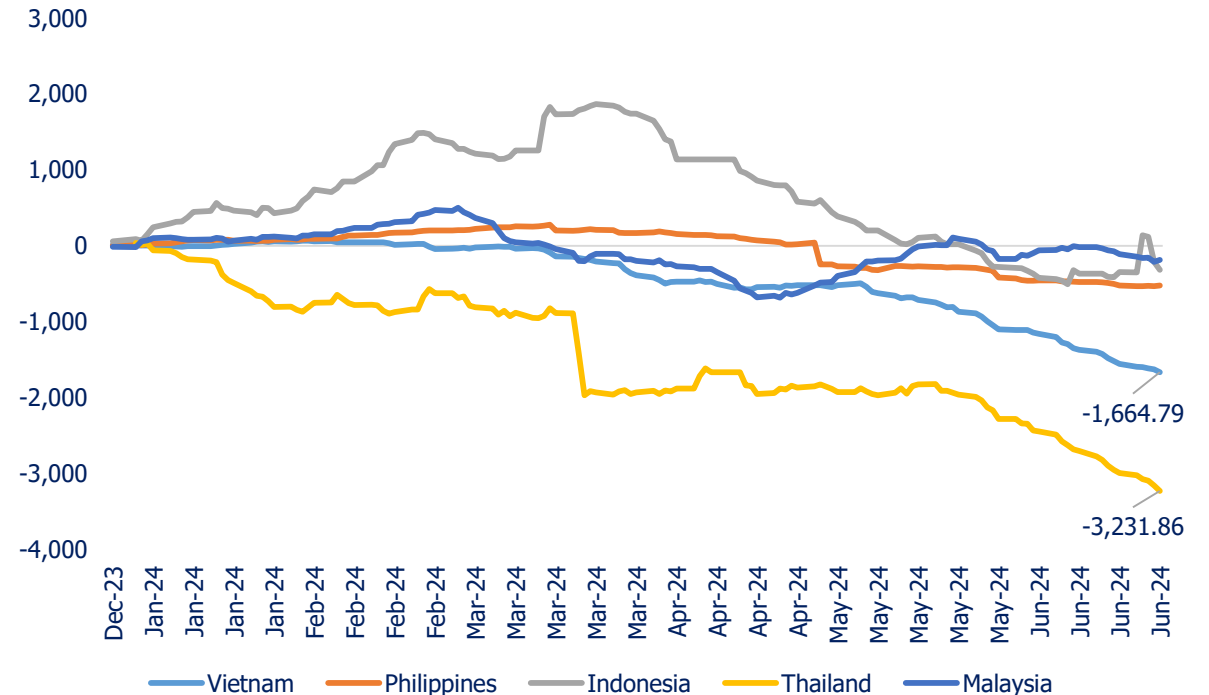
**Nhà đầu tư nước ngoài tiếp xu hướng bán ròng mạnh kỷ lục:** Trong tháng 6 khối ngoại bán ròng 16.738 tỷ đồng trên cả 3 sàn và là tháng bán mạnh thứ 2 trong lịch sử chỉ sau tháng 5. Lũy kế 06 tháng đầu năm 2024, tổng giá trị bán ròng của khối ngoại là 52.621 tỷ đồng, gấp 2,3 lần giá trị bán ròng trong cả năm 2023. Trong đó bán ròng 52.037 tỷ đồng tại HOSE (gấp 172 lần cùng kỳ 2023), bán ròng 1.223 tỷ đồng tại Upcom (gấp 2,48 lần cùng kỳ), mua ròng 639 tỷ đồng tại HNX (-55,2% YoY).

Tại các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á, dòng vốn ngoại cũng duy trì vị thế bán ròng cổ phiếu trong 6 tháng đầu năm 2024, trong đó bán mạnh nhất tại Thái Lan (-3,2 tỷ USD), Việt Nam (-1,6 tỷ USD), Philippines (-523 triệu USD), Indonesia (-316 triệu USD), Malaysia (-185 triệu USD).

### Giá trị mua/bán ròng của NĐTNN tại HOSE theo tháng (tỷ đồng)



### Dòng vốn ròng của NĐTNN (triệu USD) YTD



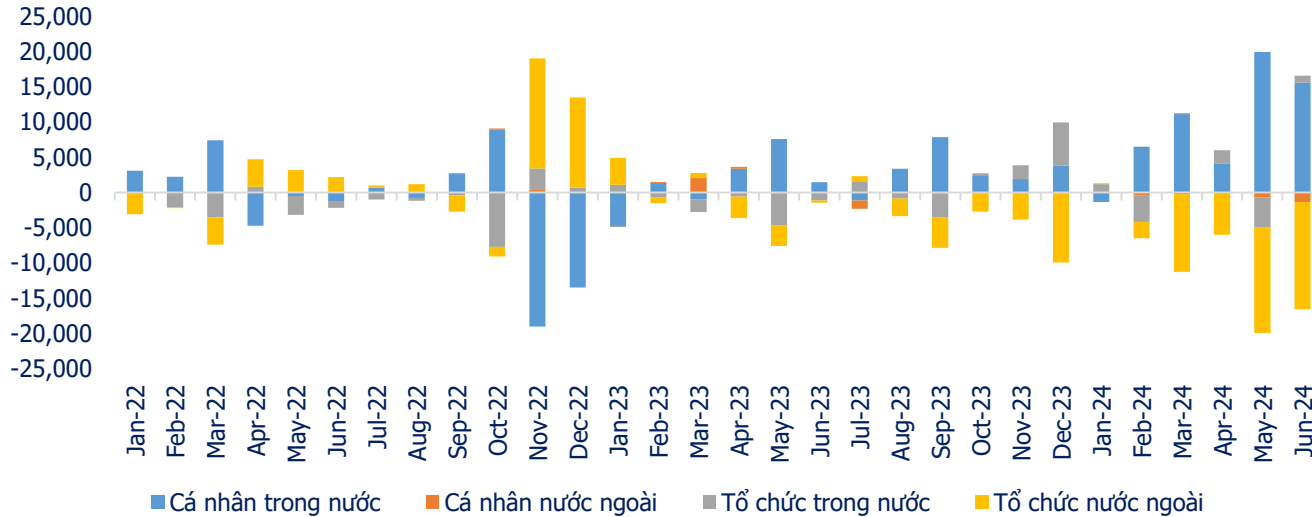
Nguồn: Bloomberg, Fiigroup, SHS Research



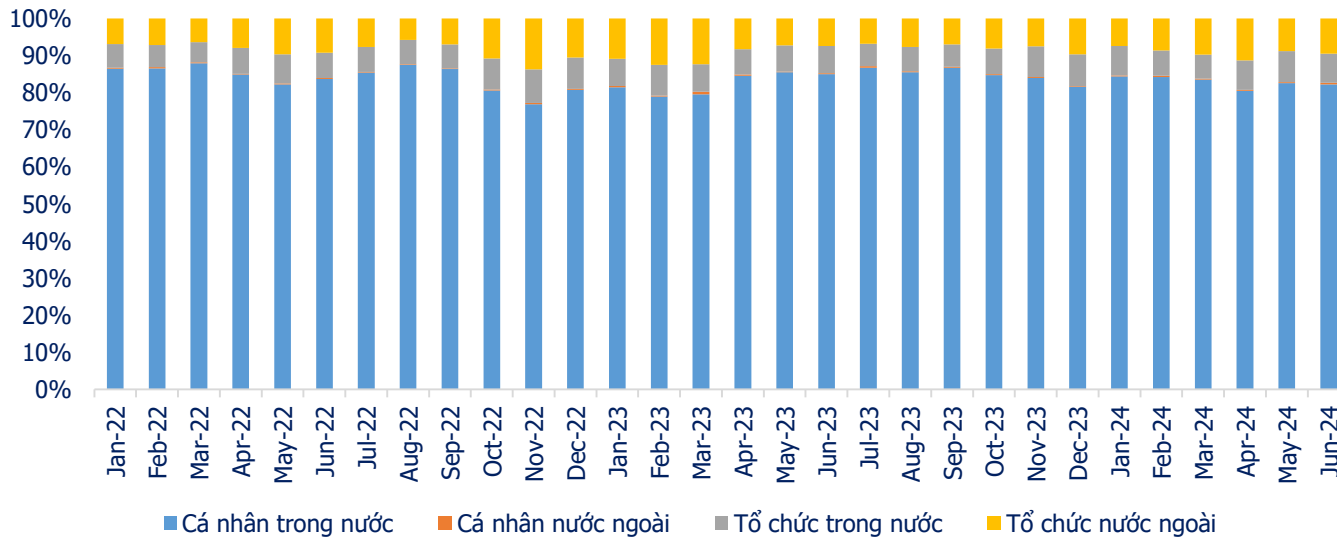
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

### Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư tại HOSE (tỷ đồng)



### Tỷ trọng giao dịch tại HOSE theo loại nhà đầu tư theo tháng



Trong tháng 6, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh đột biến với giá trị 15.217 tỷ đồng. Nâng mức lũy kế bán ròng trong 06 tháng đầu năm 2024 lên 49.190,51 tỷ đồng. Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài cũng bán ròng mạnh với lũy kế 06 tháng lên tới 2.846,34 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của tổ chức nước ngoài tăng lên 9,43% trong tháng 06 so với tỷ lệ 8,74% trong tháng 5, trên mức trung bình 03 năm.

Tổ chức trong nước sau khi bán ròng mạnh 4.335,09 tỷ đồng trong tháng năm, đã mua ròng trở lại 1.009,47 tỷ đồng trong tháng 6, với tỷ trọng giao dịch chiếm 7,91%, trên mức trung bình. Lũy kế 06 tháng, nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn bán ròng với giá trị 3.908,89 tỷ đồng.

Trong khi đó đối ứng áp lực bán ròng của khối ngoại và tổ chức trong nước, nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng mạnh với giá trị 15.582,35 tỷ đồng trong tháng 6. Giá trị lũy kế mua ròng trong 06 tháng đầu năm 2024 của nhà đầu tư cá nhân nâng lên mức kỷ lục 55.945,73 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân trong tháng 06 giảm nhẹ ở mức 82,25%, dưới mức trung bình 03 năm 84%.

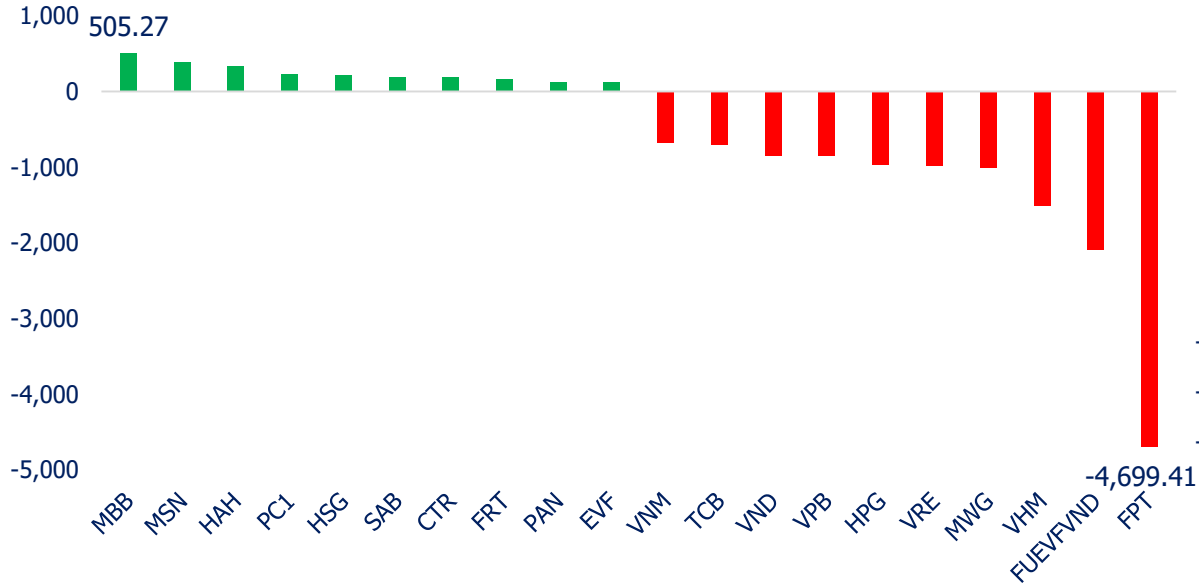
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



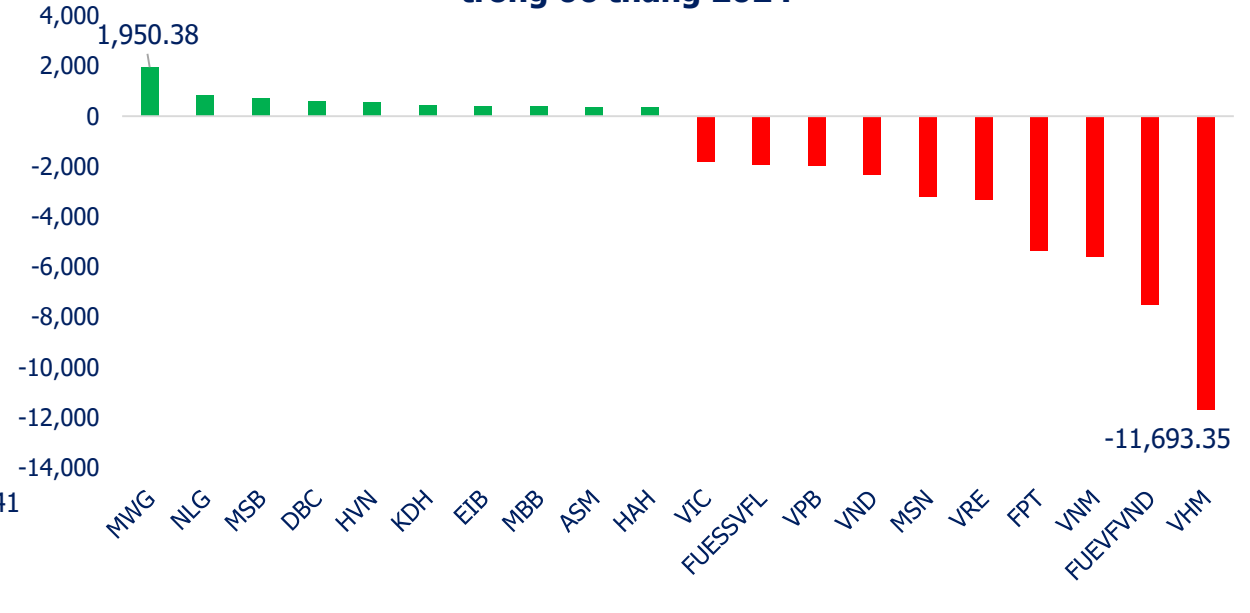
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 06/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 06 tháng 2024



Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Trên HOSE, với áp lực bán ròng gia tăng, FPT (-4.699,4 tỷ đồng) sau thời gian dài đã chịu áp lực bán ròng rất đột biến của khối ngoại, đây có thể là động thái giảm tỷ trọng sau khi FPT có giai đoạn tăng giá mạnh. Tiếp theo là chứng chỉ quỹ FUEVFNVD (-2.093,6 tỷ đồng), VHM (-1.510 tỷ đồng), MWG (-1.005 tỷ đồng) là các mã chịu áp lực bán ròng trên 1.000 tỷ đồng trong tháng 6. Ở chiều ngược lại khối ngoại mua ròng hạn chế với 03 cổ phiếu được mua ròng tốt nhất trong tháng 6 là MBB (+505,3 tỷ đồng), MSN (+389,8 tỷ đồng), HAH (+343,2 tỷ đồng).

Lũy kế trong 06 tháng đầu năm 2024, khối ngoại bán ròng khớp lệnh tổng cộng 52.037 tỷ đồng trên HOSE, trong đó bán ròng mạnh VHM (-11.693,3 tỷ đồng), FUEVFNVD (-7.504,3 tỷ đồng) tiếp theo là VNM (-5.607,8 tỷ đồng), FPT (-5.361,6 tỷ đồng), VRE (-3.330,1 tỷ đồng), MSN (-3.227,4 tỷ đồng)...Ở chiều ngược lại, MWG (+1.950,4 tỷ đồng) là mã được khối ngoại mua ròng tốt, bên cạnh NLG (+816,1 tỷ đồng), MSB (+697 tỷ đồng) và DBC (+584 tỷ đồng).



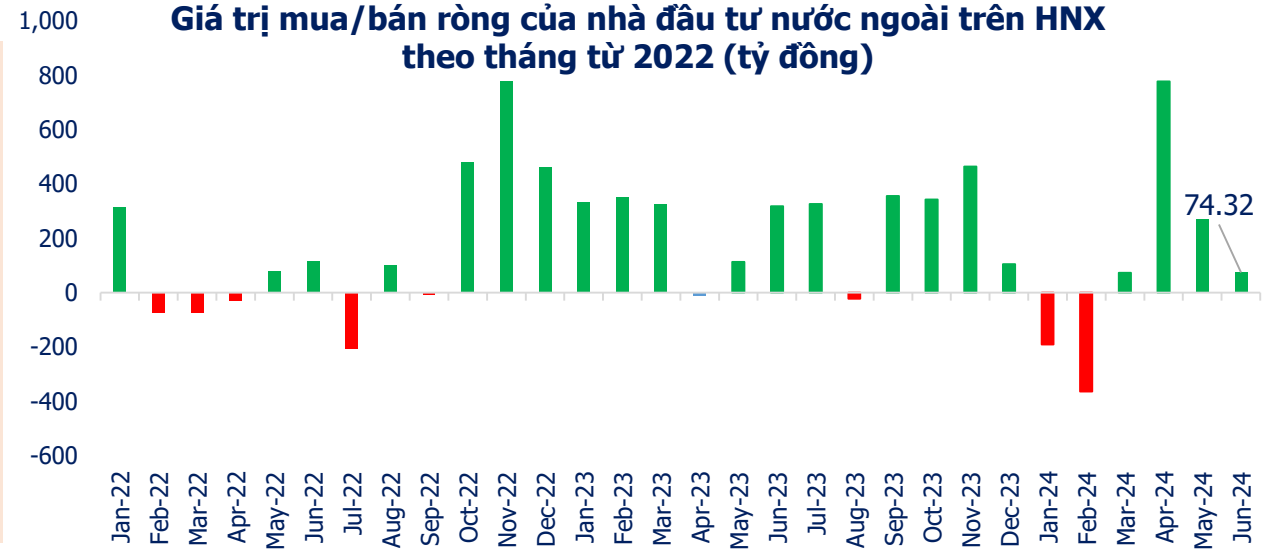
# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Biến cơ hội thành giá trị

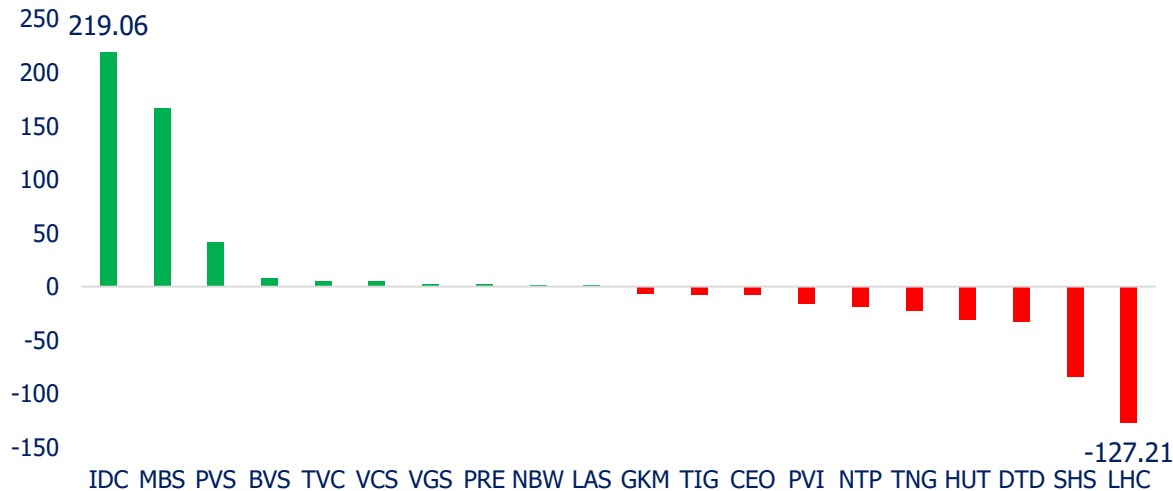
Trái ngược với HOSE, khối ngoại duy trì mua ròng trên HNX, tuy nhiên giá trị mua ròng đã giảm trong 02 tháng liên tiếp, với giá trị 74,3 tỷ đồng trong tháng 06. Nổi bật nhất vẫn là xu hướng mua ròng liên tục đối với IDC (+219,1 tỷ đồng) bên cạnh MBS (+167 tỷ đồng), PVS (+41,7 tỷ đồng)... Trong khi bán ròng khá đột biến ở LHC (-127,2 tỷ đồng), SHS (-84,4 tỷ đồng), DTD (-33,3 tỷ đồng)...

Lũy kế 06 tháng đầu năm 2024 khối ngoại mua ròng 638,5 tỷ đồng trên HNX trong đó tập trung nổi bật mua ròng ở IDC (+1.343,2 tỷ đồng), MBS (+ 331,2 tỷ đồng)... trong khi bán ròng khá mạnh SHS (-601,8 tỷ đồng), LHC (-141,2 tỷ đồng).

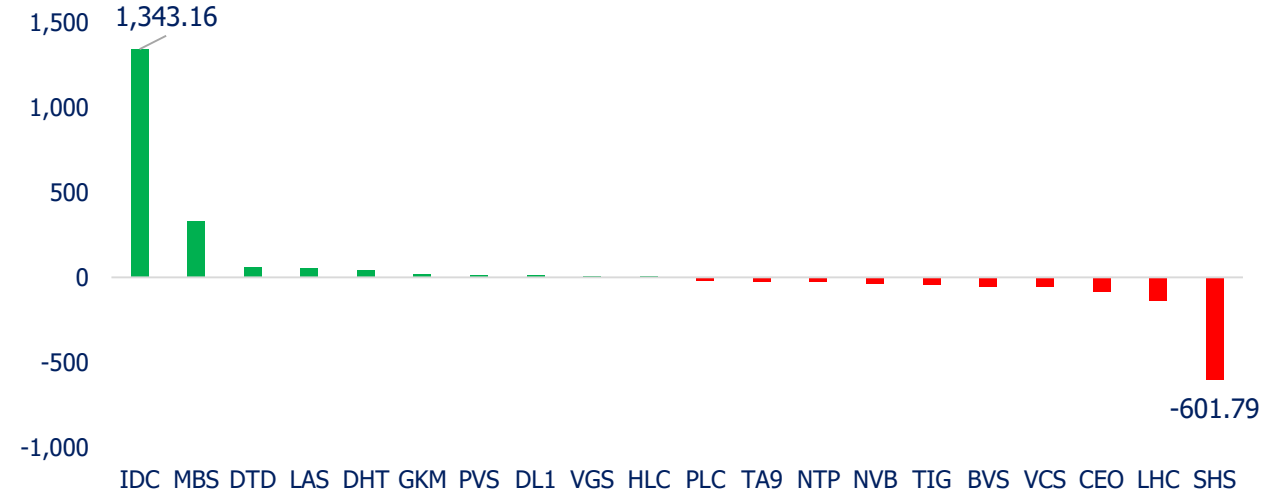
Nguồn: Fiingroup, SHS Research



**Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 06/2024 (tỷ đồng)**



**Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 06 tháng 2024**





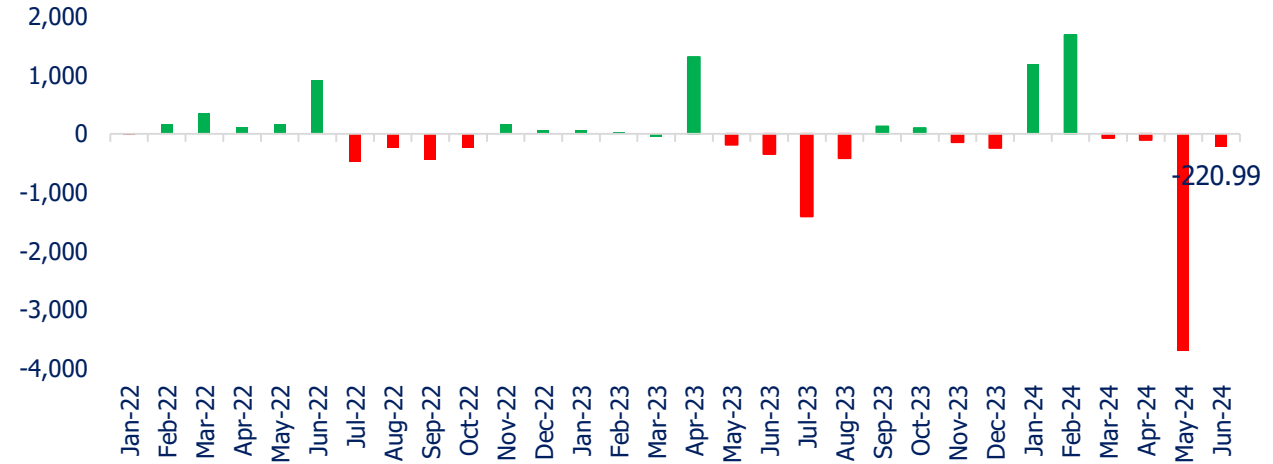
Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

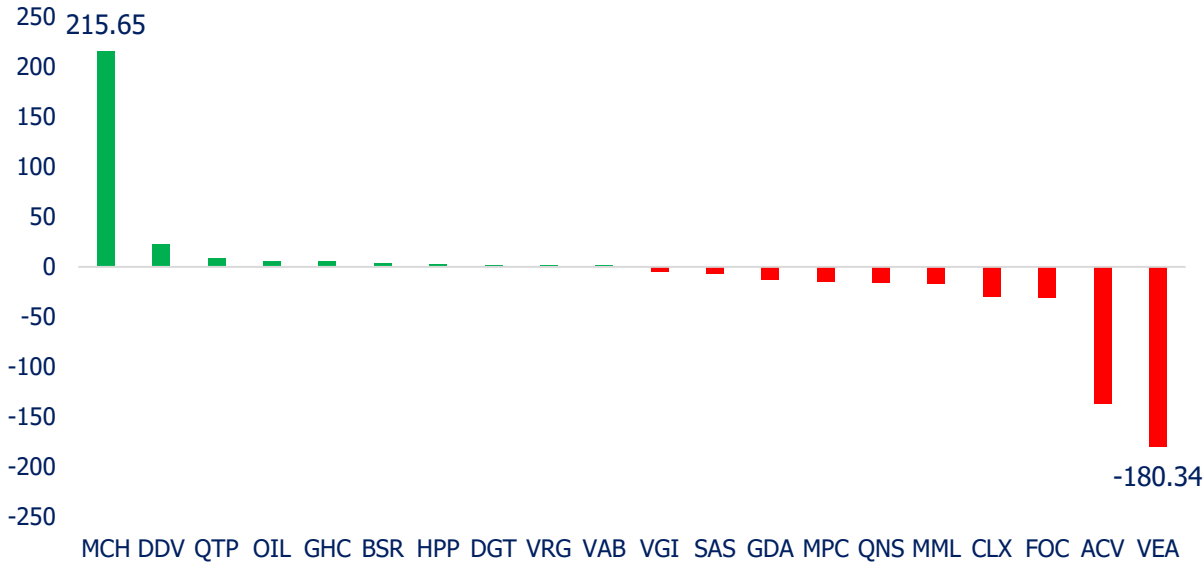
Trên sàn Upcom, khối ngoại đã bán ròng tháng 04 liên tiếp với giá trị bán ròng 220,99 tỷ đồng. Trong đó bán ròng tập trung vào VEA (-188,34 tỷ đồng), ACV (-136,89 tỷ đồng). Trong khi mua ròng khá mạnh MCH (+215,65 tỷ đồng).

Lũy kế 06 tháng đầu năm 2024 khối ngoại đảo chiều thành bán ròng 1.222,89 tỷ đồng sau khi mua ròng mạnh trong 02 tháng đầu năm nổi bật ở 02 thương vụ BHI (+1.628,10 tỷ đồng), AIC (+1.262,90 tỷ đồng), trong khi bán ròng đột biến MSR (-1.627,44 tỷ đồng).

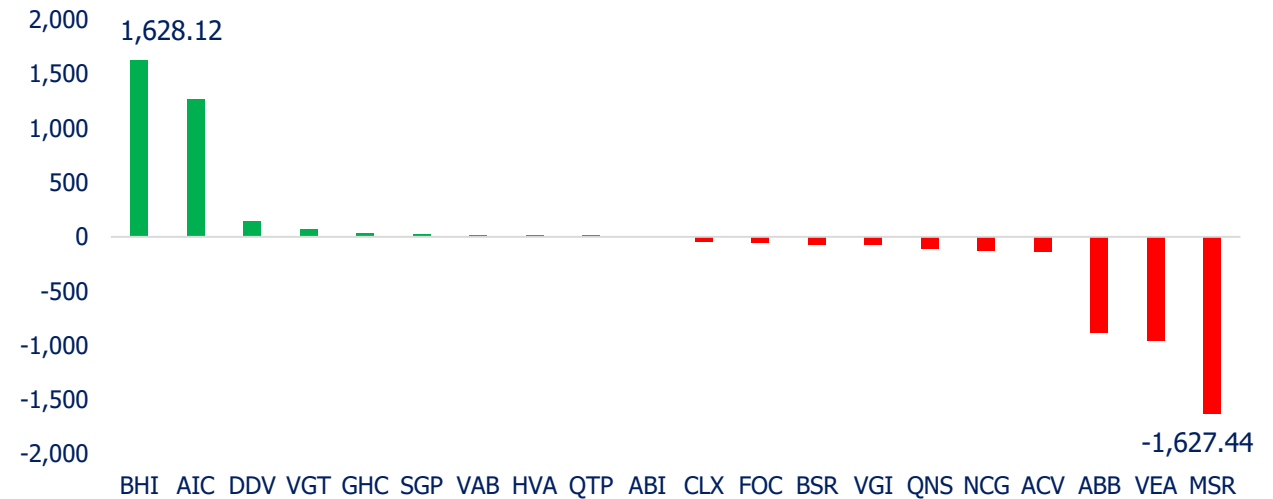
### Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM tháng 06/2024 (tỷ đồng)



### Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 6 tháng 2024



Nguồn: Fiigroup, SHS Research

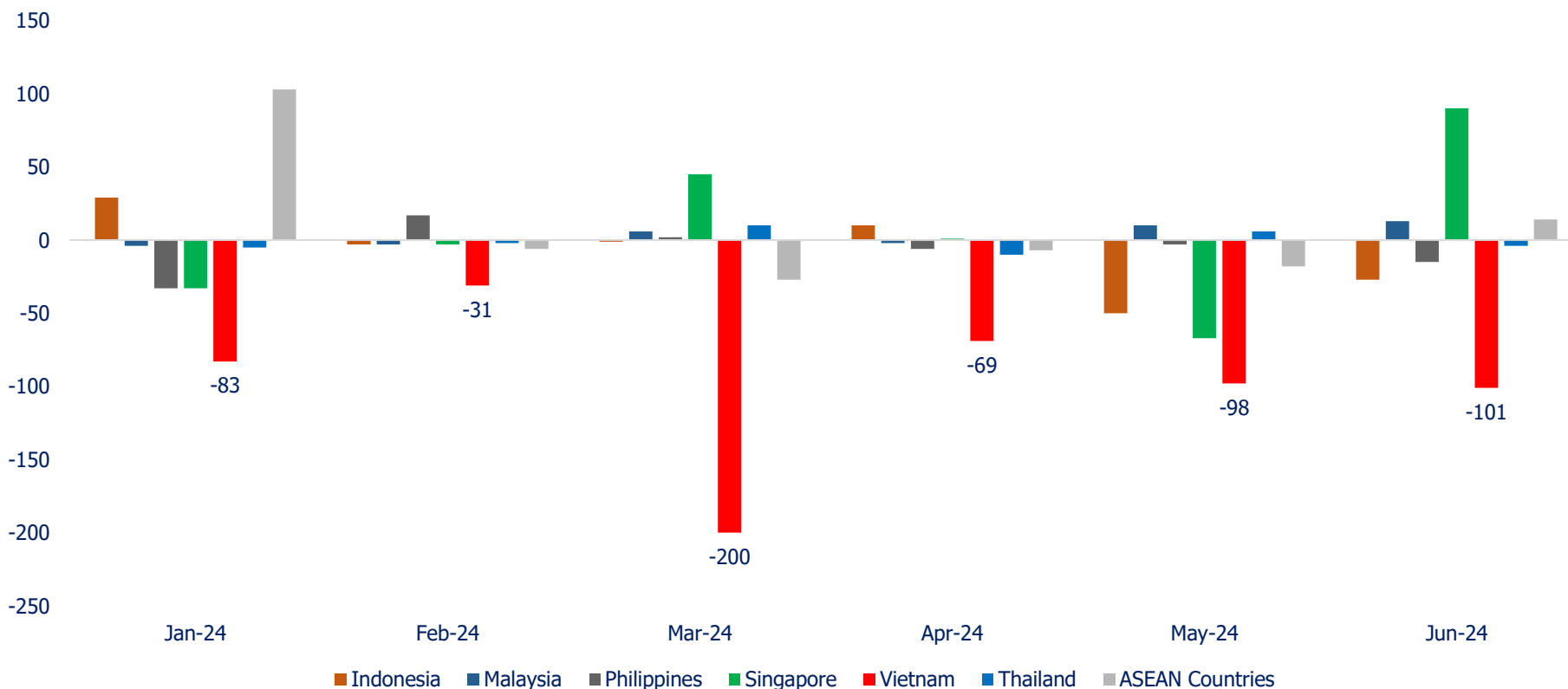


Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Trong tháng 6/2024, dòng tiền ETF tiếp tục rút ròng 101 triệu USD tại Việt Nam và là tháng rút ròng thứ 7 liên tiếp, lũy kế 6 tháng đầu năm bán ròng 582 triệu USD. Việt Nam cũng là quốc gia bị các quỹ ETF bán ròng lớn nhất so với các thị trường khác tại Đông Nam Á khi Indonesia xếp sau có giá trị bán ròng 42 triệu USD, Singapore là thị trường được mua ròng tốt nhất trong 6 tháng đầu năm 2024 với 33 triệu USD. Các quỹ ETF lớn đều bán ròng trong tháng 6, lũy kế từ đầu năm 2024 quỹ DCVFM VNDiamond vẫn là quỹ đứng đầu về quy mô rút ròng với -301 triệu USD, tiếp theo FUBON (-111,7 triệu USD), SSIAM VNFIN LEAD (-76,8 triệu USD), VFMVN30 ETF (-63,7 triệu USD).

### Dòng tiền ETF (triệu USD)



Nguồn: Bloomberg, SHS Research





Biến cơ hội thành giá trị

# TỔNG QUAN TTCK 06 THÁNG

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (tỷ USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
					1M	3M	YTD	1Y
<b>DCVFMVN Diamond ETF (VND)</b>	ETF	562.08	1.3	419,700,000	(37.8)	-124.5	-301	-444
<b>Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)</b>	ETF	781.84	0.4	1,962,238,000	(48.8)	-79.2	-111.7	-113.4
<b>DCVFMVN30 ETF Fund (VND)</b>	ETF	292.47	0.9	316,200,000	(1.8)	-32.5	-63.7	-13.3
<b>VanEck Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	491.32	12.2	40,300,000	(5.2)	-5.2	-5.8	-10.8
<b>Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)</b>	ETF	298.37	24.4	11,436,780	(7.0)	-15.8	-39.4	-38.0
<b>SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)</b>	ETF	58.00	0.8	33,300,000	(4.8)	-59.6	-76.8	-162.6
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)</b>	ETF	228.79	15.7	14,600,000	4.8	26.7	-8.1	41.7
<b>Premia MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	5.65	7.6	740,000	(3.8)	-7.8	-9.6	-10.8
<b>SSIAM VNX50 ETF (VND)</b>	ETF	5.13	0.8	6,400,000	-	-1.1	-1.2	-0.7
<b>Asian Growth CUBS ETF (USD)</b>	ETF	9.81	18.9	520,000	-	0.0	0.0	0.0
<b>Global x MSCI Vietnam ETF (USD)</b>	ETF	12.01	16.0	750,000	-	0.0	1.9	7.2
<b>SSIAM VN30 ETF (VND)</b>	ETF	6.07	0.7	9,300,000	-	0.1	0.1	1.2
<b>KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)</b>	ETF	5.27	8.8	600,000	-	0.0	0.0	-1.7
<b>KIM GROWTH VN30 ETF (VND)</b>	ETF	52.78	0.4	150,700,000	5.4	25.5	25.5	36.5

Nguồn: Bloomberg, SHS Research



**TRIỂN VỌNG  
TTCK  
THÁNG 07**



# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 07

Biến cơ hội thành giá trị

Về xu hướng trung hạn, VN-INDEX đã phục hồi sau nhịp điều chỉnh và đang duy trì tích lũy với biên độ hẹp dần trong vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm đến 1.300 điểm, nửa trên của kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023, đây cũng là vùng hỗ trợ của đường xu hướng nổi vùng giá thấp nhất tháng 11/2023 và tháng 04/2024 đến nay.

Chúng tôi cho rằng trong tháng 07/2024, VN-INDEX tiếp tục tích lũy trong kênh tích lũy giá hẹp quanh hỗ trợ 1.200- 1.230 điểm đến 1.280 điểm - 1.300 điểm, vẫn chưa có khả năng hình thành xu hướng tăng giá mạnh. Tháng 7 cũng là thời điểm thị trường đón chờ thông tin về kết quả kinh doanh quý II/2024, qua đó cập nhật các yếu tố cơ bản, xem xét triển vọng tăng trưởng của các doanh nghiệp. Diễn biến tích lũy của thị trường là phù hợp trong bối cảnh Căng thẳng địa chính trị trên thế giới gia tăng. Áp lực lạm phát, tỷ giá trong nước chưa hạ nhiệt. Nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng. Thời điểm tích cực có thể kỳ vọng trong cuối quý III và đầu quý IV/2024 khi FED bắt đầu lộ trình giảm lãi suất, các yếu tố kìm tích cực trên hạ nhiệt và áp lực thị trường Trái phiếu giảm, dòng tiền trong nhóm bất động sản bắt đầu cải thiện.



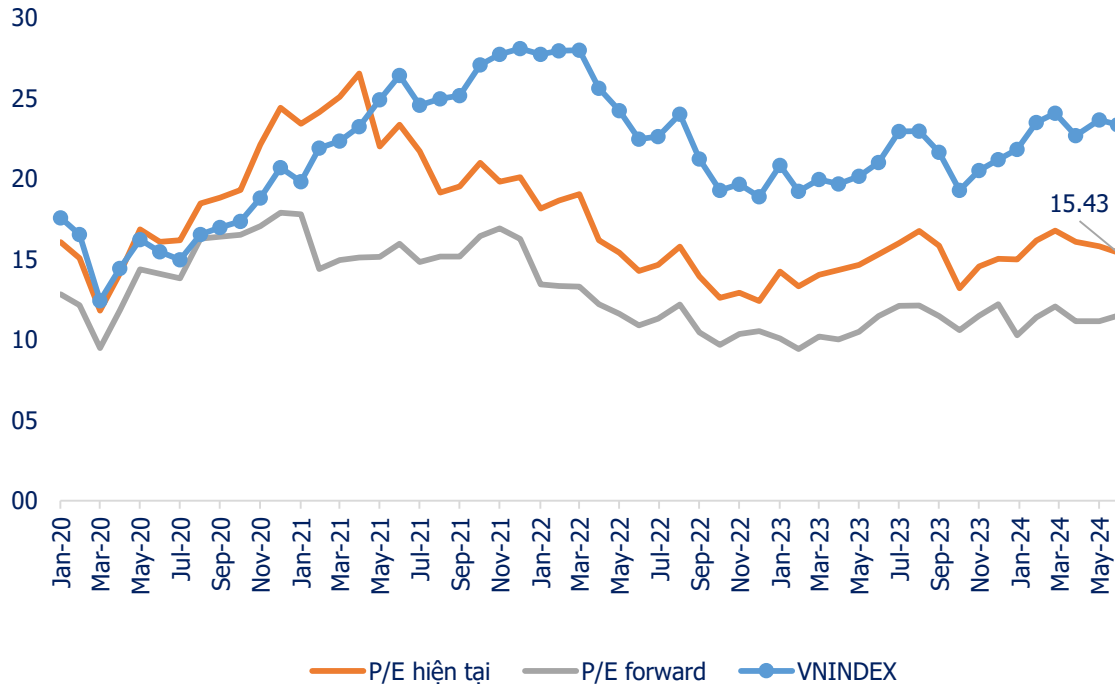


# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 7

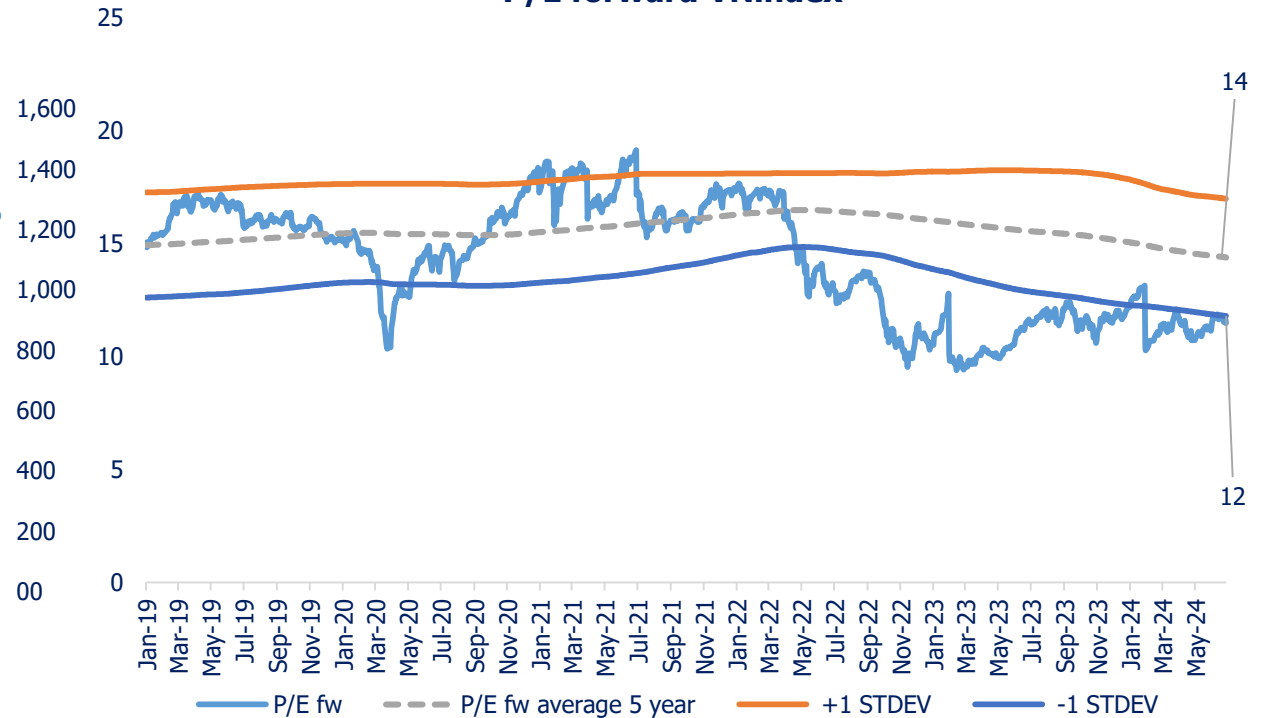
Biến cơ hội thành giá trị

Vào thời điểm kết thúc tháng 6/2024, định giá toàn thị trường P/E đã giảm về 15,4x so với mức 15,8x vào tháng trước, thấp hơn P/E trung bình 10 năm (16,6x) và thấp hơn mốc trung bình 5 năm (17,3x).

### Định giá TTCK VN



### P/E forward VNIndex



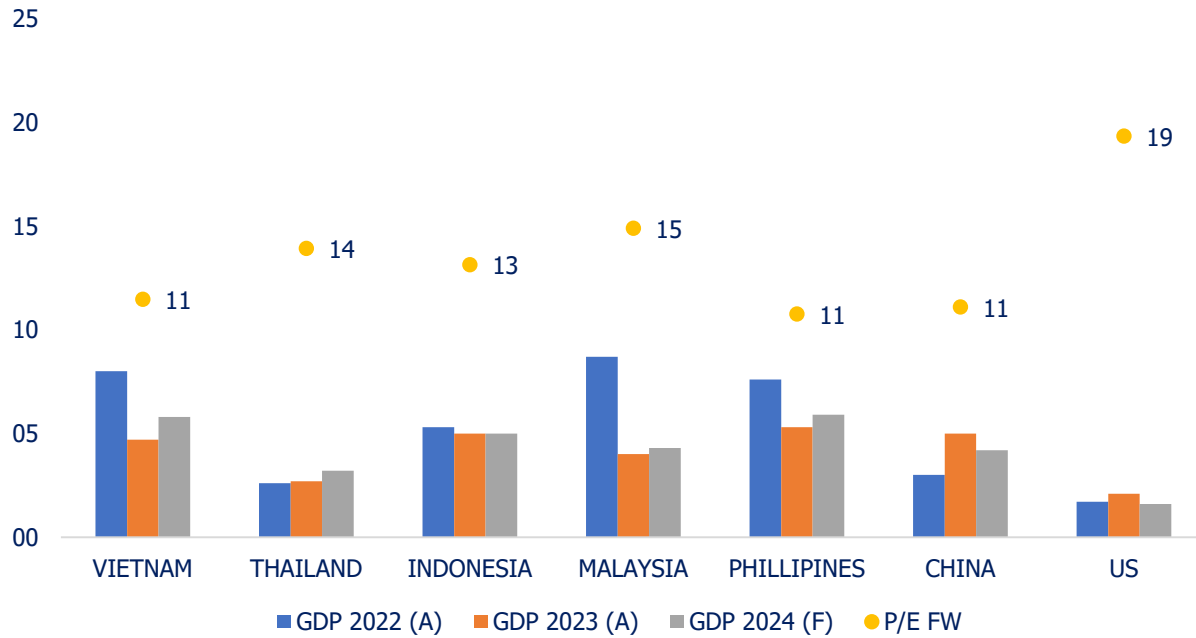
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



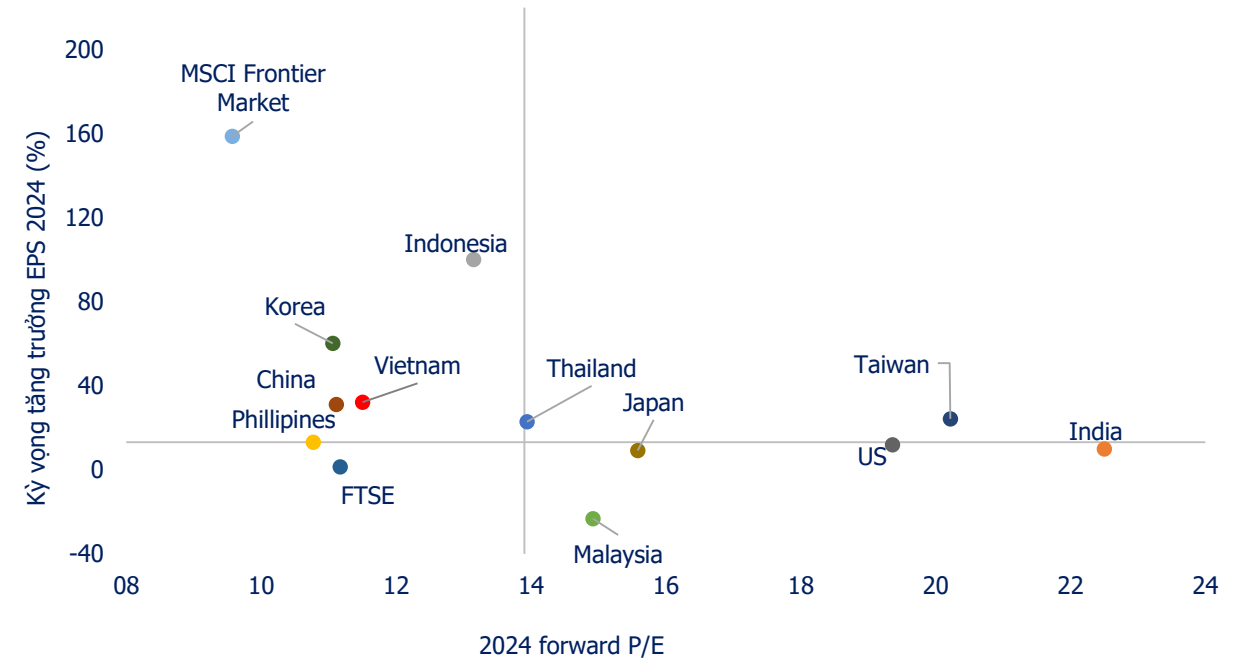
Biến cơ hội thành giá trị

# TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 7

### TTCK VN so với các nước trên thế giới



### Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2024

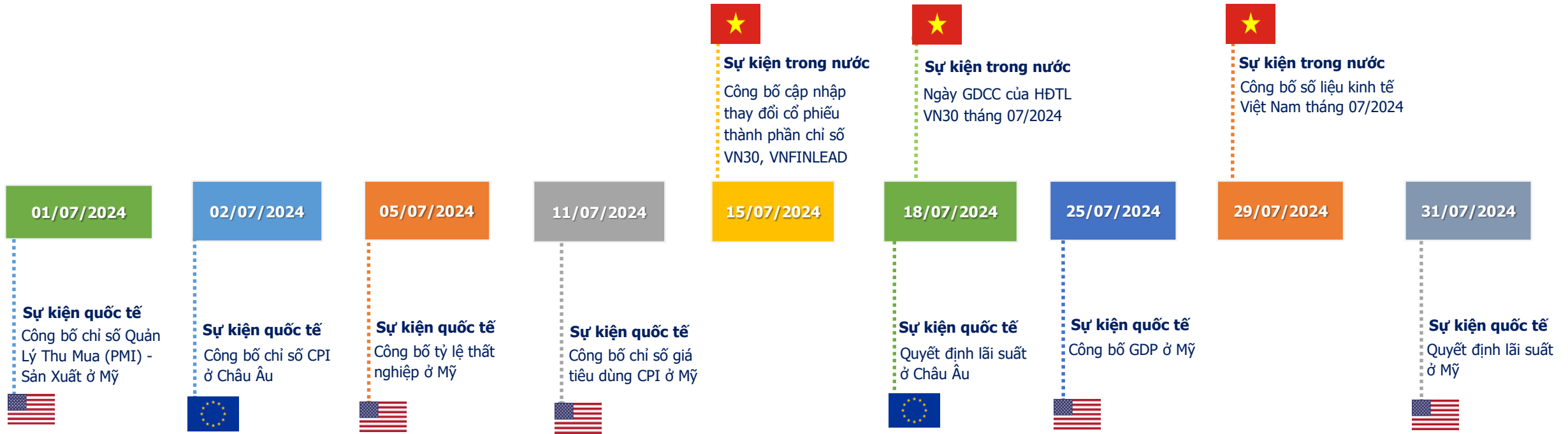


Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 07





# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

Nov

Dec



Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã	Giá đóng cửa	+/- tháng	+/- từ đầu năm
1	<b>BWE</b>	45.700	6,3%	26,5%
2	<b>CTD</b>	70.100	-3,3%	1,9%
3	<b>DCM</b>	36.000	1,0%	17,1%
4	<b>FPT</b>	130.500	12,3%	57,3%
5	<b>GMD</b>	80.830	-1,0%	17,7%
6	<b>GVR</b>	34.200	-2,7%	61,3%
7	<b>IDC</b>	59.700	-2,6%	22,8%
8	<b>PHR</b>	60.600	-2,4%	21,9%
9	<b>PNJ</b>	95.500	1,7%	11,7%
10	<b>PVD</b>	28.800	-9,0%	1,8%
11	<b>PVS</b>	40.600	-6,5%	6,8%
12	<b>PVT</b>	28.600	-5,3%	19,2%
13	<b>SZC</b>	38.750	-8,8%	8,6%
14	<b>TCB</b>	23.350	-0,6%	51,4%
	<b>VN-Index</b>	<b>1.245,32</b>	<b>-1,3%</b>	<b>10,2%</b>



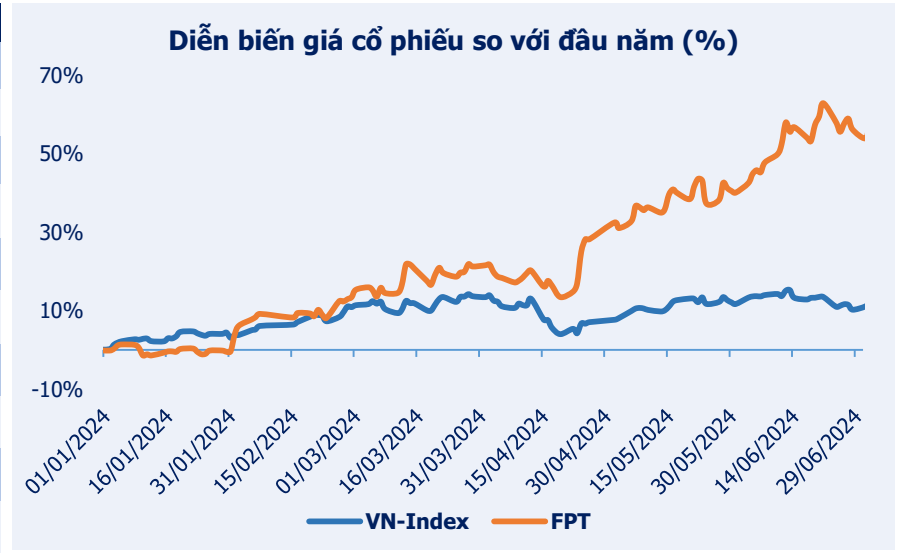


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP FPT (HOSE – FPT)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>130.300</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>140.000-143.000</b>	<b>Doanh thu</b>	12.484,36	13.761,74	14.690,41	14.092,93	61.850,00
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>136.100</b>	<b>% yoy</b>	23,66%	23,44%	12,64%	20,64%	+17,55%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>190.588</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.855,58	2.075,87	2.051,24	2.160,27	8.700,00
<b>EPS ttm</b>	<b>4.640,25</b>	<b>% yoy</b>	18,83%	18,22%	26,63%	19,36%	+11,71%
<b>BV</b>	<b>18.373,86</b>	<b>Tổng tài sản</b>	60.524,39	62.112,68	60.325,28	62.024,71	
<b>PE trailing</b>	<b>28,12</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	28.595,33	28.405,66	29.948,35	31.727,10	
<b>PB trailing</b>	<b>7,10</b>	<b>ROA (%)</b>	10,65	10,83	11,55	11,06	
		<b>ROE (%)</b>	26,50	26,67	33,85	27,21	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	37,12	39,94	38,34	39,10	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	14,86	15,08	13,96	15,33	



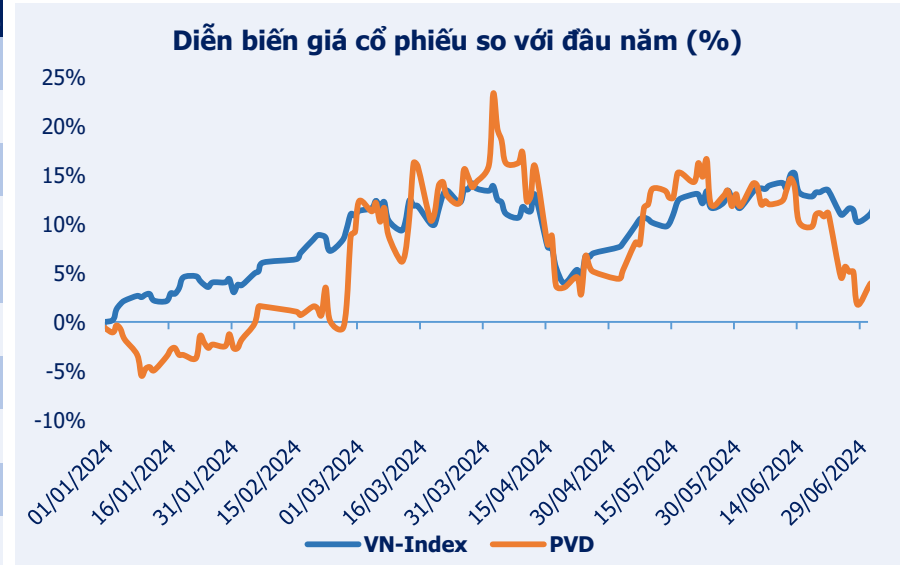
- Nằm trong số những công ty công nghệ, nhà cung cấp Internet hàng đầu Việt Nam. Các mảng hoạt động chủ đạo (xuất khẩu phần mềm, hệ thống thông tin, đường truyền Internet..) hưởng lợi từ xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam. Tình hình tài chính vững mạnh, lượng tiền gần 26.700 tỷ đồng (44% tổng tài sản và 83% tổng nợ phải trả), nợ vay thấp (32% tổng vốn).
- Đẩy mạnh M&A tại Mỹ với kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu dịch vụ kỹ thuật sản phẩm (tư vấn, thiết kế, phát triển, thử nghiệm các công nghệ mới) trong vòng hai năm tới. Năm 2023 FPT đã mua lại 3 công ty công nghệ tại Mỹ. Ngày 16/12/2023, FPT ký hợp tác với Yamato Holdings - Doanh nghiệp lớn về lĩnh vực lưu thông hàng hóa và TradeWaltz - Doanh nghiệp sở hữu nền tảng tương tác thông tin thương mại hàng đầu Nhật Bản. Ngày 13/3/24 mở chi nhánh tại Đại Liên, Trung Quốc. Ngày 23/4/24 ký MOU với NVIDIA xây dựng AI Factory vốn đầu tư 200 triệu USD và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và trở thành đối tác phát triển dịch vụ của NVIDIA. Ký MOU với JIT thuộc JAL để phát triển hệ thống CNTT cho lĩnh vực hàng không tại Nhật Bản.
- Doanh thu Q1/2024 đạt 14.092 tỷ đồng (+20,64% YoY), lãi sau thuế 2.160 tỷ đồng (+19,36% YoY). Lũy kế 5 tháng đạt 23.916 tỷ đồng doanh thu (19,9% YoY) và 3.672 tỷ đồng lãi sau thuế (+19,8% YoY), tương ứng lần lượt 38,6% và 42,2% kế hoạch năm, EPS đạt 2.403đ. Mảng dịch vụ thị trường nước ngoài tiếp tục tăng trưởng mạnh, đạt 11.998 tỷ đồng doanh thu (+29,8% YoY) và 1.873 tỷ lợi nhuận (+24,9% YoY) trong đó doanh thu chuyển đổi số chiếm 42,3% và tăng 30%, giá trị hợp đồng ký mới đạt 16.341 tỷ đồng (+17,2%). Mảng giáo dục doanh thu tăng 35,3% đạt 2.615 tỷ đồng, tổ hợp giáo dục tại Thanh Hóa đã cất nóc và tại Huế đã được cấp phép, đề xuất lập tổ hợp giáo dục tại Hải Dương.
- SCIC lên kế hoạch thoái toàn bộ 5,8% vốn điều lệ của FPT trong thoái vốn đợt 2 năm 2024. Ngày 12/6/24 chốt danh sách trả cổ tức 10% bằng tiền và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 20:3



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE – PVD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>29.450</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>35.000-36.000</b>	<b>Doanh thu</b>	1.410,47	1.381,11	1.747,44	1.755,53	6.200,00
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>32.450</b>	<b>% yoy</b>	-6,83%	11,22%	19,82%	43,12%	+6,82%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>16.009</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	157,59	132,89	194,04	148,50	380,00
<b>EPS ttm</b>	<b>0,04</b>	<b>% yoy</b>	314,22%	356,51%	264,09%	184,21%	-30,40%
<b>BV</b>	<b>1,10</b>	<b>Tổng tài sản</b>	20.816,60	21.499,36	21.650,09	22.515,43	
<b>PE trailing</b>	<b>27,50</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	14.282,83	14.809,87	14.894,25	15.306,78	
<b>PB trailing</b>	<b>1,03</b>	<b>ROA (%)</b>	1,20	2,08	2,74	2,76	
		<b>ROE (%)</b>	1,79	3,08	3,79	3,83	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	25,38	21,42	22,79	25,66	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	11,17	9,62	11,10	8,46	



- Công ty cung cấp dịch vụ khoan hàng đầu Việt Nam với 4 giàn khoan biển tự nâng, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm, 1 giàn khoan đất liền. Tình hình tài chính lành mạnh với 3.534 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, tương ứng 105% nợ vay. Vốn chủ sở hữu đạt 14.894 tỷ đồng, gấp 2,2 lần tổng nợ phải trả.
- Toàn bộ các giàn khoan hoạt động xuyên suốt trong năm 2023 với hiệu suất hoạt động đạt 97,7%, hiệu suất sử dụng đạt 99,8%, Zero LTI. Năm 2023 tổng doanh thu đạt gần 6.200 tỷ đồng (+10,7% YoY = 115% kế hoạch), lãi sau thuế 540 tỷ đồng (+449% YoY = 540,6% kế hoạch). PVD không trả cổ tức năm 2023.
- Ban lãnh đạo PV Drilling ước tính giá thuê 4 giàn tự nâng năm 2024 tăng 10%-15% so với 2023. Giàn khoan PV DRILLING III vừa có hợp đồng đến năm 2028 và có thể gia hạn thêm 2 năm. Năm 2024, Kế hoạch doanh thu đạt 6.200,00 tỷ đồng (+6,82% YoY), lãi sau thuế 380,00 tỷ đồng (-30,40% YoY). Quý I năm 2024 đạt 1.755 tỷ doanh thu (+43,1% YoY), 148,5 tỷ lãi sau thuế (+184% YoY), tương ứng 28,3% KH doanh thu và 39% KH lợi nhuận năm.
- Ngày 23/6, PVD ký hợp đồng cung cấp giàn khoan tự nâng Thor (thuê của Borr Drilling) để phục vụ các chương trình khoan 70 ngày cho Hoàng Long JOC và 51 ngày cho Thăng Long JOC.
- Triển vọng: Giá dầu duy trì ở mức cao hỗ trợ giá thuê các giàn khoan của PVD tiếp tục tích cực, toàn bộ các giàn khoan đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn tại nước ngoài. Dự án Lô B - Ô Môn theo kế hoạch vận hành từ 2026 sẽ tạo nguồn việc dài hạn cho các giàn khoan của PVD từ 2025 (PVD dự kiến đầu tư 2.115 tỷ đồng giàn khoan tự nâng 3 chân năm 2024).

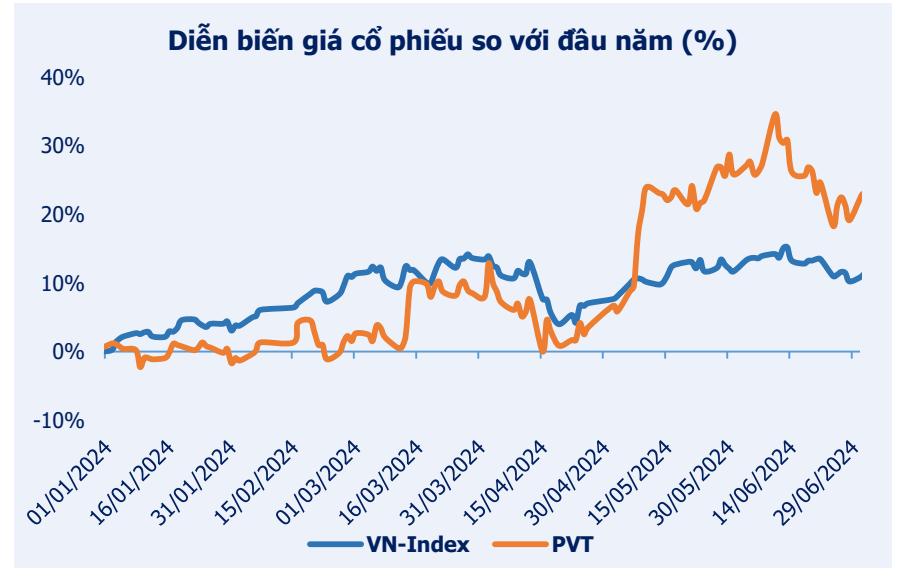


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (HOSE – PVT)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>29.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>31.500-33.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.115,06	2.550,62	2.752,79	2.536,11	8.800,00
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>32.300</b>	<b>% yoy</b>	-6,28%	9,45%	12,88%	24,13%	-7,91%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>10.182</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	390,27	321,04	267,73	306,17	760,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.768,95</b>	<b>% yoy</b>	51,26%	-16,83%	-3,14%	27,49%	-37,78%
<b>BV</b>	<b>19.780,07</b>	<b>Tổng tài sản</b>	15.152,35	16.965,20	17.466,21	17.601,98	
<b>PE trailing</b>	<b>10,33</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.417,66	8.675,19	9.026,38	9.351,19	
<b>PB trailing</b>	<b>1,45</b>	<b>ROA (%)</b>	6,70	6,26	6,13	6,07	
		<b>ROE (%)</b>	15,99	14,74	19,07	14,58	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	23,18	20,22	18,21	20,74	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	18,45	12,59	9,73	12,07	



- PVTTrans là công ty vận tải dầu khí hàng đầu chuyên chở dầu thô, khí, hóa chất, than cho các đơn vị trong và ngoài tập đoàn PVN, sở hữu đội tàu hàng lỏng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2023, PVT đã đầu tư và thuê thêm 1 tàu chở hàng Supramax, 7 tàu chở dầu/hóa chất, 01 tàu chở LPG loại VLGC (Very Large Gas Carrier) sức chở 84.597 m<sup>3</sup>, 01 tàu LPG Coaster qua đó nâng đội tàu lên 51 chiếc (1,4 triệu DWT).
- Năm 2023 đạt 9.487 tỷ đồng doanh thu (+4,8% YoY = 139,5% KH), 1.238,5 tỷ đồng lãi sau thuế (+7,1% YoY = 230,2% KH). Năm 2024, kế hoạch doanh thu 8.800 tỷ đồng (-7,24% YoY), lãi sau thuế 760 tỷ đồng (-38,6% YoY), cổ tức 8%. Tổng nhu cầu vốn đầu tư năm 2024 là 3.364 tỷ đồng, trong đó 80tr USD dự án mua tàu chuyển tiếp và 52tr USD đầu tư mới 2 tàu MR/1 tàu Aframax, 262 tỷ đồng góp vốn vào các công ty thành viên như PVTTrans Logistics, HH Thăng Long, Vận tải Đông Dương.
- quý I/2024 PVT đạt doanh thu 2.536,10 tỷ đồng (+24,14% QoQ), LNST 306,17 tỷ đồng (+27,49% QoQ), đạt 28,82% KH doanh thu và 40,29% kế hoạch lợi nhuận. Ngày 11/4/24, GDKHQ nhận cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%. Sẽ chia cổ tức bằng tiền 3% sau khi hoàn thành chia cổ tức năm 2021.
- Catalyst: việc mở rộng đội tàu giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận, có thể ghi nhận lợi nhuận bất thường trong năm từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena, nhu cầu vận tải dầu khí hồi phục. Tiềm năng từ chính sách phát triển nhiệt điện chạy khí LNG theo quy hoạch VIII kéo theo nhu cầu chuyên chở LNG tăng cao. Giá cho thuê định hạn tàu chở dầu thô và xăng dầu thành phẩm quốc tế trong 4 tháng đầu năm 2024 tiếp tục duy trì trên mức nền cao của năm 2023 (tàu chở dầu thô là 47.000 USD/ngày và tàu chở xăng dầu thành phẩm là 27.500 USD/ngày).

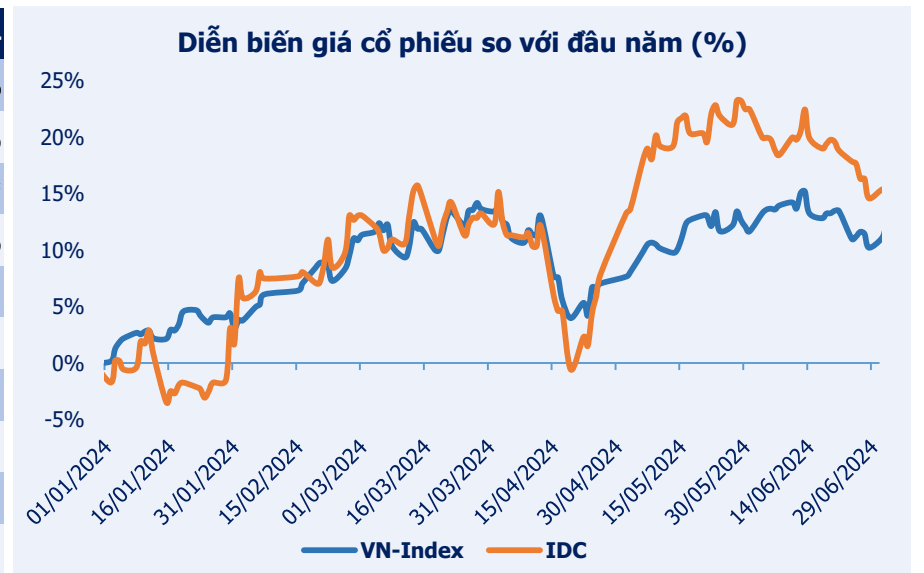


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (HNX – IDC)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>60.200</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>68.000-69.000</b>	<b>Doanh thu</b>	2.407,56	1.443,47	2.239,31	2.467,06	8.466
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>63.800</b>	<b>% yoy</b>	-27,22%	-29,68%	85,38%	115,15%	+13,2%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>19.701</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	662,58	194,52	623,06	797,17	2.502*
<b>EPS ttm</b>	<b>5.881,63</b>	<b>% yoy</b>	-54,84%	-68,32%	169,41%	354,99%	+21,6%
<b>BV</b>	<b>15.675,27</b>	<b>Tổng tài sản</b>	16.916,64	16.898,22	17.731,90	17.386,39	
<b>PE trailing</b>	<b>10,15</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	6.202,79	5.610,85	6.204,23	6.492,10	
<b>PB trailing</b>	<b>3,81</b>	<b>ROA (%)</b>	7,79	6,17	8,02	11,26	
		<b>ROE (%)</b>	25,59	21,22	33,38	39,83	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	37,06	28,07	36,67	44,52	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	27,52	13,48	27,82	32,31	



- IDC sở hữu 10 KCN nằm ở các vị trí thuận lợi với tổng diện tích khoảng 3.267ha ở miền Bắc và miền Nam. Năm 2023, IDC đã cho thuê mới 169,8 ha, vượt 34% KH năm và hiện còn 580 ha quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại 5 dự án KCN như Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 2 mở rộng, Hựu Thạnh, Cầu Nghìn, Quế Võ 2. Backlog diện tích đất chưa ghi nhận tính đến cuối 2023 là 156ha (hơn 30 ha ký năm 2022 và 126 ha ký năm 2023). Giá cho thuê đất tại KCN Hựu Thạnh, Quế Võ 2 và Cầu Nghìn lần lượt tăng 6%, 3% và 18% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024 đặt KH cho thuê mới 145ha đất và 50.000m2 nhà xưởng. Giá trị đầu tư mới 3.134 tỷ đồng (+140% YoY) trong đó 1.579 tỷ cho dự án KCN, 865 tỷ cho dự án nhà ở, 406 tỷ cho dự án năng lượng.
- Dự án KĐT phường 6, Tân An (IDC sở hữu 51%) dự kiến sẽ được chuyển nhượng cho Aeon năm 2024. Năm 2024, IDC đặt kế hoạch doanh thu 8.466 tỷ đồng (+13,2% YoY), lãi sau thuế 2.502 tỷ đồng (+21,6% YoY), cổ tức 2023 là 40% bằng tiền (đã tạm ứng 35%), cổ tức năm 2024 là 40%. Quý I/2024 IDC đạt doanh thu 2.467,06 tỷ đồng (+115,15% QoQ), LNST 797,17 tỷ đồng (+350% QoQ), tương ứng 29,14% và 31,86% kế hoạch năm.
- IDC có kế hoạch mở rộng tổng quỹ đất thêm từ 2.430ha - 2.820ha trong 5 năm tới. IDC đã trình Thủ tướng dự án KCN Mỹ Xuân B1 mở rộng (110ha – 500ha) và KCN Tân Phước 1 (470 ha) tại Tiền Giang. IDC quyết định góp 550 tỷ đồng thành lập công ty con IDICO Vinh Quang tại Hải Phòng để đầu tư xây dựng, kinh doanh đô thị, khu công nghiệp. KCN Vinh Quang (1.000 ha) đã hoàn thành quy hoạch 1/2.000 và dự kiến được phê duyệt đầu tư trong năm 2025.
- Ngày 04/6/2024 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền 5% đợt 3 năm 2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2024 với tỷ lệ 20%. Ngày thanh toán dự kiến là 19/6.

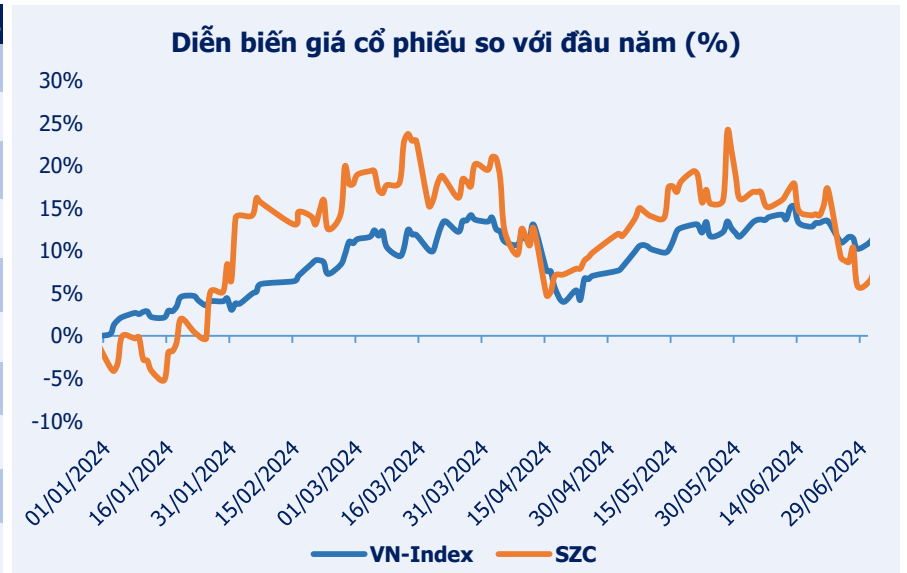


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Sonadezi Châu Đức (HOSE – SZC)

		(tỷ đồng)	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	KH2024
<b>Giá hiện tại</b>	<b>39.600</b>	<b>Doanh thu</b>	288,17	208,10	258,51	213,72	881,09
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>45.000-46.000</b>	<b>% yoy</b>	9,74%	68,79%	32,12%	238,36%	+7,72%
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>43.150</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	95,97	55,09	56,06	65,08	228,15
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>6.974</b>	<b>% yoy</b>	56,89%	136,25%	49,23%	453,70%	+4,24%
<b>EPS ttm</b>	<b>1.697,16</b>	<b>Tổng tài sản</b>	6.345,97	6.404,28	6.961,13	8.057,49	
<b>BV</b>	<b>16.651,05</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.626,22	1.681,25	1.737,32	2.971,31	
<b>PE trailing</b>	<b>22,83</b>	<b>ROA (%)</b>	2,70	3,16	3,29	3,92	
<b>PB trailing</b>	<b>2,33</b>	<b>ROE (%)</b>	10,87	12,55	13,38	13,58	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	47,78	41,17	35,84	46,09	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	33,30	26,47	21,69	30,45	



- SZC sở hữu quỹ đất cho thuê lớn với tổng diện tích khoảng 2.135 ha (trong đó khoảng 600ha để phát triển KĐT).
- Năm 2023 đạt 818 tỷ đồng doanh thu (-4,7% YoY = 89,4% KH), 218,8 tỷ lãi sau thuế (+10,9% YoY = 104% KH). Năm 2024, SZC đặt kế hoạch doanh thu 881 tỷ đồng (+5,5% YoY) và LNST 228 tỷ đồng (+4,6% YoY), cổ tức 10%. Đồng thời, SZC có kế hoạch chi gần 450 tỷ cho đầu tư xây dựng cơ bản và 1.089 tỷ đồng cho chi phí giải phóng mặt bằng cho KCN diện tích 92,99ha trong năm. Quý I đạt 213,7 tỷ đồng doanh thu (+238% YoY), 65,1 tỷ đồng lãi sau thuế (+453% YoY), tương ứng 24% và 28,5% kế hoạch năm.
- Phát hành thành công 99,97% lượng cổ phiếu chào bán tỷ lệ 2:1 giá 20.000 đồng/cp để bổ sung nguồn vốn đầu tư dự án KCN Châu Đức (1.556ha), tái cơ cấu các khoản nợ vay và thanh toán lãi gốc trái phiếu đến hạn. Ngày 14/5/2024 ký hợp đồng cho thuê lại 18ha đất tại KCN Châu Đức với Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam để đầu tư nhà máy 250 triệu USD.
- Cổ đông Tổng Công ty Sonadezi (SZN) phê duyệt Đề án tái cơ cấu tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó SZN sẽ thoái vốn tại SZC từ 46,84% hiện tại xuống còn 36%. HĐQT vừa thông qua phương án tăng giới hạn tín dụng, theo đó tổng giới hạn cho vay dài hạn là 3.000 tỷ đồng gồm giới hạn cho vay dài hạn đã cấp là 1.600 tỷ đồng và giới hạn cho vay dài hạn cấp mới là 2.000 tỷ đồng để tiếp tục thực hiện triển khai đầu tư dự án Khu công nghiệp Châu Đức.
- Ngày 24/4/2024 chốt danh sách chia cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%.

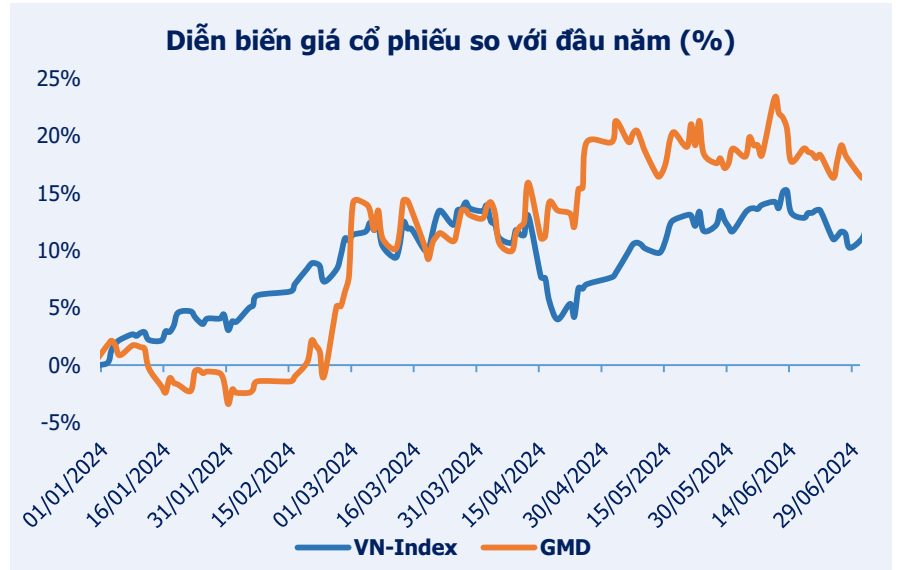


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Gemadept (HOSE – GMD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>82.300</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>85.000-90.000</b>	<b>Doanh thu</b>	912,17	997,92	1.033,81	1.005,54	4.000
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>86.900</b>	<b>% yoy</b>	-6,72%	0,60%	-3,01%	11,48%	+4,03%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>25.770</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	1.717,21	338,45	191,54	655,99	1.348,8
<b>EPS ttm</b>	<b>8.356,30</b>	<b>% yoy</b>	412,87%	17,73%	-11,14%	157,41%	-46,7%
<b>BV</b>	<b>29.870,27</b>	<b>Tổng tài sản</b>	14.011,37	13.245,08	13.542,10	14.338,01	
<b>PE trailing</b>	<b>9,93</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.777,33	9.552,71	9.706,54	10.390,81	
<b>PB trailing</b>	<b>2,78</b>	<b>ROA (%)</b>	17,51	17,09	16,72	19,94	
		<b>ROE (%)</b>	30,61	29,45	32,32	32,68	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	50,36	46,57	41,17	43,85	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	188,25	33,92	18,53	65,24	



- Một trong các nhà khai thác cảng biển và logistics hàng đầu tại Việt Nam với 8 cảng biển (năng lực 3,45 triệu TEU, 2 triệu tấn hàng rời) trong đó Gemalink nằm trong Top 19 cảng trên thế giới có khả năng tiếp nhận tàu Megaship (250.000 Dwt). Sản lượng container qua các cảng của GMD năm 2023 đạt trên 3tr TEU = 12,2% thị phần cả nước. Ngày 24/5/2023 khai thác GĐ2 cảng Nam Đình Vũ có công suất 1,4tr TEU/năm. Ngày 16/4, hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ 99,98% cổ phần tại CTCP Cảng Nam Hải (NHP).
- Năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng doanh thu (-1% YoY = 98% KH), 3.144 tỷ đồng lãi trước thuế (+140% YoY = 277% KH). KH 2024 doanh thu tăng 4,03%, lợi nhuận giảm 46,7% do không còn lãi bất thường, chia cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22% và chào bán cổ đông tỷ lệ 33,33% giá 29.000đ/cổ phiếu. Quý I đạt 1.005 tỷ đồng doanh thu (+11,5% YoY = 25% KH), biên lãi gộp tăng từ 41,2% (Q4/2023) lên 43,8%, lãi sau thuế đạt 656 tỷ đồng (+157% YoY=48,6% KH) nhờ ghi nhận khoản thoái vốn tại NHP.
- Ngày 1/2/2024, khởi công dự án Nâng cấp luồng hàng hải trước cảng Nam Đình Vũ dự kiến hoàn thành 5/2024, hạ độ sâu luồng từ -7m xuống -8,5m để tiếp nhận tàu lên đến 48.000 DWT.
- Ngày 15/7/2024 chốt trả cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 22%.
- Câu chuyện đầu tư: Từ 15/2/2024 tăng 10% giá sàn đối với phí bốc dỡ container quốc tế (khu vực Cái Mép-Thị Vải nâng cả giá trần thêm 10% và cảng Gemalink có thể tăng thêm 10% so với khung giá thông thường; Dự án GĐ3 cảng Nam Đình Vũ (600.000TEU/năm) dự kiến vận hành từ 2025. Dự án Gemalink - Giai đoạn 2 (39ha, 1,5 triệu TEU/năm) dự kiến hoàn thành 2025; Thoái vốn tại dự án trồng cao su tại Campuchia (30.000ha); Thoái vốn mảng bất động sản; Xuất khẩu phục hồi tốt, 5 tháng đầu năm 2024 tăng 16% so cùng kỳ.

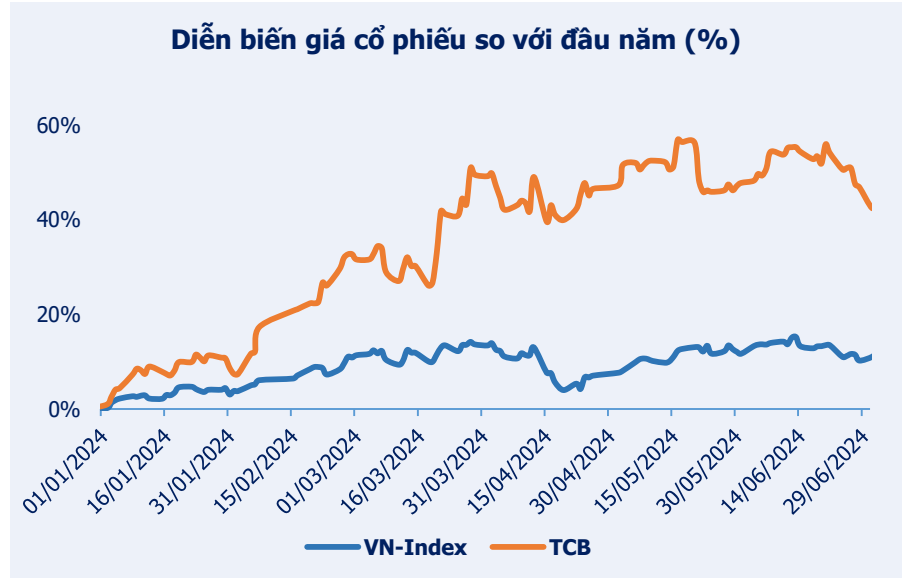


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (HOSE – TCB)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>22.900</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>25.500-26.500</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	9.325,17	10.418,49	11.017,45	12.261,77	-
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>24.800</b>	<b>% yoy</b>	-14,72%	0,78%	16,87%	31,85%	-
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>164.501</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.503,45	4.668,71	4.481,62	6.277,00	21.680,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.802,75</b>	<b>% yoy</b>	-23,44%	-13,02%	25,46%	38,35%	+19,18%
<b>BV</b>	<b>19.375,37</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	381.946,52	409.044,57	454.660,78	458.040,69	
<b>PE trailing</b>	<b>8,33</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	466.546,22	475.605,59	518.641,57	559.276,89	616.031
<b>PB trailing</b>	<b>1,21</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,07	1,36	1,16	1,13	<1,5
		<b>ROE (%)</b>	15,50	14,37	14,84	15,36	
		<b>NIM(%)</b>	4,33	4,11	4,02	4,07	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	48,29	44,81	40,68	51,19	



- KQKD Quý 1/2024 khả quan với tổng thu nhập hoạt động đạt 12.262 tỷ đồng (+31,8% YoY), LNTT 7.802 tỷ đồng (+38,7% YoY), tỷ lệ CASA phục hồi lên 40,5%, đứng đầu toàn ngành. Tỷ lệ nợ xấu 1,17%, giảm nhẹ so với mức 1,19% thời điểm Q4.2023, tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 106%. KQKD tăng trưởng tích cực nhờ biên lãi thuần NIM tăng lên 4% so với mức 3,9% của năm 2023 và tỷ lệ CIR 26,5%, giảm mạnh so với mức 33,1% năm 2023.
- Q1.2024, TCB ghi nhận tăng trưởng tín dụng 6,4% với dư nợ 605 nghìn tỷ đồng, chủ yếu đến từ khách hàng doanh nghiệp (+9,8% YTD, +34% YoY), dư nợ trái phiếu doanh nghiệp 42 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 43 nghìn tỷ đồng cuối năm 2023.
- Triển vọng kinh doanh năm 2024 của TCB dự báo khả quan với lợi nhuận tăng khoảng 15%. Luật đất đai, Luật kinh doanh BĐS và Luật các TCTD được thông qua kỳ vọng giải quyết vấn đề pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án BĐS và xử lý tài sản đảm bảo là BĐS của Ngân hàng. Chất lượng tài sản ổn định, nợ xấu dù tăng vẫn được kiểm soát tốt quanh ngưỡng 1,2%. Hướng tới định vị giá trị khác biệt cho khách hàng bằng cách sử dụng các nền tảng số, nền tảng bán hàng và dữ liệu hiện đại. TCB lựa chọn trí tuệ nhân tạo (AI) là nền tảng cho hành trình chuyển đổi, công nghệ học máy (machine learning) cho việc phân tích dữ liệu từ các giao dịch hàng ngày đến việc sử dụng ứng dụng di động nhằm tạo ra nhiều giá trị cho khách hàng.
- Ngày 21/6/2024, TCB đã chốt danh sách cổ đông chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1. Vốn điều lệ của TCB sau phát hành sẽ tăng gấp đôi, từ mức 35.225 tỷ đồng lên 70.450 tỷ đồng.

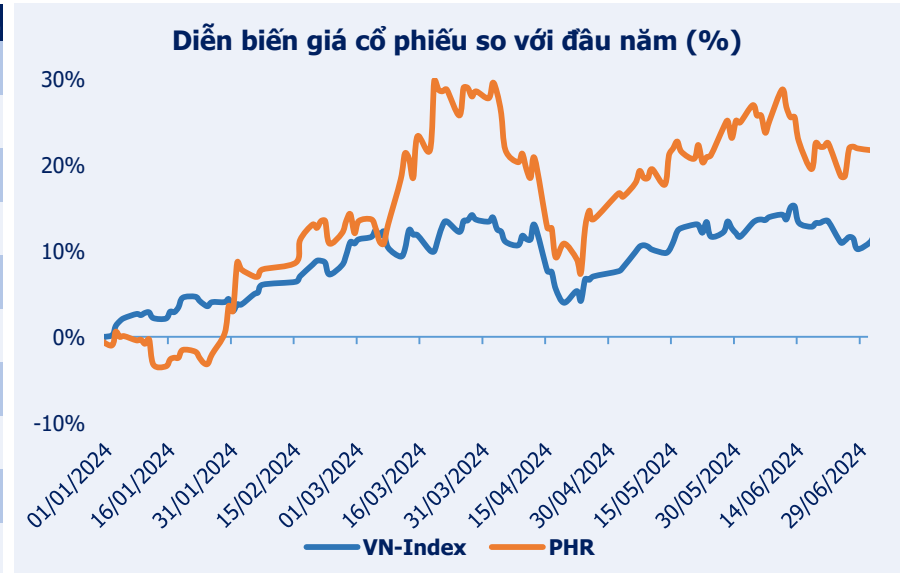


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Cao su Phước Hòa (HOSE – PHR)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>60.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>66.000-68.000</b>	<b>Doanh thu</b>	110,76	452,92	461,07	323,36	1.455
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>64.000</b>	<b>% yoy</b>	-54,53%	-13,35%	-20,05%	-0,89%	-10%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>8.211</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	127,37	144,36	158,48	78,44	245
<b>EPS ttm</b>	<b>3.430,20</b>	<b>% yoy</b>	128,16%	2,78%	-63,51%	-66,41%	-47%
<b>BV</b>	<b>27.502,89</b>	<b>Tổng tài sản</b>	5.989,17	6.049,49	6.160,97	5.989,73	
<b>PE trailing</b>	<b>17,67</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.504,98	3.709,48	3.816,04	3.899,86	
<b>PB trailing</b>	<b>2,20</b>	<b>ROA (%)</b>	14,52	14,48	9,92	7,73	
		<b>ROE (%)</b>	26,21	26,04	19,07	13,12	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	42,62	32,85	19,11	22,41	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	114,99	31,87	34,37	24,26	



- PHR đang quản lý 15.084 ha cây cao su tại Bình Dương, Campuchia, Daklak, 4 nhà máy chế biến mủ tổng công suất 53.000 tấn/năm. PHR hiện đang đầu tư vào 3 dự án BĐS KCN là Tân Bình (240ha, đã lấp đầy 100%), VSIP 3 (20% lãi gộp của 646ha ghi nhận từ 2024) và Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 (345ha, có thể bắt đầu ghi nhận doanh thu cho thuê từ năm 2024).
- Năm 2023, PHR ghi nhận 1.351,02 tỷ đồng doanh thu, 663,74 tỷ đồng lãi sau thuế. Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt 2.143 tỷ đồng, nợ phải trả chiếm 38% tổng nguồn vốn và 61% vốn chủ sở hữu trong đó 57% (1.338 tỷ đồng) là doanh thu chưa thực hiện, PHR có lịch sử duy trì tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền ổn định.
- Quý 1, PHR đã khai thác 1.364 tấn mủ quy khô (11% KH 2024), tiêu thụ 4.423 tấn (13.36% KH2024), giá bán TB đạt 37 triệu đồng/tấn (101,6% KH). Doanh thu đạt 323,4 tỷ đồng (-0,89% YoY), lãi sau thuế 78,4 tỷ đồng (-66,4% YoY), tương ứng 22% và 32% KH năm. Lợi nhuận giảm mạnh so cùng kỳ do năm 2023 PHR ghi nhận tiền đền bù khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3.
- Triển vọng: Giá cao su thế giới tăng 28% từ đầu năm do tình trạng thiếu hụt nguồn cung cao su tự nhiên, đặc biệt là từ Thái Lan và Indonesia; Giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030, PHR dự kiến sử dụng 4.992 ha để quy hoạch KCN, 1.018 ha quy hoạch cụm công nghiệp (8 cụm công nghiệp ở huyện Phú Giáo, 4 cụm công nghiệp ở huyện Bắc Tân Uyên và 2 cụm công nghiệp ở huyện Bàu Bàng), 1.300 ha quy hoạch khu dân cư. PHR sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý triển khai KCN Tân Bình mở rộng (1.055ha), làm chủ đầu tư KCN-Đô thị-Dịch vụ Hội Nghĩa (715ha) Bình Mỹ (1.002ha), KCN Tân lập 1 (201,62ha) dự kiến bắt đầu cho thuê từ 2025.

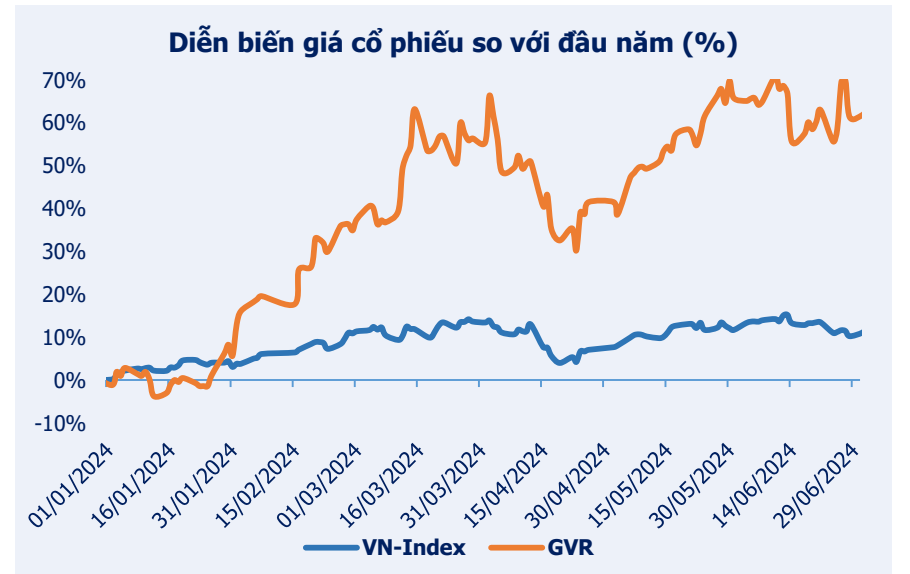




# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE – GVR)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>34.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>36.000-37.000</b>	<b>Doanh thu</b>	4.158,22	6.195,32	7.591,18	4.585,37	24.999
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>36.200</b>	<b>% yoy</b>	-25,24%	5,95%	-15,77%	10,89%	+1,1%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>136.800</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	704,47	493,61	1.416,19	650,03	3.437
<b>EPS ttm</b>	<b>637,13</b>	<b>% yoy</b>	-40,18%	-50,33%	8,03%	-13,98%	+2,03%
<b>BV</b>	<b>12.699,97</b>	<b>Tổng tài sản</b>	76.664,28	77.796,79	78.385,27	76.913,14	
<b>PE trailing</b>	<b>53,68</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	54.174,59	55.290,02	54.853,58	56.018,18	
<b>PB trailing</b>	<b>2,69</b>	<b>ROA (%)</b>	3,67	3,01	3,30	3,35	
		<b>ROE (%)</b>	5,75	4,70	6,83	6,82	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	21,78	19,93	21,12	23,47	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	16,94	7,97	18,66	14,18	



- Dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng GD2 (344 ha) đã được TT phê duyệt chủ trương và UBND tỉnh Bình Dương đã có quyết định cho thuê đất để thực hiện dự án; Các dự án đang trình Thủ tướng gồm: Dự án đầu tư KCN 317 ha do CTCP KCN Bắc Đồng Phú làm chủ đầu tư; Dự án KCN Rạch Bắp mở rộng 360 ha (Bình Dương); Dự án KCN Minh Hưng III mở rộng (577,53 ha).
- Năm 2023, doanh thu đạt 22.079,89 tỷ đồng (-13,16% YoY, =91% KH), lãi sau thuế 3.369,95 tỷ đồng (-29,10% YoY, =100,2% KH). Kế hoạch 2024 với 24.999 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng 2% lên 3.437 tỷ đồng, cổ tức 2024 là 3%, cổ tức 2023 là 3%. Lũy kế 5 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất hơn 7.100 tỷ đồng (=28,5% KH2024), lợi nhuận đạt 1.108 tỷ đồng (=32% KH2024), qua đó tiêu thụ 150.000 tấn cao su với giá bán bình quân 38,4 triệu đồng/tấn, cao hơn 6 triệu/tấn so với cùng kỳ.
- Ngày 1/3/2024, GVR được Thủ tướng chấp thuận đầu tư Dự án KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1 tại Tây Ninh (495,17 ha) vốn đầu tư 2.350 tỷ đồng trong đó vốn góp của GVR là 352,5 tỷ đồng. GVR đang hợp tác với Sở Giao dịch Hàng hoá Việt Nam (MXV) để hoàn thiện các quy trình, quy định và dự kiến chính thức niêm yết cao su tự nhiên và giao dịch trên sàn từ quý 4/2024.
- Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi giúp giá cao su tăng 28% từ đầu năm; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới. GVR đang khai thác 3.932ha các KCN, mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư); 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR; 4/GVR được Bộ KH&ĐT trình Chính phủ kế hoạch thoái vốn đến hết năm 2025.

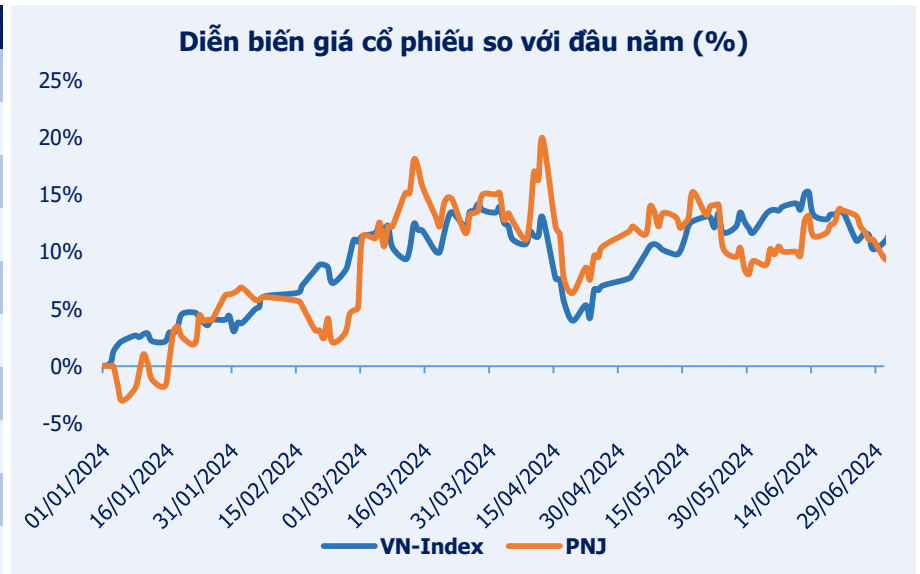


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE – PNJ)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>95.300</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>110.000-115.000</b>	<b>Doanh thu</b>	6.663,32	6.917,55	9.760,38	12.593,84	37.147,63
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>97.800</b>	<b>% yoy</b>	-17,41%	-6,06%	17,57%	28,57%	+12,10%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>31.950</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	337,59	253,34	631,97	737,81	2.089,20
<b>EPS ttm</b>	<b>5.819,86</b>	<b>% yoy</b>	-8,02%	0,42%	35,49%	-1,44%	+5,99%
<b>BV</b>	<b>31.307,97</b>	<b>Tổng tài sản</b>	13.492,85	13.055,16	14.429,94	12.968,93	
<b>PE trailing</b>	<b>16,41</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	9.194,05	9.437,00	9.806,57	10.474,38	
<b>PB trailing</b>	<b>3,05</b>	<b>ROA(%)</b>	13,85	13,71	14,20	14,54	
		<b>ROE (%)</b>	20,46	19,84	21,60	20,16	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	18,15	17,31	17,94	17,07	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	5,07	3,66	6,47	5,86	



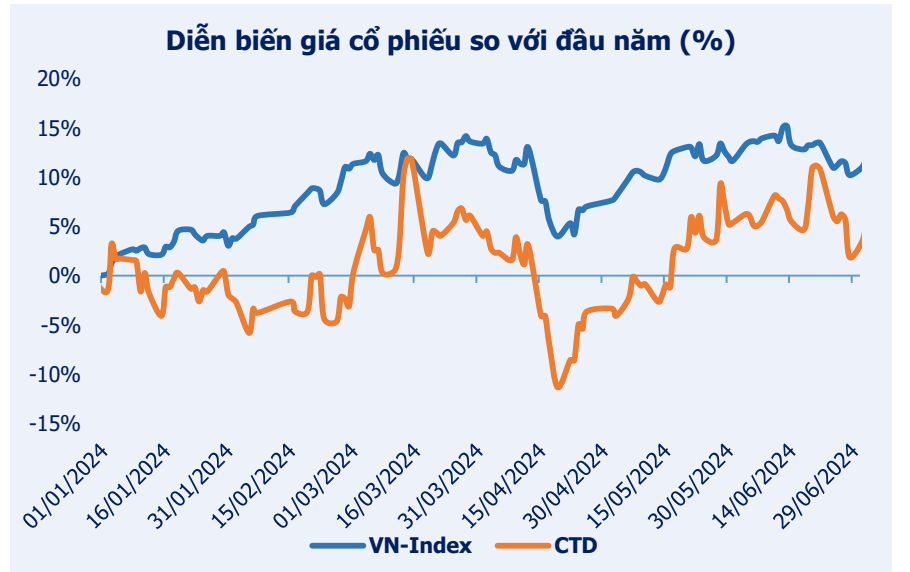
- Công ty hàng đầu về sản xuất và kinh doanh trang sức tại Việt Nam.
- Năm 2023 đạt 33.137 tỷ đồng doanh thu (-2,2% YoY), lãi sau thuế 1.971 tỷ đồng (+8,9% YoY), hoàn thành 93% kế hoạch doanh thu và 101,7% kế hoạch lợi nhuận. Biên lãi gộp trung bình cả năm 2023 đạt 18,3% so với mức 17,5% của năm 2022. Năm 2024, đặt kế hoạch 37.747 tỷ doanh thu (+12,1% YoY), 2089 tỷ lãi sau thuế (+6% YoY), cố tức 20% bằng tiền.
- Quý 1/2024 đạt 12.594 tỷ đồng doanh thu (+29% QoQ, +28,6% YoY), 737,8 tỷ lãi sau thuế (+16,8% QoQ, -1,4% YoY). Lũy kế 5 tháng, doanh thu ước 19.547 tỷ đồng (+36,9% YoY), lãi sau thuế 1.051 tỷ đồng (+8,5% YoY), tương ứng 52,6% và 50,3% kế hoạch năm 2024. Doanh thu vàng miếng 5 tháng tăng mạnh 90,9% YoY trong khi trang sức bán lẻ tăng 12,8% YoY, bán buôn tăng 16,4% YoY. Biên lãi gộp trung bình 5 tháng là 16,5%, giảm so với 19% cùng kỳ. Trong 5 tháng đầu năm PNJ mở thêm 12 cửa hàng, đóng 7 cửa hàng, tổng cộng có 405 cửa hàng bao gồm 396 cửa hàng PNJ, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ.
- Ngày 20/10/2023, GDKHQ trả cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 8%. Ngày 5/1/2024, đã phát hành 6.559.992 cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp, nâng vốn lên trên 3.345 tỷ đồng. Năm 2024 dự kiến phát hành 3,3 triệu cổ phiếu ESOP giá 20.000đ/cp.
- Ngày 15/3/2024 chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền tỷ lệ 6%.



# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Xây dựng Coteccons (HOSE – CTD)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>72.400</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>78.000-81.000</b>	<b>Doanh thu</b>	3.614,68	4.123,96	5.659,93	4.665,85	17.793,00
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>76.500</b>	<b>% yoy</b>	10,18%	32,45%	-9,15%	49,09%	+163,8%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>7.005</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	30,14	66,64	69,09	104,90	274,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.848,30</b>	<b>% yoy</b>	226,46%	1995,85%	266,16%	375,49%	+426,6%
<b>BV</b>	<b>85.251,51</b>	<b>Tổng tài sản</b>	21.375,03	20.550,86	21.651,89	20.932,93	
<b>PE trailing</b>	<b>24,61</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	8.271,71	8.338,35	8.407,43	8.519,71	
<b>PB trailing</b>	<b>0,82</b>	<b>ROA(%)</b>	0,35	0,68	0,93	1,28	
		<b>ROE (%)</b>	0,82	1,67	2,26	3,23	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	2,79	2,43	2,99	4,73	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	0,83	1,62	1,22	2,25	



- CTD là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại, và gần đây là công nghiệp với việc trúng gói thầu xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tỷ đô của LEGO và dự án của Foxconn.
- Trong Quý 2/2024 niên độ tài chính 2023-2024 (từ 1/10/2023 – 31/12/2023). CTD ghi nhận doanh thu 5.660 tỷ đồng (-9,0% YoY), lợi nhuận sau thuế 69,1 tỷ đồng, gấp 3,67 lần cùng kỳ, mức cao nhất trong 11 quý. Lũy kế bán niên 2024, CTD ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu (+5,0% YoY) và 136 tỷ đồng LNST, gấp 8,8 lần cùng kỳ. Quý I năm 2024 ghi nhận 4.666 doanh thu (+49% YoY) và 105 tỷ lãi sau thuế (+380% YoY), 9 tháng niên độ tài chính đạt 14.450 tỷ doanh thu (+16% YoY) và lãi sau thuế 241 tỷ đồng (+540% YoY), tương ứng 81% và 88% KH năm.
- Triển vọng: Dòng vốn FDI gia tăng kéo theo nhu cầu về hoạt động xây lắp công nghiệp trong và ngoài nước, CTD đã có uy tín từ hoạt động xây lắp các công trình lớn như Lego, Foxconn và đang gia tăng tỷ trọng mảng này trong backlog từ 14% lên 20% (tổng lượng backlog có giá trị 24.000 tỷ VNĐ tính đến hết năm 2023); Thị trường bất động sản dự báo phục hồi từ năm 2025 sẽ hỗ trợ cho mảng xây lắp dân dụng của CTD.
- Ngày 9/2/2024, CTD hoàn tất thủ tục mua lại 100% vốn góp 2 công ty là Công ty TNHH Sinh Nam Metal (Việt Nam) – cung cấp Facade (nhôm kính, cung cấp nguyên liệu làm bề mặt công trình) và Công ty TNHH Cơ và Điện UG Việt Nam, đồng thời đã thành lập một công ty con ở Mỹ, đặt văn phòng tại bang Florida.

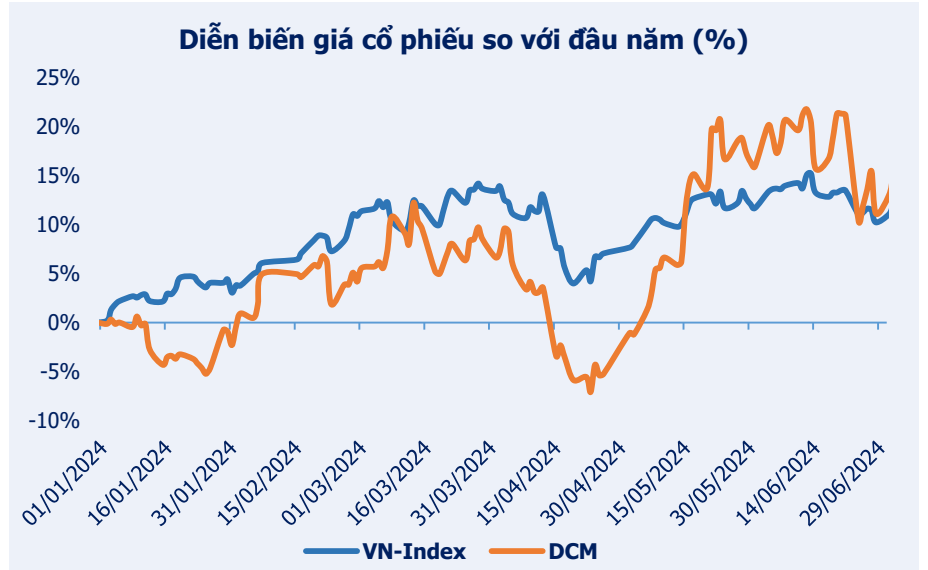


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2024

## CTCP Đạm Cà Mau (HOSE – DCM)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>37.250</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>41.000-43.000</b>	<b>Doanh thu</b>	3.290,95	3.010,59	3.565,57	2.744,04	11.878
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>39.450</b>	<b>% yoy</b>	-19,41%	-8,97%	-20,03%	0,34%	-5,73%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>19.058</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	312,72	74,13	491,81	349,60	795
<b>EPS ttm</b>	<b>2.016,49</b>	<b>% yoy</b>	-69,34%	-89,86%	-51,01%	52,21%	-28,24%
<b>BV</b>	<b>19.380,61</b>	<b>Tổng tài sản</b>	15.599,07	14.714,82	15.277,98	15.743,58	
<b>PE trailing</b>	<b>17,85</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	11.102,25	9.568,08	9.993,19	10.290,89	
<b>PB trailing</b>	<b>1,86</b>	<b>ROA(%)</b>	15,70	10,93	7,54	7,98	
		<b>ROE (%)</b>	21,53	15,38	10,82	11,99	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	11,25	5,89	24,28	25,86	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	9,50	2,46	13,79	12,74	



- Một trong những công ty sản xuất phân bón lớn tại Việt Nam với sản phẩm chủ lực là Ure hạt đục và NPK, hiện chiếm thị phần 60% tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và xuất khẩu sang Campuchia, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines, Nhật Bản, Bangladesh.
- Năm 2023 đạt 12.601 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY) và 1.108 tỷ đồng lãi sau thuế (-74% YoY). Tình hình tài chính vững mạnh với lượng tiền và tương đương tiền tại cuối năm 2023 đạt 10.526 tỷ đồng, tương ứng 69% tổng tài sản và 2 lần nợ phải trả. Nợ vay là 847 tỷ đồng và tương đương 8,4% vốn chủ sở hữu. Quý I năm 2024, ghi nhận 2.744 tỷ đồng doanh thu (+0,34% YoY), 349 tỷ lãi sau thuế (+52,2% YoY), tương ứng 23% và 43,8% kế hoạch năm. Lũy kế 5 tháng 2024, DCM tiêu thụ 324.820 tấn ure (33% KH năm), xuất khẩu 150.660 tấn (66%KH), tiêu thụ 8.420 tấn NPK (4,6% KH). Kế hoạch tháng 5/2024, DCM mục tiêu sản xuất 80.790 tấn ure, giảm 2% MoM, 24.750 tấn NPK (gấp 2 lần MoM).
- DCM dự kiến thực hiện Dự án nhà máy tại KCN Long Mỹ, TP Quy Nhơn, xây dựng từ Quý I/2024 và hoạt động Quý I/2025, diện tích hơn 29.755 m<sup>2</sup>, vốn đầu tư gần 120 tỷ đồng. Nhà máy sản xuất, phối trộn phân bón NPK+TE (khoảng 50.000 tấn/năm); đóng gói các loại phân bón (khoảng 50.000 tấn/năm); lưu trữ, kinh doanh phân bón, NVL sản phẩm phân bón khoảng 150.000 tấn/năm. DCM ký kết hợp tác với Wuhuan Engineering Co.,Ltd - một trong những công ty kỹ thuật hóa dầu lớn nhất Trung Quốc, nhằm nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm; nghiên cứu nâng công suất Nhà máy Đạm Cà Mau; hợp tác để Đạm Cà Mau cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, vận hành cho các dự án mới của Wuhuan. Hoàn thành mua 100% vốn góp công ty Phân bón Hàn - Việt (360.000 tấn NPK/năm).
- Triển vọng: Kỳ vọng mặt hàng phân bón được thông qua và phân vào nhóm chịu thuế GTGT 5%; DCM sẽ hết khấu hao nhà máy từ năm 2025.

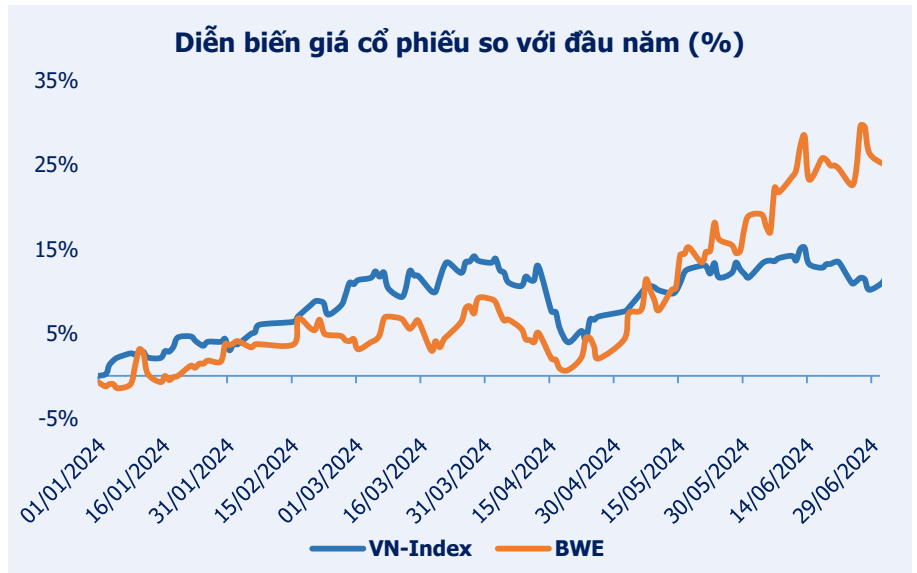


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## CTCP - Tổng công ty nước - môi trường Bình Dương (HOSE – BWE)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>45.500</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>50.000-51.000</b>	<b>Doanh thu</b>	876,88	840,49	1.127,89	791,70	4.100,00
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>46.850</b>	<b>% yoy</b>	3,52%	-2,28%	8,11%	16,32%	+16,28%
<b>Vốn hóa (tỷ VND)</b>	<b>10.051</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	209,96	178,09	150,66	179,72	700,00
<b>EPS ttm</b>	<b>2.690,07</b>	<b>% yoy</b>	3,40%	-9,43%	-11,56%	27,71%	+2,64%
<b>BV</b>	<b>22.172,84</b>	<b>Tổng tài sản</b>	11.052,64	11.335,08	12.108,12	11.980,28	
<b>PE trailing</b>	<b>16,99</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	4.611,23	4.806,94	4.957,38	5.028,11	
<b>PB trailing</b>	<b>2,06</b>	<b>ROA(%)</b>	7,01	6,55	6,10	6,11	
		<b>ROE (%)</b>	16,26	15,53	14,67	15,10	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	43,64	43,64	42,50	49,54	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	23,94	21,19	13,36	22,70	



- BWE là nhà khai thác, xử lý nước thuộc top 3 tại Việt Nam, lên tới 822.000 m3/ngày, độc quyền cấp nước tại tỉnh Bình Dương Ngoài ra, công ty cũng cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, chất thải tại Bình Dương. BWE đang tích cực mở rộng địa bàn hoạt động thông qua M & A các công ty cùng ngành tại Đồng Nai, Cần Thơ, Long An và Quảng Bình. BWE cũng đang có kế hoạch mở rộng đầu tư sang các tỉnh lân cận như Bình Phước, Bến Tre...
- Năm 2023 đạt 3.526 tỷ đồng doanh thu (+1,2% YoY), lãi 682 tỷ đồng (-8,6% YoY), trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 14%. Năm 2024, BWE đặt kế hoạch doanh thu 4.100 tỷ đồng (+3,1% YoY), lãi sau thuế tối thiểu 700 tỷ đồng (+16,5% YoY), cổ tức tiền mặt tối thiểu 13%. Đối với lĩnh vực cấp nước, tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án giá nước sạch; đầu tư nâng cấp công suất nhà máy nước Nhị Thành thêm 60.000 m3/ngày, tăng công suất của Gia Tân năm 2025 đạt 40.000 đến 50.000 m3/ngày ...Quý I đạt 792 tỷ doanh thu (+16,3% YoY) và 180 tỷ lãi sau thuế (+27,7% YoY), tương ứng 19,3% và 25,7% kế hoạch năm.
- Triển vọng: Hưởng lợi từ nhu cầu tiêu thụ nước tăng tại các KCN tỉnh Bình Dương nhờ vốn FDI tăng, tỷ lệ đô thị hóa cao, giá nước kì vọng sẽ tiếp tục tăng 3%-5%/năm từ năm 2024. Doanh thu xử lý chất thải tăng nhờ mức giá cao hơn (BWE đang đề xuất tăng 10% cho mảng dân cư) và mở rộng công suất; BWE dự kiến hoàn thành xây dựng dây chuyền xử lý của nhà máy xử lý chất thải giai đoạn 4 (tổng công suất 840 tấn/ngày) và lò đốt rác (tổng công suất 200 tấn/ngày) trong năm 2024. Trong dài hạn, BWE đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng/thu mua 400ha đất mới tại huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương để xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải Tân Long, mở rộng hoạt động kinh doanh xử lý chất thải.
- Ngày 17/05/2024 BWE trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 14%.

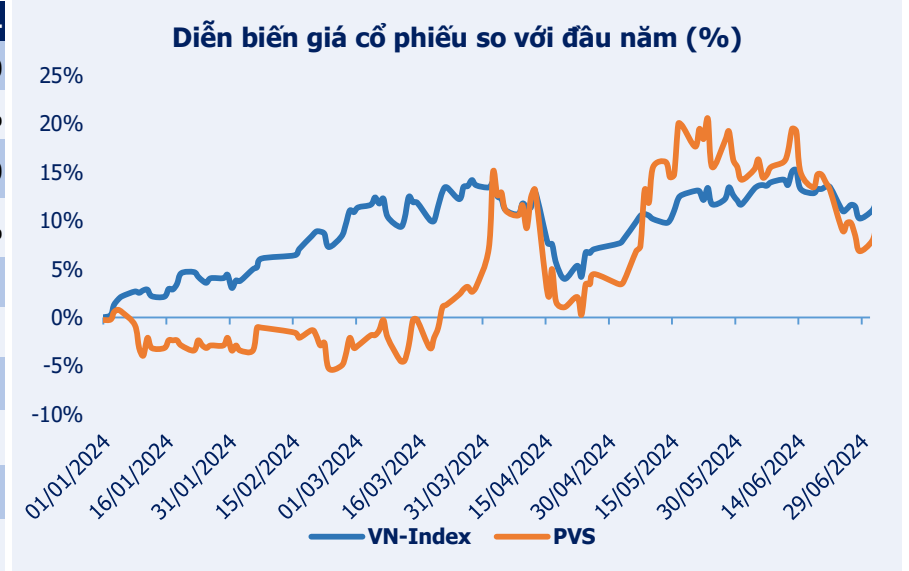


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 3-2024

## Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX – PVS)

Giá hiện tại	41.600	(tỷ đồng)	Q2/2023	Q3/2023	Q4/2023	Q1/2024	KH2024
Giá mục tiêu PTKT	45.000-46.000	<b>Doanh thu</b>	4.711,86	4.175,55	6.758,31	3.709,59	15.500
Giá cao nhất tháng 6	45.400	<b>% yoy</b>	23,67%	19,22%	27,89%	0,16%	-20%
Vốn hóa	19.405	<b>Lãi sau thuế</b>	235,10	143,56	293,24	304,74	660
EPS ttm	2.327,21	<b>% yoy</b>	2177,86%	-25,62%	-45,89%	33,94%	-26,5%
BV	27.675,23	<b>Tổng tài sản</b>	27.057,18	28.564,17	26.401,14	25.468,21	
PE trailing	17,45	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	13.132,66	13.399,46	13.383,63	13.935,60	
PB trailing	1,47	<b>ROA(%)</b>	3,60	3,30	3,92	3,54	
		<b>ROE (%)</b>	7,60	7,11	8,43	7,46	
		<b>Biên lãi gộp (%)</b>	3,98	4,33	5,57	6,97	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	4,99	3,44	4,34	8,21	



- Năm 2023 đạt doanh thu 19.349 tỷ đồng (+18,2% YoY=146,5% KH), lãi sau thuế 899,4 tỷ đồng (-14,4% YoY=160,6% KH) do biên lãi gộp giảm (4,9% so với 6,2% năm 2022) và chi phí quản lý, tài chính tăng. Tiền mặt và tiền gửi NH đạt 10.116 tỷ đồng, tương ứng 38,3% tổng tài sản và 78% nợ phải trả. Năm 2024 đặt kế hoạch 15.500 tỷ đồng doanh thu (-20% YoY), 660 tỷ đồng lãi sau thuế (-26,5% YoY), cổ tức 2023 bằng tiền tỷ lệ 7%, cổ tức 2024 dự kiến 7% bằng tiền. Quý I đạt 3.709 tỷ đồng doanh thu (+0,16% YoY) và 305 tỷ lãi sau thuế (+33,9% YoY) tương ứng 23,9% KH doanh thu và 46,2% KH lợi nhuận năm
- PVS đang thực hiện chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đà Loan, hợp đồng thiết kế, chế tạo và chạy thử 9 trạm biến áp ngoài khơi bàn giao 2024-2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi tại Đà Loan và Ba Lan, tổng giá trị 1,5 tỷ USD.
- Dự án Lô B Ô Môn: Liên doanh PVS-McDermott đã ký hợp đồng gói thầu EPCI#1 (giá trị phần của PVS là 492,7 triệu USD). PVS đã nhận được Thư thỏa thuận giới hạn (LLOA) của gói thầu EPCI#2 (giá trị 300 triệu USD), trúng thầu Thiết kế dự án Đường ống (6.243 tỷ đồng) và đang tham gia đấu thầu các hợp đồng khác. Ban lãnh đạo PVS kỳ vọng dự án Lô B sẽ nhận được Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) vào đầu quý 2/2024.
- Dự án xuất khẩu 1,3Gw điện gió ngoài khơi sang Singapore: PVS đã được trao giấy phép khảo sát tại khu vực biển Bà Rịa - Vũng Tàu và Singapore đã trao Giấy phép nhập khẩu điện có điều kiện (CA) cho Liên doanh Sembcorp Utilities – PVS. Dự kiến sẽ bắt đầu bán điện sớm nhất vào năm 2033.

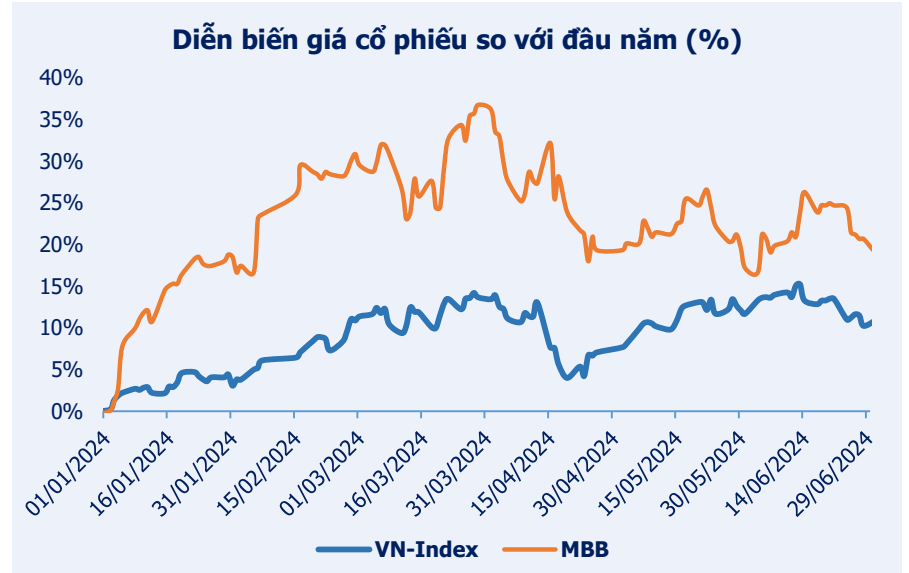


Biến cơ hội thành giá trị

# DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7-2024

## Ngân hàng TMCP Quân Đội (HOSE – MBB)

<b>Giá hiện tại</b>	<b>22.200</b>	<b>(tỷ đồng)</b>	<b>Q2/2023</b>	<b>Q3/2023</b>	<b>Q4/2023</b>	<b>Q1/2024</b>	<b>KH2024</b>
<b>Giá mục tiêu PTKT</b>	<b>29.500-30.500</b>	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	11.560,84	12.065,15	11.750,36	12.016,70	-
<b>Giá cao nhất tháng 6</b>	<b>24.000</b>	<b>% yoy</b>	3,02%	9,82%	-0,01%	0,73%	-
<b>Vốn hóa</b>	<b>5.869</b>	<b>Lãi sau thuế</b>	4.982,44	5.820,71	5.045,09	4.624,22	-
<b>EPS ttm</b>	<b>707,52</b>	<b>% yoy</b>	3,93%	15,61%	40,14%	-11,17%	+6-8%*
<b>BV</b>	<b>14.697,73</b>	<b>Tiền gửi khách hàng</b>	475.406,13	479.732,57	567.532,58	558.826,06	
<b>PE trailing</b>	<b>31,09</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>	518.071,33	536.301,78	611.048,83	615.316,72	
<b>PB trailing</b>	<b>1,50</b>	<b>Nợ xấu(%)</b>	1,44	1,89	1,60	2,49	≤2,0
		<b>ROE (%)</b>	23,40	23,40	24,51	22,43	
		<b>NIM(%)</b>	5,42	5,23	4,79	4,47	
		<b>Biên lãi ròng (%)</b>	43,10	48,24	42,94	38,48	



- MBB là Ngân hàng dẫn đầu về tổng tài sản và có hiệu quả sử dụng vốn cao trong khối NHTMCP tư nhân. ROE TTM tại thời điểm Q1.2024 là 22,43%, NIM 4,47%, cao vượt trội so với tỷ lệ 16,61% và 3,38% của trung bình ngành, tỷ lệ CASA tại thời điểm cuối Q1.2024 đạt 34,73%, cao thứ 2 toàn ngành.
- Giá cổ phiếu đã phản ánh KQKD kém tích cực của Q1.2024. MBB ghi nhận LNTT Q1.2024 giảm 11% YoY, còn 5.795 tỷ đồng do tín dụng tăng chậm (0,7% YTD) và chi phí dự phòng nợ xấu tăng 46% YoY (NPL tăng từ 1,6% cuối năm 2023 lên 2,49% do nợ liên đới từ CIC, phần lớn đến từ một khách hàng doanh nghiệp lớn) trong đó nợ nhóm 5 tăng từ 2.889 tỷ đồng lên 6.048 tỷ đồng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại cuối Q1.2024 giảm xuống 80,1%, so với mức 117% tại thời điểm cuối năm 2023.
- Hiện MBB đang được giao dịch ở mức định giá P/B 1,26x, thấp hơn 10% so với mức PE trung bình giai đoạn 2019-2024. Định giá của MBB cũng thấp hơn đáng kể so với P/B trung bình Ngành Ngân hàng (1,66x).
- Câu chuyện đầu tư. KQKD Q2.204 dự báo khả quan nhờ tín dụng cải thiện (dự kiến 6 tháng 6% – 6,5%) so với kế hoạch 15,5%-16% cả năm 2024; MBB phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 15%. MBB đang trong giai đoạn hoàn tất việc nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng yếu kém (OceanBank), dự kiến hoàn thành trong năm 2024, kỳ vọng giúp MBB được cấp room tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình ngành. Tăng trưởng cho vay khách hàng năm 2023 của MBB là 33,66%, gấp 2,45 lần tăng trưởng chung toàn ngành (13,71%).



Biến cơ hội thành giá trị

# TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

**Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển**  
[Hien.nth@shs.com.vn](mailto:Hien.nth@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
[Nhat.pt@shs.com.vn](mailto:Nhat.pt@shs.com.vn)

**Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[Nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:Nguyet.dta@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Trần Hồng Mây**  
[May.th@shs.com.vn](mailto:May.th@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Lê Thu Huyền**  
[Huyen.lt@shs.com.vn](mailto:Huyen.lt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Vũ Nhật Ánh**  
[Anh.vn@shs.com.vn](mailto:Anh.vn@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup.*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:  
**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

## **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

## **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)